

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



KỶ YẾU HỘI NGHỊ GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TOÀN QUỐC NĂM 2024



Hà Nội, tháng 3 năm 2024

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023,
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024

Phần thứ nhất
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa rất quan trọng, tạo động lực để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2021 - 2025. Trong bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế có những thuận lợi và khó khăn, thách thức, được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội; sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự đồng hành, chia sẻ, ủng hộ của các bộ, ngành, địa phương, viện, trường, doanh nghiệp, toàn ngành KH&CN đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, đóng góp tích cực, hiệu quả vào thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia. Kết quả, thành tựu chung của ngành KH&CN trong năm 2023 có sự đóng góp rất lớn của KH&CN&ĐMST ở các địa phương trên cả nước.

A. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

I. Tình hình tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quản lý và triển khai các nhiệm vụ về KH, CN&ĐMST ở địa phương

- Năm 2023, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn có tác động trực tiếp đến hoạt động KH, CN&ĐMST¹, trong đó phải kể đến Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới (Nghị quyết số 36-NQ/TW); Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 45-NQ/TW); Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp

¹ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 13/32 đề án/văn bản thuộc lĩnh vực KH&CN gồm 01 Nghị quyết của Bộ Chính trị; 02 Nghị định, 03 Nghị quyết của Chính phủ; 06 Quyết định, 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, ngày 25/6/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 25/6/2023 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 98/2023/QH15)².

Tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023), Quốc hội đã tiến hành thảo luận về dự án Luật Thủ đô (sửa đổi), với nhiều quy định đột phá về phát triển KH,CN&ĐMST, hướng tới xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm KH&CN, đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á.

Quốc hội khóa XV ban hành Nghị quyết 100/2023/QH15 ngày 30/6/2023 về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, đã yêu cầu sớm khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN; đặc biệt yêu cầu *“Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật KH&CN (Luật KH&CN, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu KH,CN&ĐMST theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để KH,CN&ĐMST thực sự là đột phá chiến lược, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”*...

Cụm từ *“Chấp nhận rủi ro, tính đặc thù và độ trễ trong nghiên cứu khoa học”* được lãnh đạo Đảng, Chính phủ nhiều lần đề cập đến trong các kỳ họp, diễn đàn về chính sách KH&CN được coi là bước đổi mới trong tầm nhìn, tư duy quản lý KH&CN. Tại văn bản số 690/TTg-KGVX ngày 30/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ KH&CN *“Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, rà soát các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực KH&CN, tham mưu, đề xuất Chính phủ, cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá, các giải pháp toàn diện, hiệu quả để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đổi mới mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và khuyến khích đổi mới sáng tạo”*. Bộ KH&CN đã phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quy định pháp luật hiện hành và đề xuất nội dung, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quy định quản lý, nhất là quy định về đầu tư và tài chính, quản lý tài sản được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; việc chấp nhận độ trễ, rủi ro trong nghiên cứu khoa học... để thúc đẩy KH&CN phát triển.

² Hiện nay, có 08 địa phương gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Cần Thơ đang áp dụng cơ chế thí điểm, chính sách đặc thù phát triển tỉnh/thành phố đã phát huy tác dụng tích cực, thu ngân sách nhà nước liên tục tăng, tạo tác động lan tỏa, tạo sức bật, đột phá ở những thế mạnh chưa được khai thác đúng tầm, đúng tiềm năng ở địa phương.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN&ĐMST, năm 2023, Bộ KH&CN tiếp tục tập trung vào công tác hoàn thiện thể chế, chính sách về KH, CN&ĐMST, cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN. Đã tham mưu, trình cấp có thẩm quyền các dự án Luật³; ban hành theo thẩm quyền 23 Thông tư để cụ thể hóa các quy định pháp luật trong lĩnh vực KH, CN&ĐMST, trong đó đã tập trung nghiên cứu, sửa đổi các Thông tư quy định quản lý chương trình/nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia theo hướng cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Chương trình, nhiệm vụ KH&CN ở tất cả các cấp...⁴; phối hợp với Bộ Tài chính để ban hành 02 Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước⁵ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý KH&CN từ Trung ương tới địa phương.

Tham gia góp ý, thẩm định quy hoạch của 59 tỉnh/thành phố; 06 vùng KT-XH; góp ý về kế hoạch triển khai Quy hoạch tỉnh/thành phố trên cả nước. Tham gia thành viên các Hội đồng điều phối của 06 vùng KT-XH; tổ chức Đoàn công tác của các Thành viên Chính phủ⁶ làm việc với hai tỉnh Hòa Bình và Sơn La về tình hình sản xuất kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư công, xây dựng hạ tầng, xuất nhập khẩu trên địa bàn theo phân công của Thủ tướng Chính phủ; thành lập Tổ điều phối vùng của Bộ KH&CN nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp với Sở KH&CN các tỉnh/thành phố kịp thời tham mưu, giúp Lãnh đạo Bộ thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ điều phối phát triển vùng, đề xuất giải pháp giúp thúc đẩy phát triển KH, CN&ĐMST tại địa phương góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 389/TB-VPCP ngày 22/12/2022 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính làm việc với Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Bộ KH&CN đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong vùng Đông Nam Bộ xây dựng “*Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy hoạt động KH, CN&ĐMST của vùng Đông Nam Bộ nói chung, trong đó TP. Hồ*

³ Cụ thể: (i) Đã trình Chính phủ hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; (ii) Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; (iii) Xây dựng hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN để đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025; (iv) Triển khai tổng kết tình hình thực hiện Luật Năng lượng nguyên tử và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm tiến độ trình Chính phủ hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) trước ngày 01/8/2024.

⁴ Các thông tư tập trung sửa đổi về trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng NSNN); tuyển chọn, giao trực tiếp (Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước); kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng NSNN (Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia).

⁵ Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí NSNN thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

⁶ Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 và Quyết định số 853/QĐ-TTg ngày 17/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ KH&CN là thành viên Chính phủ chủ trì làm việc với hai tỉnh Hòa Bình và Sơn La.

Chi Minh đóng vai trò dẫn dắt”, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành (Tờ trình số 3146/TTr-BKHCN ngày 14/9/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN).

Đặc biệt trong năm 2023, trên cơ sở thành công thử nghiệm bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) năm 2022 tại 20 tỉnh/thành phố⁷, Bộ KH&CN tiếp tục hoàn thiện khung chỉ số, phương pháp để triển khai trên toàn quốc. Năm 2023, lần đầu tiên bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) được xây dựng và triển khai trên toàn quốc theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2023. Đây là công cụ đo lường phản ánh năng lực và kết quả đổi mới sáng tạo của từng địa phương, góp phần cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia. Dự kiến, kết quả xếp hạng chỉ số PII lần đầu sẽ được Bộ KH&CN công bố trong quý I/2024.

- Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực KH&CN, Sở KH&CN các tỉnh/thành phố trên cả nước đã chủ động, tích cực tham mưu cho Tỉnh ủy/Thành ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) ban hành 477 văn bản (Tỉnh ủy/Thành ủy ban hành 39 văn bản, HĐND ban hành 64 văn bản, UBND ban hành 374 văn bản) về KH,CN&ĐMST, trong đó có 73 Nghị quyết, Chỉ thị⁸; 185 Chương trình, Kế hoạch, Đề án⁹; 219 Quyết định, Quy định quản lý¹⁰. Các văn bản tập trung chủ yếu vào thúc đẩy phát triển hoạt động KH,CN&ĐMST, quy định quản lý kinh phí nhiệm vụ KH&CN và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST), hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống; phát triển tài sản trí tuệ (TSTT), sáng kiến, sáng chế,...

⁷ 20 tỉnh/thành phố tham gia thí điểm bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2022 gồm: Sơn La, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Phú Yên, Gia Lai, Đồng Tháp, Bến Tre, Cần Thơ, TP HCM, Bình Dương. Kết quả có 18 tỉnh/thành phố lọt vào xếp hạng.

⁸ Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND TP. Hà Nội quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND TP. Hà Nội; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 28/04/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động KH,CN&ĐMST trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND TP. Đà Nẵng quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn TP. Đà Nẵng; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 31/3/2023 của Tỉnh ủy Tây Ninh về phát triển KH,CN&ĐMST trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 13/6/2023 của BTV Tỉnh ủy Bạc Liêu về đẩy mạnh phát triển KH,CN&ĐMST trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2030...

⁹ Kế hoạch số 3631/KH-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 14/8/2023 của UBND TP. Hải Phòng thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động KH,CN&ĐMST tạo giữa Bộ KH&CN và UBND TP. Hải Phòng giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 23/02/2023 của tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai thực hiện Đề án “Phát triển vùng nguyên liệu và các sản phẩm dược liệu gắn với chương trình môi xã một sản phẩm (OCOP) ở tỉnh TTH đến năm 2030”; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 4/20/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về triển khai thực hiện “Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Phú Yên...

¹⁰ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 09/03/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản trang bị đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt “Đề án triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên”; Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Chương trình phát triển KH,CN&ĐMST tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Đề án khung nhiệm vụ KH&CN về quỹ gen tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 3/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk...

Ngay sau khi Nghị quyết số 36-NQ/TW được ban hành, có 33 Tỉnh uỷ/Thành uỷ đã ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động thực hiện¹¹, với các quy định về quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học (CNSH) phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương như: quy định về hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp CNSH nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ (SHTT); xây dựng thương hiệu, thương mại hóa sản phẩm; đào tạo nguồn nhân lực CNSH; hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín đạt trình độ quốc tế...

II. Tình hình sử dụng kinh phí và các giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho KH&CN

Công tác đầu tư, tài chính: Trong những năm gần đây, công tác đầu tư tài chính cho hoạt động KH,CN&ĐMST của các tỉnh/thành phố ngày càng được quan tâm chú trọng, kinh phí dành cho KH&CN ngày càng cao, hướng đầu tư ngày càng tập trung, bảo đảm hiệu quả chi, đầu tư ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST. Về cơ bản, các địa phương đều bố trí kinh phí sự nghiệp KH&CN đảm bảo tối thiểu bằng mức cân đối của Trung ương. Năm 2023, có 39/63 địa phương chủ động cân đối, bố trí kinh phí cao hơn mức Trung ương thông báo¹², nổi bật là: Quảng Ninh (2,8 lần); Thanh Hóa (2,0 lần); Bà Rịa - Vũng Tàu (1,8 lần); Bến Tre, Lào Cai (1,6 lần)... Tuy nhiên, vẫn còn 14 địa phương chưa phân bổ đủ kinh phí đảm bảo mức kinh phí Trung ương thông báo¹³. Tình hình sử dụng ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST địa phương năm 2023 cụ thể như sau:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN do Trung ương thông báo năm 2023 là 3.291,0 tỷ đồng (*cao hơn so với năm 2022 là 96,0 tỷ đồng*); UBND tỉnh/thành phố phê duyệt là 4.098,9 tỷ đồng, đạt 124,5% so với kinh phí Trung ương thông báo; kinh phí thực hiện ước đạt 3.211,0 tỷ đồng, đạt 97,5% so với kinh phí Trung ương thông báo và 77,9% so với kinh phí UBND tỉnh/thành phố phê duyệt. Trong đó, có 26 địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp dưới mức kinh phí UBND tỉnh/thành phố phê duyệt, 10 tỉnh/thành phố thấp dưới 70%¹⁴, 02 thành phố lớn Hà Nội và Hồ Chí Minh có tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 58 - 67%.

- Kinh phí đầu tư phát triển KH&CN do Trung ương thông báo năm 2023 là 183,1 tỷ đồng cho 03 địa phương (Hải Phòng, Thái Bình, Bình Định); UBND tỉnh/thành phố dành cho đầu tư phát triển KH&CN là 1.283,9 tỷ đồng (37/63

¹¹ Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Cà Mau.

¹² 39 địa phương UBND giao kinh phí cao hơn TW thông báo gồm: Quảng Ninh; Thanh Hóa; Bà Rịa - Vũng Tàu; Bến Tre, Lào Cai, TP. Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Tây Ninh, Điện Biên, Bình Định, Đắk Lắk, Hải Phòng, Hà Nội...

¹³ 14 địa phương UBND giao kinh phí thấp hơn TW thông báo gồm: Đồng Tháp (60,7%), Bình Dương (61,4%), Hà Nam (76,0%), Kiên Giang (76,7%), Gia Lai (78,2%), Bạc Liêu (70,7%), Kiên Giang (76,8%)... **Cá biệt Quảng Ngãi chỉ đạt 52,4% TW thông báo; Kon Tum chỉ đạt 48,6% TW thông báo.**

¹⁴ 10 tỉnh/thành phố có tỷ lệ giải ngân thấp dưới 70% so với kinh phí UBND tỉnh/thành phố phê duyệt bao gồm: **Đồng Nai (29,3%), Thanh Hóa (31,9%), Kon Tum (48,6%),** Bắc Ninh (51,6%), Long An (51,9%), Hà Nội (58,9%), Kiên Giang (61,5%), Phú Yên (65,5%), TP. Hồ Chí Minh và Tây Ninh (67,2%).

tỉnh/thành phố¹⁵); kinh phí thực hiện đạt 1.198,8 tỷ đồng (chiếm 93,3% so với kinh phí UBND tỉnh/thành phố phê duyệt). Các dự án chủ yếu tập trung vào xây dựng hạ tầng và trang thiết bị cho các Trung tâm thuộc Sở, tổ chức KH&CN công lập; xây dựng, cải tạo khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu CNSH, khu vườn ươm, trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ... Có thể thấy, mặc dù trong năm 2023 kinh phí đầu tư phát triển KH&CN đã được quan tâm, tuy nhiên nhìn chung còn hạn hẹp, cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị của các trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu.

Huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động KH&CN: Những năm gần đây công tác xã hội hoá trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngày càng được tăng cường. Bộ KH&CN và các địa phương tích cực triển khai nhiều giải pháp nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN&ĐMST. Một số doanh nghiệp đã và đang tiếp tục là “điểm sáng” về chủ động đầu tư cho KH, CN&ĐMST, đổi mới công nghệ, phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao như: (i) Tập đoàn Vingroup đã thành lập Quỹ Đổi mới Sáng tạo Vingroup (VinIF) tài trợ 160,0 tỷ đồng cho KH&CN Việt Nam năm 2023, nâng tổng giá trị tài trợ trong 5 năm gần đây lên tới 800,0 tỷ đồng¹⁶; (ii) Tập Đoàn Sao Mai tỉnh An Giang đã dành khoảng 50,0 tỷ cho nghiên cứu phát triển; (iii) Công ty Dược Hậu Giang dành hơn 50,0 tỷ đồng cho các hoạt động nghiên cứu áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, đổi mới công nghệ; (iv) TP. Hồ Chí Minh đã có hơn 100 Quỹ đầu tư mạo hiểm đang hoạt động; (v) tỉnh Quảng Ninh có 07 doanh nghiệp đã thành lập Quỹ phát triển KH&CN với tổng số vốn là 779,6 tỷ đồng¹⁷ cho hoạt động nghiên cứu, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tại các đơn vị,...

III. Phát triển tiềm lực KH&CN tại địa phương

1. Tổ chức bộ máy

Năm 2023, tổ chức, bộ máy các Sở KH&CN tiếp tục được kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở KH&CN tiếp tục có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ công, năng lực tự chủ, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Theo số liệu thống kê sơ bộ, hiện nay các Trung tâm thực hiện chức năng

¹⁵ Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Nam Định, Thái Bình, Nghệ AN, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp.

¹⁶ Năm 2023, Tập đoàn Vingroup đã trao 40 suất học bổng KH&CN cho 40 tài năng trẻ tham gia các bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và sau tiến sĩ, với tổng giá trị lên tới 120,0 tỷ đồng, thuộc các lĩnh vực: Khoa học dữ liệu, Khoa học Máy tính và Thông tin, Kỹ thuật Điện và Máy tính, Công nghệ Robot, Kỹ thuật Y sinh...; Ngày 20/12/2023, Quỹ VinFuture đã trao giải vinh danh 4 công trình khoa học xuất sắc năm 2023. Trong đó, Việt Nam có GS. Võ Tòng Xuân là một trong hai tác giả của công trình “*Phát minh và phổ biến giống lúa kháng bệnh*” được vinh danh tại lễ trao giải vì những đóng góp quan trọng trong việc phát minh và phổ biến giống lúa kháng bệnh, góp phần đảm bảo an ninh lương thực.

¹⁷ Công ty cổ phần thiết bị điện Cẩm Phả 4,8 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Viglacera 46 tỷ đồng; Công ty TNHH Gốm Quang Vinh 797,0 triệu đồng; Tổng Công ty Đông Bắc 14,0 tỷ đồng; Công ty Chế tạo Ô tô Cẩm phả - TKV 27,0 tỷ đồng; Công ty cổ phần Dược - vật tư y tế Quảng Ninh 5,0 tỷ đồng. Các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (TKV) đã trích lập Quỹ Phát triển KH&CN là 728,0 tỷ đồng...

ứng dụng, chuyên giao công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc Sở KH&CN các tỉnh/thành phố trong cả nước được phân loại mức độ tự chủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP như sau:

- Không có Trung tâm nào thuộc loại “Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư”.

- Có 17/63 Trung tâm thuộc loại “Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên”.

- Có 38/63 Trung tâm thuộc loại “Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên”.

- Có 08/63 Trung tâm thuộc loại “Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên”.

2. Nhân lực KH&CN

Về số lượng nhân lực KH&CN: Qua tổng hợp số liệu báo cáo của địa phương năm 2023, tổng số nhân lực KH&CN trong các tổ chức KH&CN thuộc UBND các tỉnh/thành phố là 4.659 người. Trong đó, nhân lực có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư: 11 người; Tiến sĩ: 203 người; Thạc sĩ: 1.273 người; Đại học, cao đẳng và trình độ khác: 3.172 người. Tính đến thời điểm hiện tại, cả nước có 20 Giám đốc Sở KH&CN là Tỉnh ủy/Thành ủy viên¹⁸ (tương đương năm 2022).

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý KH&CN ở địa phương được quan tâm. Hầu hết các tỉnh/thành phố đã chủ động, tích cực trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo đúng đối tượng, số lượng. Trong năm 2023, có 121 cán bộ được bổ nhiệm vị trí lãnh đạo trong tổ chức; 154 lượt cán bộ được đào tạo kỹ năng quản lý KH&CN; 384 lượt cán bộ được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng khác; 301 cán bộ được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN; không có cán bộ nào được tuyển dụng đặc cách vào làm việc tại các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh trên cả nước.

3. Hạ tầng kỹ thuật cho KH, CN & ĐMST

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KH&CN hiện đại, đồng bộ, đồng thời phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao được xác định là một trong những giải pháp đột phá của Chiến lược phát triển KT-XH 2021 - 2030. Năm 2023, tại các địa phương trên cả nước có 128 dự án được đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng KH&CN. Việc đầu tư tập trung vào xây dựng hạ tầng để triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; xây dựng, cải tạo khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu CNSH, khu

¹⁸ Giám đốc các Sở KH&CN: Cao Bằng, TP. Hà Nội, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu.

vườn ươm, trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ, Trung tâm thông tin và thống kê, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm CNSH...; cải tạo, sửa chữa, đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm phục vụ công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng,...¹⁹ góp phần nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh hàng hóa, nhất là trong chế biến hàng hóa phục vụ xuất khẩu.

IV. Kết quả triển khai hoạt động KH, CN & ĐMST tại các địa phương

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng công nghệ

1.1. Kết quả triển khai nhiệm vụ KH&CN tại địa phương

a) Kết quả triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Tổng hợp báo cáo từ các địa phương, năm 2023 có khoảng gần 300 nhiệm vụ cấp quốc gia được triển khai thực hiện. Trong đó, gần 250 nhiệm vụ chuyển tiếp từ các năm trước sang và 46 nhiệm vụ mới được Bộ KH&CN hỗ trợ thuộc nhiệm vụ độc lập hoặc các Chương trình: Nông thôn miền núi, Đổi mới công nghệ, Quỹ gen, Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, nhiệm vụ cấp thiết địa phương,... Tổng kinh phí hỗ trợ từ Bộ KH&CN khoảng trên 884,0 tỷ đồng, địa phương hỗ trợ khoảng trên 81,0 tỷ đồng.

Bộ KH&CN và Ban Chủ nhiệm các chương trình KH&CN quốc gia triển khai tích cực nhiều hoạt động (hội nghị, hội thảo,...) để giới thiệu, hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ tham gia các chương trình KH&CN cấp quốc gia; tiếp nhận, tổng hợp, tổ chức triển khai các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ tham gia chương trình trong năm 2024²⁰.

Các nhiệm vụ KH&CN tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng các kết quả KH&CN, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất các sản phẩm theo hướng chuỗi giá trị; nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của các sản phẩm trọng điểm, chủ lực, có lợi thế của địa phương; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; giải quyết các vấn đề cấp thiết của địa phương về quản lý tổng hợp một số dịch bệnh chính hại cây trồng, vật nuôi; phát triển giống cây trồng, vật nuôi với thích ứng với biến đổi khí hậu; các vấn đề về địa chất, thổ nhưỡng, chống sạt lở, bảo vệ môi trường... Các dự án hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển nông thôn, miền núi tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần thay đổi phương thức sản xuất theo hướng hiện đại, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp, đồng thời tạo việc làm, sinh kế cho người dân, góp phần thiết thực thúc đẩy phát triển KT-XH của các địa phương, nâng cao đời sống

¹⁹ **Lạng Sơn:** Dự án “Đầu tư trang thiết bị Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường”, tổng kinh phí 8.500 tỷ đồng. **Bắc Giang:** Dự án “Nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023”, tổng kinh phí 16.000 tỷ đồng; **Đà Nẵng:** UBND TP giao thực hiện các dự án đầu tư với tổng kinh phí 16.797 tỷ đồng (gồm: đề án mở rộng, nâng cấp Trung tâm CNSH phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ; dự án Điều chỉnh xây dựng Trung tâm CNSH kết hợp với cơ sở nuôi cấy mô tế bào thực vật (giai đoạn 2); dự án Cải tạo trụ sở 58 Nguyễn Chí Thanh; dự án Nhà thực nghiệm nuôi trồng nấm tự nhiên và nhà nấm cao cấp; xây dựng Trung tâm KNĐMST quốc gia tại Đà Nẵng); **Cần Thơ:** giai đoạn 2021 - 2025 UBND TP đã giao 05 dự án đầu tư với tổng kinh phí 11.800 tỷ đồng (gồm: dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở KH&CN; dự án Sản giao dịch công nghệ; dự án Bảo trì trụ sở và nâng cấp thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;...); **An Giang:** Dự án đầu tư trang thiết bị Trung tâm CNSH, tổng kinh phí 27.000 tỷ đồng.

²⁰ Hiện nay có 22 chương trình/đề án KH&CN cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; 22 Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025 và 2021-2030 do Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt theo thẩm quyền.

người dân²¹.

b) Kết quả triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

Theo thống kê từ các Sở KH&CN, năm 2023 các địa phương đã triển khai thực hiện 2.658 nhiệm vụ KH&CN, trong đó có 717 nhiệm vụ mở mới (bao gồm cả nhiệm vụ cấp tỉnh và nhiệm vụ cấp cơ sở). Cơ cấu theo lĩnh vực cho thấy: khoa học nông nghiệp tiếp tục là lĩnh vực chiếm tỷ lệ cao nhất với 1.081 nhiệm vụ (chiếm 40,7%); tiếp đến là khoa học kỹ thuật và công nghệ (521 nhiệm vụ, chiếm 19,6%), khoa học xã hội (517 nhiệm vụ, tỷ lệ và 19,5%); khoa học giáo dục - đào tạo, y - dược (331 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 12,4%); khoa học nhân văn (106 nhiệm vụ, chiếm 4,0%); chiếm tỷ lệ thấp nhất (3,8%) là khoa học tự nhiên với tổng số 99 nhiệm vụ được triển khai.

Nhìn chung, các địa phương vẫn tiếp tục dành khoảng 60 - 65% kinh phí sự nghiệp KH&CN chi cho hoạt động nghiên ứng dụng và phát triển công nghệ. Theo báo cáo của các địa phương, các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở cũng được tổ chức triển khai theo hướng nâng cao hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn để phục vụ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, tạo ra sản phẩm mới, theo hướng chuỗi giá trị sản phẩm, tập trung ưu tiên vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng có lợi thế của địa phương²²; đề xuất các giải pháp thúc đẩy việc ứng dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất và đời sống.

1.2. Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo các lĩnh vực:

- Khoa học nông nghiệp:

Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng và từng bước làm chủ được công nghệ chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh và chống chịu với điều kiện bất thuận và ứng dụng vào sản xuất; ứng dụng CNSH, công nghệ cao, công nghệ mới và thân thiện với môi trường trong nuôi trồng, chăm sóc, canh tác, quản lý dịch bệnh, bảo quản và chế biến nông sản; nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hoặc làm chủ được công nghệ thiết kế chế tạo một số loại máy móc để ứng dụng vào sản xuất, nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm; bảo tồn, khai thác và phát triển được một số nguồn gen cây trồng, vật nuôi, dược liệu, vi sinh vật quý hiếm có giá trị ứng dụng để phát triển phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, y - dược, văn hóa, bảo vệ môi trường và an ninh - quốc phòng; xây dựng thương hiệu sản phẩm, thiết kế mẫu mã, nhãn hiệu, bao bì và xúc tiến quảng bá các sản phẩm để nâng cao năng suất, chất lượng cho các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của địa phương, đặc biệt là các sản phẩm OCOP; thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa

²¹ Nghiên cứu xác định giá trị về địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học phục vụ xây dựng hồ sơ Di sản Thiên nhiên thế giới xuyên biên giới (Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Việt Nam và Khu bảo tồn quốc gia Hin Nặm Nô - CHDCND Lào); Nghiên cứu giải pháp KH&CN quản lý tổng hợp một số bệnh chính có nguồn gốc trong đất hại cây Ba kích tại Quảng Ninh và một số tỉnh phía Bắc; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc quản lý và xử lý môi trường nước nuôi thủy sản tại Bình Định và vùng phụ cận...

²² TP. Hồ Chí Minh: tập trung hỗ trợ 04 ngành công nghiệp trọng điểm của Thành phố và góp phần giải quyết các vấn đề Thành phố đang quan tâm (giảm ngập nước; giảm ô nhiễm môi trường; giảm ùn tắc giao thông, đề án thành phố thông minh, phục vụ sức khỏe người dân và nghiên cứu chọn tạo các giống mới phục vụ nông nghiệp); Thanh Hóa: Tập trung triển khai các dự án đổi mới công nghệ các nhóm trọng điểm theo chính sách đã ban hành; Quảng Ninh: Tiếp tục hỗ trợ triển khai các dự án ứng dụng hỗ trợ từ ngân sách địa phương....

phương²³; KH&CN đã góp phần thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nông sản đạt trên 53 tỷ USD/năm, thặng dư thương mại ngành đạt hơn 11 tỷ USD, mức cao nhất trong những năm gần đây và chiếm trên 42,5% xuất siêu cả nước, trong đó có 6 sản phẩm nông nghiệp có giá trị xuất khẩu trên 3 tỷ USD.

- Khoa học kỹ thuật và công nghệ:

Năm 2023, các nhiệm vụ KH&CN được tập trung theo hướng nghiên cứu ứng dụng, từng bước làm chủ được công nghệ phát triển sản phẩm mới thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, cơ khí, vật liệu mới, công nghệ chế biến, dịch vụ, du lịch, năng lượng, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu...²⁴. Chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ cho những khâu cơ bản, quyết định chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu, chế tạo ra một số dây chuyền công nghệ thiết

²³ *Sơn La*: Dự án “Ứng dụng KH&CN trong việc phát triển nguồn giống và trồng thâm canh rừng Thông Caribe (Pinus caribaea Morelet) tại tỉnh Sơn La”, sau hơn 3 năm triển khai đã hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ về quy trình tạo cây giống thông Caribe, kỹ thuật trồng thâm canh, chăm sóc và bảo vệ rừng thông Caribe cung cấp gỗ lớn. Kết quả dự án cung cấp cơ sở khoa học để các ngành tham mưu đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh Sơn La có chủ trương duy trì, bảo vệ, nhân rộng cây thông Caribe gắn với chương trình, dự án lâm nghiệp, quản lý bảo vệ, sử dụng tài nguyên rừng và đất rừng bền vững. *Bắc Ninh*: Các giống lúa lai, lúa thuần và lúa chất lượng cao (nếp thơm đặc sản Liên Hoa, DDT120, SHPT3, VCR20...) được lựa chọn, thử nghiệm, ứng dụng và đưa vào sản xuất đã góp phần tăng năng suất và chất lượng cây lúa, dần thay thế các giống lúa cũ dài ngày, năng suất thấp như Xi23, C770, Q5... *Đắk Nông*: Nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá và xây dựng mô hình sản xuất Xoài, Bơ, Sầu riêng an toàn theo chuỗi giá trị hướng tới xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”, kết quả đã xây dựng được 01 phần mềm hỗ trợ quản lý mã vùng trồng và Website quản lý dữ liệu mã vùng trồng cho Xoài, Bơ, Sầu riêng tại tỉnh Đắk Nông; đã xây dựng được mô hình Xoài, Bơ, Sầu riêng và hoàn thiện thủ tục gửi Cục Bảo vệ thực vật cấp chứng nhận mã số vùng trồng. *TP. Hồ Chí Minh*: Mô hình “Xây dựng và chuyển giao mô hình nuôi thâm canh lươn đồng (*Monopterus albus*) không bùn ứng dụng công nghệ lọc tuần hoàn (RAS) tại TP. Hồ Chí Minh”, hiệu quả kinh tế thu được tổng sản lượng 01 vụ sản xuất là 3.888 kg/vụ/22m², tổng doanh thu cho 01 vụ sản xuất là 583 triệu đồng, lợi nhuận được ghi nhận là 109,7 triệu đồng và tỉ suất lợi nhuận khoảng 18,8%. *Cà Mau*: Dự án “Thử nghiệm mô hình nuôi tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) toàn đực bán thâm canh tại Cà Mau”, kết quả mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa đạt trọng lượng trung bình 18,6 con/kg, tỷ lệ sống bình quân 23,8%, năng suất bình quân đạt 516,4 kg/ha, FCR là 0,25. Mô hình nuôi tôm càng xanh bán thâm canh đạt trọng lượng trung bình 16 con/kg, tỷ lệ sống bình quân 28,4%, năng suất bình quân đạt 1.773 kg/ha, FCR là 1,34. Lợi nhuận mô hình trên 1,53 tỷ đồng kể cả lúa, tính ra lợi nhuận đạt trên 45,8 triệu đồng/ha/vụ. Kết quả có khả năng chuyển giao nhân rộng cho các địa phương có điều kiện tương tự...

²⁴ *Yên Bái*: Đề tài “Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý, giám sát, thẩm định đối tượng thụ hưởng chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tỉnh Yên Bái”, kết quả đã xây dựng phần mềm quản lý, giám sát, thẩm định đối tượng thụ hưởng chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tỉnh Yên Bái. Thông qua phần mềm đã hỗ trợ tích cực trong việc thẩm định, quản lý đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo thụ hưởng chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tỉnh Yên Bái. Đồng thời bước đầu đã hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo thụ hưởng chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tỉnh Yên Bái. Ngoài ra, phần mềm đã giúp cán bộ quản lý nhà nước về Viễn thông công ích trong việc thẩm định, quản lý đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo thông tin di động trả sau trên địa bàn tỉnh Yên Bái mọi lúc mọi nơi kể cả ngày nghỉ. *Sơn La*: Triển khai Mô hình điển hình về phát triển du lịch xanh tại Khu du lịch quốc gia Mộc Châu với 02 mô hình mẫu điển hình về phát triển du lịch xanh tại Bản Vặt (Xã Mường Sang, huyện Mộc Châu) và Bản Chiềng Đi 2 (Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ), kết quả đã xây dựng được các tài liệu xúc tiến, quảng bá, liên kết phát triển du lịch xanh, phóng sự quảng bá du lịch, tờ rơi, biển chỉ dẫn mô hình du lịch xanh; người dân được trang bị kiến thức và những kỹ năng làm du lịch, mở rộng dịch vụ đón khách đến tham quan trải nghiệm nét văn hóa, ẩm thực của đồng bào dân tộc như: trò chơi dân gian, múa xòe, nhảy sạp, trải nghiệm không gian chợ phiên... *Ninh Bình*: Đề tài “Nghiên cứu, điều tra, đánh giá các tai biến địa chất tiềm ẩn trên các tuyến đê và hồ chứa nước tỉnh Ninh Bình, kiến nghị các giải pháp đảm bảo an toàn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng”, kết quả nghiên cứu đã đưa ra được phương pháp luận phù hợp trong việc điều tra, kiểm kê hiện trạng các chất gây ô nhiễm không khí và gây hiệu ứng khí nhà kính cho các nguồn phát thải được quan tâm (sản xuất xi măng, giao thông vận tải, sản xuất nhiệt điện, sản xuất phân bón) ở cấp địa phương. Kết quả nghiên cứu của đề tài ứng dụng xây dựng cơ sở dữ liệu về ô nhiễm không khí do các nguồn ô nhiễm lớn trên địa bàn tỉnh là một điểm mới, là cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án quản lý chất gây ô nhiễm và chất gây hiệu ứng khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; là cơ sở để phát triển hệ thống giám sát phục vụ các báo cáo theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước. *TP. Hồ Chí Minh*: Đề tài “Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo khuôn Preform phiêu nhựa PET 96 Cavity phục vụ cho sản xuất thời trang nhựa PET”, kết quả làm chủ được quá trình tinh toán thiết kế và công nghệ gia công chế tạo bộ khuôn preform 96 cavity cũng như hướng đến thiết kế, chế tạo các bộ khuôn nhiều cavity hơn tại Việt Nam khi thị trường có nhu cầu. Tạo ra sản phẩm khuôn 96 cavity tại Việt Nam với chất lượng tốt, giảm giá thành so với ngoại nhập, thay thế hàng nhập khẩu. Tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước; *Trà Vinh*: Công nghệ sản xuất chitosan khối lượng phân tử trung bình (100.000 Da) từ vỏ tôm lột thu từ ruộng tôm tại tỉnh Trà Vinh nâng hiệu suất thu hồi lên đến 80%. Chế phẩm nano chitosan/salicylic có khả năng phòng trừ bệnh đốm nâu cây thanh long, bệnh đạo ôn trên lúa và gỉ sắt trên cây đậu phộng với hiệu quả >90% bằng phương pháp nghiên cứu trong nhà lưới, khảo nghiệm diện hẹp, diện rộng theo quy định của Bộ NN&PTNT.

bị đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và sản xuất hàng tiêu dùng, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá²⁵. Đặc biệt, trong lĩnh vực công nghệ cao, việc tiếp cận công nghệ sản xuất chip bán dẫn đang được chú trọng nhằm phát triển các công nghệ chủ chốt Việt Nam có lợi thế như: trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn, internet kết nối vạn vật, robot tiên tiến, in 3D, công nghệ thực tế ảo... giúp thu hút một lượng lớn nguồn vốn đầu tư trực tiếp FDI cho địa phương²⁶.

- *Khoa học xã hội và nhân văn:*

Các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực này tập trung nghiên cứu các vấn đề văn hóa, KT-XH gắn liền với đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương, đã cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc đề ra các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương; xây dựng nông thôn mới; bảo tồn, lưu giữ những giá trị, bản sắc văn hoá bản địa, địa phương, văn hóa dân tộc²⁷.

²⁵ *Đắk Nông*: Đề tài “Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị gia công kênh giải nhiệt dạng 3D cho khuôn phun ép nhựa”, kết quả nghiên cứu đã giúp chế tạo thành công hệ thống gia công các kênh giải nhiệt dạng 3D với chi phí thấp hơn khoảng 50% so với các công nghệ hiện tại sẽ góp phần cải thiện đáng kể lợi nhuận, là một trong những yếu tố tích cực tác động đến lĩnh vực phun ép nhựa, giúp phổ biến công nghệ giải nhiệt bằng kênh 3D, từ đó nâng cao lợi nhuận của công ty cũng như của ngành khuôn mẫu. *TP. Hồ Chí Minh*: Nhiệm vụ “Chế tạo màng lọc đa chức năng ứng dụng làm sạch không khí chứa VOCs và vi sinh”, kết quả nhiệm vụ đã chế tạo thành công màng cryptomelane có ứng suất Young đạt 298 N/mm², độ thấm khí tốt, màng cryptomelane chế tạo có khả năng kháng tốt các khuẩn như: tụ cầu vàng, trực khuẩn mũ xanh, khuẩn gây sâu răng *Streptococcus mutans* và cả khuẩn *Shigella sonnei*. Kết quả đánh giá khả năng diệt khuẩn trên màng chế tạo ghi nhận tỷ lệ suy giảm khuẩn sau 24h là 47%.

²⁶ *Thái Nguyên*: Đề tài “Xây dựng hệ thống ảo hoá đám mây phục vụ lưu trữ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu tỉnh Thái Nguyên”, đã giúp ứng dụng nền tảng ảo hóa đám mây đáp ứng nhu cầu về xử lý, lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu và bổ sung 25% năng lực (dung lượng lưu trữ và tốc độ xử lý) cho Trung tâm dữ liệu tỉnh Thái Nguyên; tích hợp các công nghệ mã nguồn mở trong việc nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu, tiết kiệm chi phí đầu tư; xây dựng các hệ thống ảo hóa đám mây riêng biệt trên hạ tầng trang thiết bị sẵn có phục vụ lưu trữ một số hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng của tỉnh như: hệ thống quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành, hệ thống một cửa điện tử, ... quản lý việc cấp, phát tài nguyên một cách linh hoạt cho từng ứng dụng, từng đơn vị một cách linh hoạt tức thời. *Quảng Nam*: Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng Chatbot trong Công dịch vụ Hành chính công và Cổng Thông tin điện tử của tỉnh Quảng Nam”, kết quả đã xây dựng được ứng dụng tự động (Chatbot) dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để cung cấp các dịch vụ hữu ích cho người dân, đó là: Tự động trả lời/giải đáp các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp về thông tin dịch vụ công tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; Thực hiện truyền thông quảng bá, hỏi đáp thông tin về tỉnh Quảng Nam: thông tin thông báo của chính quyền đến người dân; thông tin tuyên truyền các hoạt động, sự kiện lớn của tỉnh; các thông tin bão lũ thiên tai, dịch bệnh; tra cứu các thông tin (thông tin địa điểm du lịch, cơ sở y tế, tuyến xe bus, sản phẩm OCOP); Hỗ trợ công cụ để người dân góp ý, phản ánh thông tin, các vấn đề tồn tại xã hội đến chính quyền; ứng dụng chạy ổn định trên cả 2 nền tảng, gồm facebook (<https://www.facebook.com/1022quangnam>), Zalo (<https://zalo.me/quangnam1022>) và được tích hợp lên portal Quảng Nam.

²⁷ *Yên Bái*: Đề tài “Nghiên cứu văn hóa ruộng bậc thang Mù Cang Chải gắn với xây dựng sản phẩm du lịch theo hướng phát triển bền vững”, kết quả của đề tài đã góp phần nâng cao đời sống, tăng thu nhập cho người dân địa phương, hình thành chuỗi sản phẩm du lịch ruộng bậc thang ở Mù Cang Chải; góp phần bảo tồn, phát huy giá trị danh thắng quốc gia đặc biệt ruộng bậc thang, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, nâng cao ý thức về niềm tự hào dân tộc, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Đồng thời, góp phần thiết thực trong bảo vệ môi trường sinh thái ruộng bậc thang Mù Cang Chải. *Hung Yên*: Đề tài “Nghiên cứu đề xuất bảo tồn, phát huy giá trị Lễ hội Chử Đổng Tử - Tiên Dung gắn với phát triển du lịch”, kết quả đóng góp giá trị khoa học, thực tiễn, góp phần hoàn thiện nội dung nghiên cứu về Tín ngưỡng thờ Chử Đổng Tử - Tiên Dung từ góc nhìn di sản văn hóa; nhận diện các yếu tố tạo nên đặc trưng của di sản lễ hội Chử Đổng Tử - Tiên Dung và cấu thành giá trị của di sản; tư liệu hóa một cách bài bản, tổng thể và cụ thể về lễ hội Chử Đổng Tử - Tiên Dung nhằm phục vụ tra cứu và phục dựng, trao truyền di sản khi cần thiết; quảng bá, tuyên truyền và giới thiệu rộng rãi về lễ hội Chử Đổng Tử - Tiên Dung và giá trị lễ hội; nâng cao nhận thức của cộng đồng và ý thức bảo vệ môi trường; góp phần phát triển du lịch văn hóa - tâm linh, du lịch cộng đồng để phát triển KT-XH địa phương và phát triển cộng đồng; xây dựng cơ chế nhằm phát huy thế mạnh của sản phẩm văn hóa, phục vụ phát triển du lịch địa phương cũng như xây dựng hình thức/cơ chế gắn kết giữa bảo tồn và phát triển du lịch. *Gia Lai*: Đề tài “Tìm hiểu các giá trị văn hóa ẩm thực đặc trưng trong việc phát triển du lịch ở tỉnh Gia Lai”. Kết quả đã xây dựng được danh mục ẩm thực đặc trưng của tỉnh Gia Lai thông qua một số thực đơn tiêu biểu tại các nhà hàng để phục vụ thực khách, món ăn đường phố đặc trưng được bày bán tại khu vực chợ đêm ẩm thực, món ăn truyền thống của dân tộc thiểu số được phục vụ tại các buôn làng nơi gắn với các địa chỉ du lịch cộng đồng. Mô hình khai thác trải nghiệm ẩm thực gắn với du lịch cộng đồng tại làng Mơ Hra, xã Kông Long Khong, huyện Kbang phù hợp với định hướng phát triển du lịch cộng đồng tại làng Mơ Hra của huyện Kbang nói riêng và tỉnh Gia Lai nói chung. Góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch cộng đồng và có cơ hội thu hút khách tham quan nhiều hơn.

- Khoa học giáo dục - đào tạo, y - dược:

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo: các nhiệm vụ KH&CN tập trung chủ yếu đến việc nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy; chuyển giao các mô hình giáo dục, phương pháp giảng dạy mới vào ứng dụng trong hệ thống các trường học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo²⁸.

Đối với lĩnh vực y - dược: với mục tiêu làm chủ và phát triển y tế kỹ thuật cao kết hợp sử dụng vốn quý của nền y học cổ truyền Việt Nam, tạo ra tiềm lực KH&CN trong lĩnh vực y tế tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế, các nghiên cứu thuộc lĩnh vực y dược đã tập trung vào nghiên cứu dược liệu và tách chiết các thành phần hoá học từ cây, phát triển y học cổ truyền, đề xuất giải pháp chuyển giao ứng dụng các kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh trong y tế cộng đồng²⁹. Đa số các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực y - dược được ứng dụng trực tiếp tại các bệnh viện, cơ sở điều trị và các cơ quan quản lý y tế.

- Khoa học tự nhiên:

Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực về toán học, vật lý, hóa học, khoa học sự sống,

²⁸ *Điện Biên*: Trên cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài: “Nghiên cứu tuyên truyền về chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ bằng hình thức tranh và thơ”; “Nghiên cứu ý nghĩa và lịch sử hình thành một số địa danh trên trục đường quốc lộ 6, trên trục đường quốc lộ 279 đoạn đường Pha Đin - Tuần Giáo, đoạn Tuần Giáo - Tây Trang và khu vực lòng chảo Điện Biên nhằm xác định lại tên địa danh cho đúng với thực tế địa phương” ..., Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai đến các trường ứng dụng lồng ghép, tích hợp trong 177 tiết dạy có liên quan, 05 buổi hoạt động ngoại khoá và các giờ sinh hoạt tập thể. Nổi bật: Đoàn thanh niên, công đoàn Trường PTDTNT tỉnh tổ chức các hoạt động ngoại khoá (01 buổi) liên quan đến các chủ đề, chủ điểm ngày 07/05, ngày chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ biên tập, xây dựng 02 video, clip và 02 chương trình phát thanh tuyên truyền chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ chào mừng kỷ niệm 69 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và 78 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Qua quá trình ứng dụng các sản phẩm nghiên cứu của đề tài/dự án vào hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục giúp bài giảng của giáo viên trở lên sinh động, hấp dẫn, gây hứng thú với học sinh hơn, giúp học sinh mở rộng hiểu biết, nhận thức sâu sắc hơn về các nội dung kiến thức được sử dụng; góp phần tuyên truyền những giá trị tốt đẹp về văn hóa, con người, mảnh đất Điện Biên. *Hà Nội*: Đề tài “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên Đảng bộ TP. Hà Nội - Thực trạng, nhiệm vụ và giải pháp đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới”, kết quả đề tài có giá trị khoa học và có khả năng ứng dụng trong việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên Đảng bộ TP. Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025 đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, góp phần xác định rõ một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn về xây dựng đội ngũ đảng viên và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên Đảng bộ TP. Hà Nội. *Cà Mau*: Đề tài “Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục của các trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới giáo dục”, kết quả đề tài đã phân tích, đề xuất một số giải pháp để áp dụng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của các trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Hung Yên*: Đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2026, định hướng đến năm 2030”, kết quả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận, thực tiễn của việc nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các chức danh chủ chốt cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2026, định hướng đến năm 2030. Đề tài đã đề xuất được các chủ trương, chính sách, giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các chức danh chủ chốt cấp xã.

²⁹ *Lạng Sơn*: Đề tài “Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật điều trị tán sỏi đường mật qua da bằng laser tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn” đã góp phần làm giảm tỷ lệ bệnh nhân chuyển tuyến, giảm can thiệp phẫu thuật, điều trị hiệu quả, hạn chế biến chứng và tử vong do sỏi mật gây ra, giảm gánh nặng chi phí y tế, tiết kiệm thời gian, nâng cao chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân và gia đình người bệnh. *Thái Nguyên*: Đề tài “Ứng dụng dao Ligasure trong phẫu thuật ung thư tuyến giáp tại Thái Nguyên”, kết quả đã xây dựng 01 Quy trình kỹ thuật phẫu thuật ung thư tuyến giáp sử dụng dao Ligasure; ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật ung thư tuyến giáp sử dụng dao Ligasure phẫu thuật thành công cho 102 bệnh nhân; chuyển giao kỹ thuật cho 03 bệnh viện tuyến dưới (Bệnh viện A, Bệnh viện C, Bệnh viện Gang Thép). *Hải Phòng*: Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình gan tách khối tiêu cầu túi ba từ một người cho và đề xuất một số tiêu chí chỉ định sử dụng khối tiêu cầu cho bệnh nhân giảm số lượng tiêu cầu tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp”, kết quả nghiên cứu đã làm tăng số lượng tiêu cầu tiếp nhận từ người hiến tiêu cầu, làm giảm giá thành khối tiêu cầu, giảm gánh nặng điều trị cho bệnh nhân khi cần truyền khối tiêu cầu; đảm bảo an toàn cho người nhận tiêu cầu, sử dụng tiết kiệm khối tiêu cầu cho điều trị nâng cao hiệu quả điều trị cho bệnh nhân sử dụng đơn vị khối tiêu cầu. *TP. Hồ Chí Minh*: Sản phẩm mạng lưới điều phối liên viện về hiến và ghép thận nhân đạo được hình thành từ nhiệm vụ “Đề án thực hiện mạng lưới điều phối liên viện về hiến và ghép thận nhân đạo giữa Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Thống Nhất và Bệnh viện Nhi đồng 2” là hệ thống mới xây dựng đầu tiên tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã hình thành hệ thống quản lý trong tuyển chọn và điều phối thận hiến từ người hiến chết não hay tìm ngừng đập, chứng minh được sự minh bạch và công bằng trong hoạt động của hệ thống ghép thận sẽ tạo được lòng tin trong xã hội...

khoa học trái đất và khoa học biển, tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái; nghiên cứu đề xuất các giải pháp ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu. Kết quả nghiên cứu đã tạo luận cứ, cơ sở khoa học quan trọng cho các phương án phát triển KT-XH của từng địa phương, góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phòng chống thiên tai³⁰.

2. Hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ

Bộ KH&CN tiếp tục hướng dẫn địa phương đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất đối với một số ngành chủ lực, mũi nhọn của một số địa phương; hỗ trợ vận hành, khai thác hiệu quả 13 điểm kết nối cung cầu công nghệ phân bố trên 5 vùng, 12 tỉnh/thành phố³¹. Các đơn vị chức năng của Bộ KH&CN đã tích cực phối hợp với Văn phòng của Bộ phận đại diện KH&CN ở nước ngoài (VPĐDKHCN) và các Bộ phận đại diện KH&CN (BPĐDKHCN) ở nước ngoài³² hỗ trợ địa phương trong việc thúc đẩy hoạt động tìm kiếm, kết nối, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam. Trên cơ sở đề xuất đặt hàng từ địa phương, Bộ KH&CN đã xác định và tổng hợp được danh mục hàng trăm nhu cầu công nghệ/sản phẩm công nghệ nước ngoài mà các địa phương có nhu cầu chuyển giao về nước; chỉ đạo các BPĐDKHCN tại các quốc gia tích cực liên hệ với các đối tác, tìm kiếm công nghệ phù hợp với đề xuất. Nhiều thông tin về công nghệ, thiết bị, dây chuyền máy móc và thông tin về doanh nghiệp sở hữu công nghệ đã được thu thập, báo cáo về và cung cấp về cho các địa phương thông qua đầu mối Sở KH&CN. Nhiều Sở KH&CN như Hải Phòng, Thái Nguyên, Quảng Nam, Gia Lai... đã bám sát nhu cầu của doanh nghiệp tại địa phương, đồng hành cùng doanh nghiệp, tích cực phối hợp với Bộ KH&CN triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế thúc đẩy kết nối, chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài về nước³³.

Bộ KH&CN đã phối hợp với UBND tỉnh Quảng Ninh tổ chức sự kiện “Kết nối công nghệ và đổi mới sáng tại Việt Nam (*Techconnect & Innovation Vietnam*)

³⁰ *Hải Phòng*: Đề tài “Nghiên cứu môi trường và đa dạng sinh học trong các hang ngầm và hồ nước mặn khu vực Cát Bà nhằm bảo tồn và phát triển du lịch”, kết quả nghiên cứu đã giúp bảo tồn được các giá trị tài nguyên sinh vật và sinh cảnh độc đáo trong các hang ngầm và hồ nước mặn ở Cát Bà; tạo ra các sản phẩm du lịch mới, độc đáo chỉ có ở Cát Bà mới có làm tăng tính hấp dẫn du khách, đem lại lợi ích kinh tế cho địa phương thông qua các dịch vụ, sản phẩm du lịch; nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường thông qua các hình thức thăm xem thực tế và tuyên truyền; *Khánh Hòa*: Đề tài “Điều tra đánh giá xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm ổn định các cửa sông và vùng biển ven bờ tỉnh Khánh Hòa”, kết quả nghiên cứu đã cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn, góp phần phục vụ cho công tác thẩm định, góp ý các chính sách, quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển KT-XH địa phương, góp ý dự án đầu tư, thẩm định công nghệ; cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng, lập dự án đầu tư, quy hoạch ngành. *Trà Vinh*: Bản đồ hiện trạng sạt lở và bản đồ dự báo sạt lở đến năm 2025 trên tuyến sông Cổ Chiên và sông Hậu khu vực tỉnh Trà Vinh. Bản đồ gồm 27 mảnh, khổ giấy A0. Sông Cổ Chiên 15 mảnh, sông Hậu 12 mảnh. Bản đồ số dự báo sạt lở đến năm 2025 là công cụ để Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp tỉnh Trà Vinh sử dụng.

³¹ Gồm: Hà Nội, Nghệ An, Đắk Lắk, Phú Yên, Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Nguyên, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long và Đại học Nguyễn Tất Thành - TP. Hồ Chí Minh.

³² Hiện nay, Bộ KH&CN đang có đại diện KH&CN tại 23 địa bàn ở 14 quốc gia.

³³ Trong năm 2023, Bộ KH&CN đã hỗ trợ kết nối công nghệ theo đề xuất từ địa phương cho: (1) Công ty TNHH Tổ hợp Cơ khí Thaco - Tập đoàn Trường Hải Thaco với hiệp hội khuôn mẫu Hàn Quốc; kết nối Công ty CP Nông nghiệp Trường Hải với Bộ Nông nghiệp và các Viện nghiên cứu của Đài Loan;... (2) Tổ chức Đoàn ra tìm hiểu, học tập mô hình, kết nối công nghệ đối với đề xuất của Thành phố Hải Phòng. Trên cơ sở kết quả đoàn ra trong tháng 7/2023, TP. Hải Phòng và tỉnh Jeollanam-do (HQ) đã ký kết Biên bản ghi nhớ MOU với mục tiêu hợp tác phát triển trong các lĩnh vực: năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời, năng lượng gió và nông nghiệp; (3) Tổ chức Đoàn vào kết nối cung cầu công nghệ tại khu vực duyên hải Bắc Bộ; (4) Đã ký kết các bản ghi nhớ hợp tác cấp Cục với các đối tác Hàn Quốc về thúc đẩy công nghệ công nghiệp và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy phát triển công nghệ trong lĩnh vực ô tô Việt Nam - Hàn Quốc,...

2023) trong hai ngày 29-30/9/2023 tại tỉnh Quảng Ninh. Trong khuôn khổ sự kiện: (1) Đã xác định 200 nhu cầu ứng dụng, cải tiến, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp; tiếp nhận thêm 175 nguồn cung công nghệ vào cơ sở dữ liệu nguồn cung công nghệ; (2) Trình diễn 460 công nghệ, sản phẩm công nghệ, thiết bị máy móc của 90 đơn vị; (3) Tổ chức thành công 02 Diễn đàn: Công nghệ và Năng lượng 2023 và Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cho phát triển bền vững; (4) Tổ chức thành công 04 tiêu điểm công nghệ; (5) Hỗ trợ kết nối cho 40 đơn vị và tổ chức ký kết giữa các doanh nghiệp trước và trong Sự kiện; (6) Trao 16 biên bản, thỏa thuận hợp tác về chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp.

Hoạt động chuyển giao, làm chủ và hấp thụ công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam năm 2023 đã đạt được một số kết quả rất đáng ghi nhận. Từng bước rút ngắn khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới, góp phần cơ cấu lại các ngành kinh tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó một số ngành có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị³⁴ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và tăng cường bảo đảm an ninh - quốc phòng³⁵.

Nhiều văn bản liên quan đến các chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ được ban hành từ Trung ương tới địa phương nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp KH&CN sản xuất kinh doanh trong cả nước³⁶. Bên cạnh đó, các địa phương đã quan tâm, ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ, nhất là công nghệ tiên tiến từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên tại địa phương.

Theo số liệu các địa phương báo cáo, năm 2023, các công nghệ được chuyển giao tại địa phương tập trung chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp với khoảng 25 công nghệ mới, công nghệ tiên tiến được chuyển giao ứng dụng, tổng kinh phí đầu tư trên 41,7 tỷ đồng. Có khoảng 30 nhiệm vụ KH&CN

³⁴ Ví dụ, đối với SAMSUNG, thời điểm năm 2016 chỉ có 63 nhà cung cấp, trong đó có 11 nhà cung cấp cấp 1 và 52 nhà cung cấp cấp 2 thì đến cuối năm 2022, số lượng nhà cung cấp đã tăng hơn 400%, lên thành 257.

³⁵ Hiện nay, Việt Nam đã lắp ráp được các loại xe buýt đến 80 chỗ chất lượng cao với tỷ lệ nội địa hoá đến 40%.

³⁶ Ở Trung ương: Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Các Chương trình/Đề án hỗ trợ như: Đề án Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030; Các chương trình nghiên cứu hợp tác song phương, đa phương; chính sách thu hút đối với nhà khoa học, chuyên gia giỏi, trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài...

Tại địa phương: Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND tỉnh Tuyên Quang về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền SHCN trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 05/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 1332/KH-UBND ngày 07/04/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND...

hỗ trợ doanh nghiệp chuyên giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ được triển khai; 37 doanh nghiệp được hỗ trợ ứng dụng, đổi mới công nghệ; 67 doanh nghiệp được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Một số kết quả điển hình: *Son La, Nghệ An* đã ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa quá trình sản xuất nông nghiệp, xây dựng thương hiệu, bảo hộ tài sản trí tuệ, nâng giá trị sản xuất bình quân tăng 2 - 3 lần so với sản xuất nông nghiệp truyền thống; *Hải Phòng, Quảng Ninh* đã kết nối thành công các doanh nghiệp của địa phương và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước Châu Âu về kết nối cung cầu công nghệ, chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo...

Để thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ, đến nay đã có trên 40 địa phương tiến hành nghiên cứu, lập kế hoạch, xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất đối với một số ngành chủ lực, mũi nhọn của một số địa phương như: tỉnh Sơn La đã nghiên cứu, xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong lĩnh vực chế biến thực phẩm; Gia Lai, Đồng Nai, Hải Phòng đã phối hợp với đoàn khảo sát của Bộ KH&CN tổ chức các đoàn khảo sát doanh nghiệp để trực tiếp nắm bắt thực trạng và nhu cầu cải tiến, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó đã xác định được trên 20 nhu cầu cải tiến, đổi mới công nghệ cụ thể của doanh nghiệp.

3. Phát triển thị trường, doanh nghiệp KH&CN và KNĐMST

- Việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển thị trường KH&CN đã được tập trung triển khai từ Trung ương đến địa phương, về cơ bản đã tạo được môi trường pháp lý cho các hoạt động giao dịch trong thị trường KH&CN.

Ngày 05/10/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 25/CT-TTg về phát triển thị trường KH&CN đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập, đã chỉ đạo nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục tồn tại, bất cập để tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN trong thời gian tới.

Hiện nay, với sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của 19 Trung tâm giao dịch công nghệ; 20 Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ; 75 Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo và 119 cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN trong cả nước đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hoá các sản phẩm KH&CN, phát triển thị trường KH&CN.

- Về hoạt động KNĐMST: Năm 2023, hoạt động KNĐMST tiếp tục được các địa phương quan tâm với 31 văn bản có nội dung liên quan đến hỗ trợ KHĐMST được ban hành³⁷. Nhiều hoạt động KNĐMST được tổ chức đạt chất

³⁷ Kế hoạch số 2409/KH-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo năm 2023; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST tỉnh Lạng Sơn năm 2023; Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 31/7/2023 của UBND TP. Hà Nội về tổ chức Ngày Hội KNĐMST Vùng Thủ đô năm 2023 (Techfest Hanoi 2023); Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 08/08/2023 của UBND TP. Đà Nẵng về việc tổ chức Ngày hội KNĐMST TP. Đà Nẵng - SURF 2023; Kế hoạch số 406/KH-UBND ngày 09/02/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động KH&CN; hệ sinh thái KNĐMST trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của UBND TP. Hồ

lượng cao, thu hút được sự quan tâm lớn của xã hội, giúp các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, các chuyên gia, nhà đầu tư về khởi nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước cùng nhau trao đổi, chia sẻ những quan điểm, góc nhìn, kinh nghiệm vận hành, từ đó tạo nguồn năng lượng mới cho hệ sinh thái KNĐMST phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Một số hoạt động điển hình đã được các địa phương thực hiện trong năm 2023 như:

(1) *Bắc Giang*: Lần đầu tiên tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest Bắc Giang 2023) và trình diễn kết nối cung cầu công nghệ với rất nhiều sự kiện đa dạng³⁸ đã góp phần thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, KNĐMST của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh trong tất cả các lĩnh vực; khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển của những ý tưởng, dự án, sản phẩm, mô hình kinh doanh có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên việc khai thác TSTT, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh;

(2) *Hải Phòng*: Techfest Haiphong 2023 đã hỗ trợ trực tiếp 20 cuộc gặp gỡ kết nối giữa các doanh nghiệp của Hải Phòng và các doanh nghiệp của nước ngoài về chuyên đổi số; Giới thiệu 5 sản phẩm của công ty đổi mới sáng tạo Việt Nam và 5 sản phẩm của công ty đổi mới sáng tạo Hàn Quốc...

(3) *Nam Định*: Diễn đàn cấp cao về xây dựng hệ sinh thái KNĐMST vùng Đồng bằng sông Hồng do UBND tỉnh Nam Định phối hợp với Bộ KH&CN và VCCI tổ chức góp phần tạo động lực và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp, tinh thần doanh nhân, tạo lập văn hóa khởi nghiệp từ tài nguyên bản địa; đẩy mạnh liên kết hệ sinh thái KNĐMST mở, kết nối các chủ thể; liên kết và phát triển mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Hồng.

(4) *Hà Nội*: Ngày hội KNĐMST Vùng Thủ đô năm 2023³⁹ với chủ đề “Hà Nội kết nối Vùng Thủ đô - sáng tạo và phát triển” đã Triển lãm giới thiệu các dự án, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, trình diễn công nghệ và kết nối cung cầu với 120 gian hàng của các tập đoàn, doanh nghiệp, trường đại học, vườn ươm doanh nghiệp trong Vùng Thủ đô; trưng bày, giới thiệu hơn 1.000 sản phẩm là các dự án, ý tưởng, sản phẩm KH&CN, sản phẩm OCOP đã được bảo hộ quyền SHTT và các sản phẩm tiêu biểu khác của Hà Nội và các địa phương trong Vùng Thủ đô. Triển lãm đã thu hút trên 5.000 lượt khách tham quan đại diện cho các tổ chức, cá nhân, đến tiếp cận, trải nghiệm công nghệ, giải pháp đa ngành, đa lĩnh vực về khởi sự kinh doanh, đổi mới sáng tạo. Đây là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển của thị trường KH&CN Vùng Thủ đô.

Chính minh quy định mức chi triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST quốc gia đến năm 2025” tại TP. Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 393/KH-UBND ngày 17/2/2023 của UBND tỉnh Long An về việc triển khai các hoạt động “Hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST tỉnh Tây Ninh” năm 2023; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về hỗ trợ KNĐMST trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2023...

³⁸ Trong khuôn khổ sự kiện đã diễn ra: Hội thảo KNĐMST gắn với khai thác giá trị di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên nhằm phát triển du lịch bền vững tỉnh Bắc Giang; Lễ Khai mạc và Lễ Bế mạc Ngày hội KNĐMST tỉnh Bắc Giang; Diễn đàn phát triển nguồn nhân lực và không gian đổi mới trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; Khai trương không gian trưng bày sản phẩm OCOP, sản phẩm tiêu biểu, sản phẩm KNĐMST, sản phẩm KH&CN....

³⁹ Gồm các tỉnh/thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ; từ ngày 12-14/10/2023 tại Trung tâm Hội nghị quốc gia.

(5) TP. Hồ Chí Minh: Techfest - Whise 2023⁴⁰ với chủ đề “Phát huy tài nguyên đất nước - Nâng tầm Hệ sinh thái KNĐMST Việt Nam hội nhập quốc tế”- đã mang đến cơ hội kết nối nguồn lực tài chính, đối tác, phát triển thị trường trong nước và quốc tế, chia sẻ kiến thức cho các sáng lập viên giúp cho các doanh nghiệp phát huy hiệu quả nguồn lực, đổi mới chiến lược sản xuất, kinh doanh, gia tăng năng suất, lợi nhuận,... Trong khuôn khổ sự kiện đã diễn ra các hoạt động như: Cuộc thi Tìm kiếm tài năng KNĐMST quốc gia; Diễn đàn chính sách phát triển hệ sinh thái KNĐMST quốc gia; Dấu ấn Techfest - Whise 2023; Kết nối đầu tư trong nước và quốc tế nhằm hỗ trợ các địa phương phát huy hơn nữa mối liên kết giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp KNĐMST và các doanh nghiệp, chuyên gia uy tín trong nước, quốc tế, đặc biệt là người Việt Nam tại nước ngoài...

Bộ KH&CN đang phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai Đề án thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại 03 thành phố là Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng theo Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Diễn đàn Quỹ đầu tư Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023, số lượng quỹ và giá trị cam kết đầu tư vào KHĐMST tại Việt Nam không ngừng tăng cao. Đến nay, đã có 39 quỹ với 1,5 tỷ USD (tăng 21 quỹ so với năm 2019), hơn 1.000 tổ chức có năng lực hỗ trợ khởi nghiệp, trong đó có 202 khu làm việc chung, 217 quỹ đầu tư, nhà đầu tư, 79 cơ sở ươm tạo, 40 tổ chức thúc đẩy kinh doanh, trên 140 trường đại học, cao đẳng hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; các doanh nghiệp tập đoàn lớn bắt đầu tham gia vào hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp với vai trò là nhà đầu tư tài chính, chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn chuyên môn và giúp doanh nghiệp khởi nghiệp mở rộng thị trường,...

Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu - GII năm 2023, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Việt Nam có bước phát triển rất tích cực. Việt Nam hiện xếp thứ 46/132 quốc gia, nền kinh tế (tăng 02 bậc so với năm 2022). Với kết quả này, Việt Nam đang duy trì vị trí thứ 2 trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp, xếp sau Ấn Độ. Trong khu vực ASEAN, Việt Nam xếp sau Singapore (5), Malaysia (36) và Thái Lan (43). Theo WIPO, Việt Nam là một trong 7 quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về ĐMST trong thập kỷ qua và cũng là một trong 3 quốc gia giữ kỷ lục có thành tích vượt trội so với mức độ phát triển trong 13 năm liên tiếp. Đặc biệt, TP. Hà Nội lần đầu tiên lọt vào top 200 thành phố khởi nghiệp sáng tạo toàn cầu. Đầu tư cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo Việt Nam giữ được mức phát triển tốt so với các nước khu vực ASEAN (với 56 dự án, tổng vốn đầu tư gần 500 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2023).

4. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại các

⁴⁰ Được tổ chức ngày 23-25/11/2023 tại TP. Hồ Chí Minh; có sự tham dự và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, đại diện Lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương; đại diện một số Đại sứ quán, tổ chức quốc tế tại Việt Nam; đại diện các cơ sở ươm tạo, nhà đầu tư, doanh nghiệp KNĐMST, chuyên gia công nghệ, tập đoàn kinh tế.

phương tiếp tục được đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Các địa phương đã chủ động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm vi quản lý đối với các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đặc thù của địa phương; yêu cầu cụ thể về kiểm soát an toàn, môi trường phù hợp với đặc điểm địa lý, khí hậu, thủy văn và trình độ phát triển KT-XH của địa phương⁴¹. Qua đó đã giúp tăng cường công tác quản lý chất lượng, an toàn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại địa phương.

Công tác phổ biến áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương,... ; hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với các tổ chức, cá nhân tại địa phương được tăng cường.

Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn tại địa phương đáp ứng cơ bản nhu cầu về đảm bảo đo lường trong thương mại, giao nhận hàng hóa, trong quản lý thị trường và xuất nhập khẩu. Với 284.939 phương tiện đo đã kiểm định, trong đó có 258.677 phương tiện đo đạt yêu cầu và 26.262 phương tiện đo không đạt yêu cầu.

Trong năm 2023, các địa phương đã thực hiện tốt công tác kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, cụ thể như sau: (i) 333.303 phương tiện đo được kiểm tra tại 4.638 cơ sở, phát hiện 1.407 cơ sở vi phạm (chủ yếu là xăng dầu, điện - điện tử, thiết bị y tế); (ii) 20.893 phép đo được kiểm tra tại 1.791 cơ sở, phát hiện 32 cơ sở vi phạm (chủ yếu trong xăng dầu); (iii) 4.950 hàng hoá đóng gói sẵn được kiểm tra tại 569 cơ sở, phát hiện 18 cơ sở vi phạm (chủ yếu là hàng hoá nông sản, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, khí lỏng, vật liệu xây dựng); kiểm tra 67 tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phát hiện 4 cơ sở vi phạm.

Một số địa phương như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương, Nghệ An, Đà Nẵng... đã thường xuyên cung cấp thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp giúp doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định của WTO giúp các doanh nghiệp nắm bắt các rào cản kỹ thuật trong nước và nước ngoài.

Bên cạnh đó, kết quả triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 ở địa phương cũng được triển khai hiệu quả; nhiều giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng, cho doanh nghiệp được xây dựng và ban hành⁴²; công tác đào tạo, tập

⁴¹ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND 02/03/2023 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND TP. Hải Phòng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về vật liệu sử dụng làm phao dùng trong các bè nuôi trồng thủy sản trên biển và đất có mặt nước ven biển tại thành phố Hải Phòng; Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định Ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông...

⁴² Đã có 60/63 địa phương ban hành kế hoạch hằng năm và giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 thực hiện Chương trình; Một số địa phương như Bắc Ninh thực hiện lồng ghép nhiệm vụ, giải pháp thuộc Chương trình 1322 thông qua Đề án "Xây dựng, quản lý và quảng bá thương hiệu các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2030" và Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Thái Bình thực hiện lồng ghép trong Đề án Phát triển KH&CN giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030...

huấn, hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến pháp luật được tăng cường và nhận được sự quan tâm, tham gia tích cực của các doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó các doanh nghiệp đã kịp thời nắm bắt được thông tin góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh được triển khai hiệu quả, đúng quy định.

Để thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc (TXNG), 62/63 tỉnh/thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc; 47/63 địa phương đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền và tập huấn, đào tạo các nội dung trong Đề án; 40/63 địa phương đã xác định sản phẩm đặc trưng/sản phẩm ưu tiên được thực hiện TXNG; 32/63 địa phương đã có các hoạt động chuẩn bị cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh/thành phố; 30/63 địa phương đã triển khai TXNG hoặc đã áp dụng tem TXNG cho một số sản phẩm cụ thể.

Tính đến nay, đã có 37 địa phương phê duyệt kế hoạch năng suất. Các địa phương tiếp tục phối hợp, hướng dẫn các tập đoàn, tổng công ty và các trường đại học, cao đẳng triển khai Quyết định số 36/QĐ-TTg về Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030.

5. Hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật

Công tác xây dựng, ban hành các quy định, văn bản về sở hữu trí tuệ (SHTT) là một trong những hoạt động nổi bật của các địa phương trong năm qua, tiếp tục góp phần tháo gỡ vướng mắc, khuyến khích hoạt động SHTT, nâng cao hiệu quả quản lý SHTT ở địa phương. Cả nước có hơn 50 văn bản liên quan đến việc hướng dẫn áp dụng pháp luật về SHTT, phát triển tài sản trí tuệ (TSTT) và sáng kiến⁴³. Qua đó, hệ thống pháp luật, quy định về SHTT ngày càng hoàn thiện, tạo động lực thúc đẩy, hỗ trợ các hoạt động sáng tạo, ứng dụng các kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển KT-XH của đất nước. Hoạt động quản lý nhà nước về SHTT ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng và phát triển TSTT.

Các địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp (SHCN); triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả xử lý đơn đăng ký quyền SHCN. Hỗ trợ, thúc đẩy bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm chủ lực địa phương; các sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam ra nước ngoài.

Việc triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030 và Chương trình phát triển TSTT đến năm 2030 tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch triển khai Chiến lược, Chương trình và/hoặc lồng ghép nội dung SHTT trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, chính sách phát

⁴³ Thông tư số 23/2023/TT-BKH&CN ngày 30/11/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về SHCN, bảo vệ quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền SHCN và bảo đảm thông tin SHCN. Các địa phương ban hành: Kế hoạch triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển TSTT đến năm 2030, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ TSTT, Quyết định về việc ban hành danh mục các sản phẩm chủ lực của tỉnh...

triển các ngành, lĩnh vực ở địa phương.

Năm 2023, các địa phương đã hướng dẫn xác lập quyền SHCN cho: 2.598 lượt nhãn hiệu; 38 lượt đăng ký về chỉ dẫn địa lý; 107 lượt đăng ký kiểu dáng công nghiệp; 74 lượt sáng chế/giải pháp hữu ích; 39 lượt các đối tượng khác. Hướng dẫn bảo vệ quyền SHCN cho: 361 nhãn hiệu; 9 chỉ dẫn địa lý, 5 kiểu dáng công nghiệp, 14 sáng chế/giải pháp hữu ích và 10 đối tượng khác. Tổng số vụ việc được giải quyết là 379 vụ. Các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, sáng chế/giải pháp hữu ích chủ yếu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương như: “Rượu ngô men lá Na Hang” tỉnh Tuyên Quang; “Ốt Trung Đoàn, Mận Tam Đường, Đào Tam Đường, Lê Tam Đường” tỉnh Lai Châu; “Bưởi Bắc Hương” tỉnh Thanh Hóa; “Sầu riêng” tỉnh Bến Tre... Trong năm vừa qua, cả nước xử lý 1.629 vụ xâm phạm quyền SHCN, xử phạt hơn 8,0 tỷ đồng.

Công tác hỗ trợ phát triển TSTT: có 144 dự án/nhiệm vụ được hỗ trợ về phát triển TSTT; 24 sáng kiến, cải tiến được bảo hộ, khai thác; 134 sản phẩm đặc thù được hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền SHTT; 159 tổ chức được thành lập để quản lý TSTT cộng đồng; 13.052 lượt người được tập huấn, đào tạo về SHTT; 843 doanh nghiệp được hỗ trợ về SHTT; 176 lượt bản tin được phát sóng trên truyền hình tuyên truyền về SHTT được phát sóng; tổng kinh phí chi cho hoạt động SHTT khoảng 46,9 tỷ đồng.

Trong năm qua, có 19.669 sáng kiến được công nhận trong tổng 68.868 giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương; 18.343 sáng kiến đang được áp dụng thu lợi 101,8 tỷ đồng. Có 309 sáng kiến đã được chuyển giao với số tiền thu được là 3,5 tỷ đồng; 1.901 sáng kiến được công nhận có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh và 5 sáng kiến được công nhận có phạm vi ảnh hưởng cấp nhà nước. Đối với khối cơ quan, tổ chức doanh nghiệp ngoài Nhà nước, sự quan tâm thúc đẩy hoạt động sáng kiến còn hạn chế, chỉ có 135 sáng kiến đề nghị được công nhận và 33 sáng kiến được công nhận.

Công tác đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT (các quy định mới của Luật SHTT, các cam kết về SHTT trong các Hiệp định thương mại tự do, bảo hộ quyền nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý ở nước ngoài, quản trị TSTT...) được triển khai tích cực trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua hội thảo, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền SHCN, phát triển TSTT. Tính đến nay, đã có 103 hoạt động liên quan đến đào tạo, tuyên truyền được triển khai trong cả nước, thu hút hơn 14.000 lượt người tham gia. Việc thực thi quyền SHCN nhờ đó được tăng cường, góp phần quan trọng trong việc đẩy lùi hàng giả, hàng nhái xâm phạm quyền SHCN.

6. Hoạt động đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ

Công tác quản lý, kiểm soát trình độ công nghệ đối với các dự án đầu tư ngày càng được nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu thực tế. Thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư, cụ thể:

Năm 2023, đã thẩm định đối với 79 dự án đầu tư có nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; 443 loại công nghệ của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; có 86 dự án đầu tư bị từ chối công nghệ được áp dụng. Qua đó, góp phần ngăn chặn công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm môi trường xâm nhập vào địa phương.

Các địa phương tích cực phối hợp với Bộ KH&CN tổ chức hội nghị, hội thảo, tìm giải pháp liên quan đến vấn đề lựa chọn, đánh giá công nghệ phù hợp ứng dụng trong phát triển KT-XH địa phương. Điển hình, vào tháng 11/2023, ngay sau khi nhận được đề nghị cấp thiết của UBND tỉnh Bến Tre và đánh giá thực tiễn về vấn đề xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, xác định đây là vấn đề nóng không chỉ với tỉnh Bến Tre mà đối với toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) cũng như cả nước. Bộ KH&CN đã khẩn trương phối hợp với UBND tỉnh Bến Tre tổ chức Hội thảo “Công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt - thực trạng và giải pháp”. Hội thảo thu hút sự tham gia đông đảo của các chuyên gia, nhà khoa học, các doanh nghiệp và địa phương trong vùng; đã giới thiệu, chia sẻ nhiều giải pháp công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã và đang áp dụng tại Việt Nam và trên thế giới..., từ đó giúp các địa phương có thể xem xét, cân nhắc lựa chọn các giải pháp công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

7. Hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

Trong năm qua, các địa phương đã tiếp tục chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật, quy định liên quan trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn; thẩm định, cấp phép sử dụng thiết bị bức xạ cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện; thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và phối hợp thanh tra các cơ sở bức xạ sử dụng thiết bị X-quang trong chẩn đoán y khoa, các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong y tế, công nghiệp. Bên cạnh đó, các địa phương cũng chủ động tham mưu UBND tỉnh xây dựng các văn bản về ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh.

Năm 2023, các địa phương đã tiến hành cấp phép cho 5.854 nhân viên bức xạ, 2.271 thiết bị x-quang; thanh tra 210 cơ sở và xử phạt vi phạm hành chính 182 triệu đồng; kiểm tra 86 cơ sở và xử phạt vi phạm hành chính 67,1 triệu đồng (chủ yếu thuộc lĩnh vực y tế, công nghiệp)⁴⁴.

8. Hoạt động thông tin và thống kê khoa học và công nghệ

Hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN được các địa phương thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm phổ biến, tuyên truyền những kết quả KH&CN, thành tựu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất đến với người dân. Việc cung cấp thông tin KH&CN ngày càng phong phú với nội dung

⁴⁴ Theo báo cáo của địa phương, cả nước có 57 cơ sở có ứng dụng y học hạt nhân, 18 cơ sở ứng dụng xạ trị; 105 thiết bị về y học hạt nhân và xạ trị; 210 kỹ thuật viên và 99 bác sĩ đang trực tiếp làm việc trong lĩnh vực này. Về lĩnh vực năng lượng nguyên tử: Hiện nay, có 410 cơ sở có ứng dụng năng lượng nguyên tử (chủ yếu là máy soi an ninh hải quan và soi bo mạch, linh kiện) với 716 nguồn phóng xạ kín, 1.050 thiết bị bức xạ và 1.092 nhân viên bức xạ đang tham gia công tác.

chất lượng hơn qua các kênh truyền hình, đài phát thanh, các bản tin KH&CN, tạp chí, tập san KH&CN... Năm 2023, có 308.362 lượt khai thác/sử dụng dữ liệu trực tuyến về KH&CN ở địa phương.

Công tác thu thập, đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện và công bố thông tin: cả nước có 955 nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu và đăng ký kết quả; 1.026 nhiệm vụ KH&CN đã được ứng dụng vào thực tiễn; 1.743 nhiệm vụ KH&CN được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

Theo số liệu báo cáo của địa phương, công tác phát triển nguồn tin KH&CN trong năm 2023 còn hạn chế, kinh phí đầu tư cho công tác phát triển nguồn tin KH&CN chỉ đạt 8,9 tỷ đồng (bằng 1/3 so với năm 2022) với 417 đầu sách KH&CN, 53.831 lượt tin bài/bản tin, 5.448 tạp chí, ấn phẩm KH&CN, 757 cơ sở dữ liệu KH&CN và 19.838 loại khác (lich, sổ tay...).

9. Hoạt động thanh tra, kiểm tra khoa học và công nghệ

Năm 2023, các địa phương đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 1.447 cuộc; 1.510 cá nhân được thanh tra, kiểm tra; 6.886 tổ chức được thanh tra, kiểm tra; phát hiện 687 vụ vi phạm; số tiền xử phạt hơn 3,04 tỷ đồng.

Nhìn chung, các tỉnh/thành phố đã chủ động tham mưu cấp thẩm quyền xây dựng kế hoạch và tổ chức các đợt kiểm tra, thanh tra định kỳ, thanh tra chuyên đề, thanh tra, kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, SHTT, an toàn bức xạ hạt nhân,... của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Các đợt thanh tra, kiểm tra tập trung vào một số sản phẩm như: xăng dầu, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện - điện tử, vàng trang sức, bảo vệ quyền SHTT, nhãn hiệu hàng hoá... Bên cạnh đó, hoạt động thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực KH&CN do các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra trực thuộc Bộ KH&CN tổ chức triển khai trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường xuyên có sự tham gia, phối hợp quan trọng của lực lượng thanh tra địa phương.

10. Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

Hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN tại địa phương diễn ra sôi động trên nhiều lĩnh vực: đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực chất lượng cao, thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, vốn ODA vào địa phương, chuyên giao, ứng dụng công nghệ phát triển du lịch bền vững, kết nối cung cầu, chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu,... Nhiều văn bản thỏa thuận, chương trình hợp tác nghiên cứu đã được ký kết và triển khai thực hiện hiệu quả với các trường Đại học, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, nhất là trong lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp. Nhiều tỉnh/thành phố đã tích cực, chủ động trao đổi, học tập kinh nghiệm, tăng cường liên kết, hợp tác và tìm kiếm cơ hội, mở rộng hợp tác quốc tế về hoạt động KH&CN, điển hình như:

- *Hải Phòng*: đã tổ chức 05 cuộc kết nối cung cầu công nghệ giữa các doanh nghiệp trong nước với nước ngoài tại Hải Phòng; tham quan, khảo sát về KH,CN&ĐMST, khởi nghiệp trong và ngoài nước; triển khai các chương trình

phối hợp, thỏa thuận hợp tác về KH&CN với Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Kinh tế Việt Nam, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Sở KH&CN các tỉnh Lào Cai, Cần Thơ, Yên Bái, Hậu Giang...

- *TP.Hồ Chí Minh*: thực hiện các chương trình hợp tác với Học viện Bách Khoa Quốc gia Toulouse (Pháp) trong lĩnh vực phân tích thí nghiệm; Tập đoàn Mitsubishi, Công ty Hibiya (Nhật Bản), The World Bank về hệ thống quản lý năng lượng; Trường Đại học Deagu, Shinhan Future's Lab, Ban Xúc tiến các doanh nghiệp khởi nghiệp Deagu (Hàn Quốc), Gyeongbuk Technopark (Hàn Quốc), MaGIC (Malaysia), Đại học Outreach (Thụy Điển), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF Vietnam), German Accelerator Southeast Asia (Đức), Quest Ventures (Singapore) về hoạt động khởi nghiệp, kết nối toàn cầu; hợp tác với Đại học Tokyo (Nhật Bản) về Chương trình phát triển ngành công nghiệp MEMS, Đại học Tsukuba (Nhật Bản) về mô hình minimal fab; hợp tác với các chuyên gia từ các trường Đại học lớn (Đại học Birmingham - Anh Quốc, Đại học Southern Methodist - Hoa Kỳ, Đại học Ritsumeikan, Đại học Kyoto - Nhật Bản) thảo luận về vấn đề “Robot và Trí tuệ nhân tạo”... Đồng thời, Thành phố thường xuyên tổ chức đoàn công tác tham dự các khóa học tập kinh nghiệm, nghiên cứu chính sách, mô hình về hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, nông nghiệp,.. tại các nước như: Úc, Israel, Hàn Quốc, Nhật Bản, Phần Lan, New Zealand, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia...

- *Bình Thuận*: triển khai hợp tác quốc tế với Trường Đại học Liège, Gembloux Agro-Bio Tech (Vương quốc Bỉ) trong Dự án “Giải pháp quản lý, kiểm soát dịch bệnh và nâng cao giá trị sử dụng phụ phẩm trong canh tác thanh long”. Ngoài việc triển khai dự án, dự án còn tuyển chọn 03 nghiên cứu sinh Việt Nam sang nghiên cứu và học tập tại Trường Đại học Liège và Trường Đại học Louvain-la-Neuve, Vương quốc Bỉ. Ngoài ra, trong khuôn khổ Dự án EU - MUTRAP Bình Thuận còn tổ chức cho phía Nhật Bản khảo sát thực địa các nông trại thanh long Bình Thuận để hoàn thiện quy trình đăng ký chỉ dẫn địa lý thanh long Bình Thuận sang Nhật Bản.

- *Bà Rịa - Vũng Tàu*: tổ chức nhiều đoàn công tác đi nghiên cứu, học tập về đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Israel; mô hình đô thị thông minh tại Hàn Quốc và Singapore; tham dự Tuần lễ công nghệ biển tại Brest (Pháp); trao đổi, làm việc về mô hình tổ chức, hoạt động công viên khoa học công nghệ biển phục vụ Đề án xây dựng Khu khoa học công nghệ biển của tỉnh; học tập kinh nghiệm về xây dựng chính sách, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp tại Ấn Độ; học tập kinh nghiệm xây dựng và vận hành Trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại Pháp và Thụy Sĩ; thăm và làm việc tại Pháp, Bỉ, Ý về KNĐMST và nội dung liên quan đến việc xây dựng Khu Hải dương học trong Khu KH&CN biển tại cầu Cỏ May, TP. Vũng Tàu; mời gọi các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm đến làm việc, tư vấn cho tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp, hoàn thiện quy hoạch dự án Khu KH&CN biển...

11. Hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN địa phương

Năm 2023, hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN tại các tỉnh/thành phố cơ bản chưa phát huy được hiệu quả, không có thêm tỉnh/thành nào thành lập Quỹ phát triển KH&CN địa phương⁴⁵. Hoạt động cho vay từ Quỹ chỉ được triển khai ở một số ít địa phương với giá trị chưa cao⁴⁶, chủ yếu tập trung đầu tư nghiên cứu ứng dụng tạo ra sản phẩm. Theo báo cáo thông kê của các địa phương, cả nước có 09 dự án hỗ trợ cho vay với tổng giá trị 11,3 tỷ đồng.

12. Hoạt động khác

- Với tinh thần chủ động, tích cực hành động, một số Sở KH&CN đã phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN, tham mưu Lãnh đạo tỉnh/thành phố tổ chức thành công 06 cuộc làm việc của Lãnh đạo Bộ KH&CN với Lãnh đạo 06 tỉnh/thành phố trên cả nước⁴⁷; ký kết 02 Chương trình phối hợp hoạt động KH,CN&ĐMST giữa Bộ KH&CN với UBND các tỉnh/thành phố⁴⁸; tổ chức thành công Hội nghị Giám đốc Sở toàn quốc năm 2023 tại tỉnh Bình Định và 03 Hội nghị Giao ban Vùng⁴⁹ cùng nhiều sự kiện lớn của ngành tại địa phương⁵⁰... Điều này cho thấy sự quan tâm của các cấp chính quyền tại địa phương, cũng sự quyết tâm, nỗ lực của các Sở KH&CN trong việc thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST trong thời gian tới.

- Cuối năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đã tiến hành báo cáo sơ kết tình hình 01 năm triển khai thực hiện 06 Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁵¹. Qua đó, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về KH&CN&ĐMST góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng; làm rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất giải pháp tăng cường sự tham gia của KH&CN&ĐMST trong phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng.

⁴⁵ Cả nước có 32/63 tỉnh/thành phố đã thành lập Quỹ phát triển KH&CN, trong đó có 03 tỉnh/thành phố là Đà Nẵng, Kiên Giang và Trà Vinh đã giải thể hoạt động của quỹ.

⁴⁶ Phú Thọ cho vay 04 dự án trị giá 3,1 tỷ đồng; Vĩnh Phúc cho vay 01 dự án trị giá 5,1 tỷ đồng; Quảng Trị cho vay 03 dự án trị giá 2,1 tỷ đồng; Lâm Đồng cho vay 01 dự án trị giá 1,0 tỷ đồng.

⁴⁷ Các cuộc làm việc giữa Bộ KH&CN với UBND tỉnh: Bình Định, Thái Nguyên, Cao Bằng, Nam Định, Hậu Giang, Phú Yên.

⁴⁸ Chương trình phối hợp hoạt động KH,CN&ĐMST giữa Bộ KH&CN và UBND tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023-2030; Chương trình phối hợp hoạt động KH,CN&ĐMST giữa Bộ KH&CN, UBND tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023-2030.

⁴⁹ Hội nghị Giao ban vùng ĐBSH tỉnh Nam Định, Hội nghị Giao ban vùng Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk, Hội nghị Giao ban vùng Đông Nam Bộ tại tỉnh Bình Dương.

⁵⁰ Techfest Quốc gia 2022 tại TP. Hồ Chí Minh; Techconnect 2023 tại Quảng Ninh, Techfest Vùng Thủ đô tại Hà Nội; Techfest địa phương tại: Bắc Ninh, Bắc Giang...

⁵¹ Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 10/2/2022 về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm QPAN vùng TD&MNBB đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 2/4/2022 về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm QPAN vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 6/10/2022 về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm QPAN vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và bảo đảm QPAN vùng ĐNB đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Xúc tiến đầu tư Vùng; Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 3/11/2022 về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm QPAN vùng BTB&DHTB đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và bảo đảm QPAN vùng ĐBSH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

V. Một số kết quả KH&CN nổi bật của các Vùng đóng góp cho phát triển KT-XH

1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Với lợi thế nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quý hiếm và diện tích đồi rừng rộng lớn, Trung du và miền núi phía Bắc được xem là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững. Kết quả các nhiệm vụ KH&CN đã góp phần làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản, tạo nên những điểm sáng trong phát triển công nghiệp, nông nghiệp như tại một số tỉnh: Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Sơn La, Lào Cai... Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới công nghệ đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo công ăn việc làm cho bà con các dân tộc trong Vùng, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương⁵²; hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thị trường KH&CN tiếp tục được đẩy mạnh phát triển⁵³; công tác quản lý hoạt động KH&CN được tăng cường đáp ứng yêu cầu thực tiễn⁵⁴; hoạt động đối ngoại và hợp tác, liên kết vùng tiếp tục được các địa phương quan tâm, chú trọng... Đặc biệt, Bắc Giang vẫn giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước năm 2023 với tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) 13,45%.

2. Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH): Là một trong ba vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước, có tiềm lực KH, CN & ĐMST đứng đầu cả nước⁵⁵. KH&CN tiếp tục có những đóng góp quan trọng trong đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế vùng theo định hướng phát triển 03 trụ cột chủ yếu là công nghiệp công nghệ cao, cảng biển - logistics, du lịch - thương mại. Ứng dụng khoa học kỹ thuật sử dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất đã giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, tạo ra được các sản phẩm có giá trị cao⁵⁶; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ. Đến nay, hầu hết các sản phẩm chủ lực của các địa phương trong vùng đều đã và đang được triển khai xây dựng và tạo lập giá trị tài sản sở hữu trí tuệ. Năm 2023, các địa phương trong vùng tổ chức nhiều hoạt động thiết thực thúc đẩy KH, CN & ĐMST gắn với lợi thế của từng địa phương⁵⁷

⁵² Nhiệm vụ Phát triển thị trường cho doanh nghiệp KNDMST thuộc Đề án 844 quốc gia: đã hỗ trợ 06 doanh nghiệp, cá nhân/nhóm KNDMST có doanh thu tăng; 33 Doanh nghiệp KNDMST được kết nối, tư vấn; 24 Tập đoàn, doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội, chính quyền địa phương tham gia kết nối.

⁵³ **Bắc Giang** đã tổ chức thành công chuỗi sự kiện Techfest Bắc Giang năm 2023, kết nối hệ sinh KNDMST của tỉnh Bắc Giang với các tỉnh lân cận (Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn...), thúc đẩy hình thành các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo vùng và góp phần xây dựng hệ sinh thái KNDMST quốc gia.

⁵⁴ **Phú Thọ:** Tích cực hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia năm 2023; **Bắc Giang:** Hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai xây dựng, áp dụng chương trình đảm bảo đo lường (Công ty CP Tập đoàn FEC và Công ty TNHH Năm Được liệu Adenco); hướng dẫn hỗ trợ đăng ký sáng chế cho các doanh nghiệp.

⁵⁵ Toàn vùng hiện có 291/552 tổ chức nghiên cứu và phát triển (chiếm trên 50% tổng số tổ chức nghiên cứu và phát triển cả nước); có trên 150 trường đại học, học viện; có 14/17 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; hơn 500 tổ chức KH&CN công lập và ngoài công lập, 5/22 sản giao dịch công nghệ thiết bị; có trên 300 doanh nghiệp KH&CN.

⁵⁶ Điển hình như Công ty Bóng đèn phích nước Rạng Đông (Hà Nội) đã chế tạo thành công hệ thống chiếu sáng chuyên dụng tiết kiệm năng lượng, phù hợp với chu kỳ phát triển sinh học của một số loại cây hoa và cây ăn quả nhằm điều khiển thời gian ra hoa, kết trái.

⁵⁷ **Techfest Haiphong 2023**, đã hỗ trợ trực tiếp 20 cuộc gặp gỡ kết nối giữa các doanh nghiệp của Hải Phòng và các doanh nghiệp của nước ngoài về chuyển đổi số; Giới thiệu nhiều sản phẩm đổi mới sáng tạo ở trong nước và nước ngoài. **Quảng Ninh** phối hợp với Bộ KH&CN tổ chức thành công sự kiện Kết nối công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2023 - Techconnect and Innovation Vietnam 2023 với sự tham dự của hơn 10.000 đại biểu trong và ngoài nước, 20 văn kiện/hợp đồng hợp tác đã được ký kết. **Nam Định** phối hợp với Bộ KH&CN và VCCI tổ chức Diễn đàn cấp cao về xây dựng hệ sinh thái KNDMST vùng đồng bằng sông Hồng góp phần tạo động lực và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp, tinh thần doanh nhân, tạo lập văn hóa khởi nghiệp từ tài nguyên bản địa; đẩy mạnh liên kết hệ sinh thái KNDMST mở, kết nối các chủ thể; liên kết và phát triển mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo các tỉnh khu vực ĐBSH.

như tổ chức các cuộc thi tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp, giải thưởng KH&CN⁵⁸; ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo⁵⁹... Hoạt động xúc tiến đầu tư, phát triển hạ tầng, kết nối cung cầu có những kết quả vượt trội⁶⁰. Bên cạnh đó, các tỉnh/thành phố đã ban hành chính sách khuyến khích và ưu tiên dành nguồn lực cho việc nghiên cứu ứng dụng và hoàn thiện quy trình sản xuất các sản phẩm chủ lực góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, đóng góp tích cực, hiệu quả cho phát triển KT-XH của địa phương nói riêng, vùng ĐBSH nói chung. Chính vì thế, nhiều địa phương trong vùng đã có chỉ số xếp hạng về mức tăng trưởng đáng ghi nhận trong năm 2023 như: Quảng Ninh, Hải Phòng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, GRDP tăng lần lượt là 11,03% và 10,34%, đứng thứ 3 và thứ 5 cả nước, đứng vị trí thứ 1 và thứ 2 của vùng ĐBSH. Tiếp đến là Nam Định, Hưng Yên, Hà Nam đều nằm trong top 10 địa phương có tăng trưởng GRDP 2023 cao nhất cả nước.

3. Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ: Đây là vùng có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH và an ninh quốc phòng. Hoạt động KH&CN được các địa phương xác định tập trung vào phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học⁶¹, liên kết các ngành, doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học và trường đại học. Ứng dụng hiệu quả KH&CN trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; phát triển năng lượng tái tạo; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến⁶²; phát triển hiệu quả kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng⁶³. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiệu quả trong chọn tạo, phát triển các đối tượng cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt⁶⁴; tích cực thúc đẩy liên kết vùng trong việc ứng dụng các kết quả KH&CN để sản xuất sản phẩm theo chuỗi giá trị⁶⁵.

⁵⁸ **Bắc Ninh:** Cuộc thi KNDMST tỉnh Bắc Ninh năm 2023; **Ninh Bình:** Giải thưởng Hoa Lư tổ chức lần thứ III thu hút 63 công trình tham gia tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, có tiềm năng ứng dụng thực tế, góp phần phát triển và tăng trưởng KT-XH của tỉnh Ninh Bình và của vùng.

⁵⁹ Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh 2023; Ngày hội KNDMST Vùng Thủ đô năm 2023; “Ngày hội KNDMST vùng đồng bằng sông Hồng năm 2023”.

⁶⁰ **Thái Bình** đã khai trương trưng bày, giới thiệu các sản phẩm OCOP, sản phẩm KH&CN và sản phẩm chủ lực của tỉnh tại Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị Thái Bình; **Vĩnh Phúc:** Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến đã thu hút được hơn 2.200 doanh nghiệp tham gia với hơn 4.500 sản phẩm được chào bán.

⁶¹ **Nghệ An, Huế, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Bình Định,...** đều đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

⁶² Điển hình như ứng dụng công nghệ trong nuôi yến, khai thác yến sào, khai thác cá ngừ, nuôi tôm hùm... mang lại sản lượng lớn, giá trị gia tăng cho sản phẩm.

⁶³ Phát triển các giống dược liệu quý: quế, Sa nhân tím, Sâm Ngọc Linh,...

⁶⁴ Lúa, mía, sắn, lạc, khoai tây, cây ăn quả có múi, rau an toàn; cây dược liệu; chăn nuôi gia súc (bò, lợn), gia cầm (gà, vịt, ngan); nuôi thủy sản lươn, cá trắm, cá chép, cua, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, ngao, hào,...

⁶⁵ **Thanh Hóa:** Nghiên cứu chọn tạo giống lúa thuần Thanh Hương ngắn ngày, năng suất, chất lượng, có khả năng thích ứng rộng với các vùng sinh thái, được Sở NN&PTNT các tỉnh phía Bắc đưa vào cơ cấu bộ giống lúa, góp phần làm đa dạng hóa bộ giống lúa thuần. **Nghệ An** nhờ áp dụng các tiến bộ KH&CN mà diện tích canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ ở một số khâu của quá trình sản xuất đạt 9.502 ha (*chiếm 3,1% diện tích canh tác nông nghiệp*). Giá trị sản xuất bình quân của nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới từ 200 - 250 triệu đồng/ha, cao gấp 2 - 3 lần so với sản xuất nông nghiệp truyền thống, trong đó sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap đạt bình quân 250 - 300 triệu đồng/ha, sản xuất cam ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân tự động đạt bình quân từ 600-700 triệu đồng/ha. **Hà Tĩnh** đã xây dựng thành công các mô hình nuôi lươn đồng thương phẩm không sử dụng bùn tại huyện Lộc Hà và Thị xã Hồng Lĩnh. Kết quả đạt được sau 10 tháng nuôi, lươn đạt trọng lượng từ 150-200 g/con, năng suất bình quân đạt 43 kg/m². Hiệu quả kinh tế đạt trung bình 1 triệu đồng/m²; ..

4. Vùng Tây Nguyên: Với vị trí chiến lược của mình, các tỉnh trong vùng đã có bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của vùng và cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, giảm dần tỷ trọng nhóm ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Hoạt động KH,CN&ĐMST đã góp phần đẩy mạnh nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng thị trường; nghiên cứu hoàn thiện, chuyển giao vào sản xuất các quy trình canh tác tiên tiến, quy trình xử lý ra hoa trái vụ hiệu quả; kỹ thuật xử lý, quản lý dịch hại, công nghệ xử lý, bảo quản, chế biến sau thu hoạch đối với các loại cây trồng có thế mạnh của Vùng⁶⁶. Các địa phương đã xác định được danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, đặc thù để xây dựng chương trình phát triển; hình thành các vùng sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nông nghiệp tập trung...; xây dựng, quản lý mã số vùng trồng đối với các cây trồng chủ lực, hướng tới nền nông nghiệp số hoàn chỉnh⁶⁷.

5. Vùng Đông Nam Bộ: Là vùng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước. Các nhiệm vụ KH&CN được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, tập trung ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn sản xuất và đời sống; nhiều kết quả KH&CN có khả năng ứng dụng và nhân rộng cao, mang lại ý nghĩa thiết thực, phục vụ trực tiếp cho các mục tiêu phát triển KT-XH của vùng⁶⁸. Tiếp tục là vùng dẫn đầu cả nước về hoạt động khởi nghiệp ĐMST⁶⁹, các doanh nghiệp KH&CN chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo⁷⁰. Một số kết quả nổi bật như: kết quả nghiên cứu của Công ty Nanogen

⁶⁶ Nhiệm vụ về giải pháp phục vụ nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tại các vùng có nguy cơ hạn hán cao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano trong canh tác Bơ tại tỉnh Đắk Nông; Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ trong bảo quản và chế biến quả chanh dây tại tỉnh Đắk Nông và khu vực Tây Nguyên; Nghiên cứu công nghệ, thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị đồng bộ để sơ chế và bảo quản Mắc ca tại Đắk Nông và vùng Tây Nguyên; Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong trồng một số loài trà hoa vàng (Camellia spp.) phục vụ sản xuất trà túi lọc ở Lâm Đồng; Đánh giá khả năng thích nghi và đề xuất các giải pháp sử dụng đất hợp lý trên các dạng lập địa trồng cây dược liệu chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁶⁷ **Đắk Lắk** đang xây dựng Đề án phát triển cây sầu riêng, thắt chặt quản lý mã số vùng trồng cũng như mã cơ sở đóng gói; **Lâm Đồng** hiện có 33 mã số vùng trồng sầu riêng xuất khẩu với diện tích hơn 2.000ha, thuộc 683 hộ với sản lượng đạt 75.000 tấn/năm; **Gia Lai** xây dựng được 180 - 200 mã số vùng trồng và khoảng 40 - 50 mã số cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu.

⁶⁸ **TP. Hồ Chí Minh:** Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, triển khai lắp đặt cảm biến áp suất sử dụng vật liệu Silicon Carbide (SiC) ứng dụng trong hệ thống trạm quan trắc ngập lụt đô thị trực tuyến tại địa bàn huyện Nhà Bè; đã thương mại hoá cho Thành phố Thủ Đức, với giá thành rẻ, độ tin cậy tương đương các sản phẩm nhập ngoại. **Đông Nai:** Nghiên cứu giá trị của cìm, nội soi clo test và pcr chẩn đoán vi khuẩn h. Pylori trong bệnh viêm loét dạ dày-tá tràng. Kết quả của nhiệm vụ đã góp phần giảm chi phí cho người bệnh khi sử dụng các phác đồ không hiệu quả, tránh được nguy cơ kháng thuốc. **Bình Dương:** Công nhận và xây dựng vườn cây đầu dòng bưởi đường da láng và Bưởi ôi ở xã Bạch Đằng, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên - Sản phẩm của dự án là vườn cây đầu dòng 1.000m² với số lượng là 111 cây bưởi bao gồm Đường lá cam, bưởi Ôi, Bưởi Đường da láng, mỗi năm có thể cho 50.000-60.000 bó ghép, hoặc 10.000 cành chiết ở năm thứ 2,3 sau khi trồng, từ sau năm thứ 4 số lượng bó/cành chiết sẽ tăng lên. Doanh thu ước đạt khoảng 700 triệu đồng/năm.

⁶⁹ Tính đến nay, toàn Vùng đã cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 141 doanh nghiệp; 104 doanh nghiệp khởi nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ được khuyến khích phát triển

⁷⁰ **TP. Hồ Chí Minh:** từ năm 2021 đến nay đã hỗ trợ nâng cao năng lực ĐMST cho 6.494 doanh nghiệp, đạt 216% so với chỉ tiêu của cả giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ ươm tạo, phát triển 891 dự án, đạt 89,1% so với chỉ tiêu của cả giai đoạn; hỗ trợ 271 doanh nghiệp KNĐMST tiếp cận nguồn vốn đầu tư mạo hiểm, đạt 271% so với chỉ tiêu của cả giai đoạn và nhiều hoạt động khác; **Đông Nai:** Năm 2023 đạt 176% kế hoạch năm về chỉ tiêu Hỗ trợ ươm tạo, phát triển 1.000 dự án KNĐMST.

trong phát triển công nghệ và sản xuất nhiều sản phẩm điều trị ung thư, viêm gan B, C; Công ty Wakamono đã nghiên cứu và sản xuất ra một loại vật liệu đặc biệt dựa trên nền tảng công nghệ nano có khả năng diệt trừ 99.9% virus Sars-CoV-2 và được cấp bằng sáng chế cũng như chứng nhận chất lượng toàn cầu...

6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Là 1 trong 6 vùng kinh tế trọng điểm, là vựa lúa, đồng thời là vùng nuôi trồng, chế biến thủy hải sản lớn nhất nước. Năm qua, Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục khẳng định vị thế trung tâm sản xuất, xuất khẩu lúa gạo, thủy hải sản, trái cây hàng đầu của cả nước, đóng góp quan trọng vào việc bảo đảm an ninh lương thực cũng như kim ngạch xuất khẩu của quốc gia. Nhiều địa phương tiếp tục khẳng định thế mạnh trong xuất khẩu nông, thủy sản như: Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu đang dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của cả vùng...

Hoạt động KH&CN của vùng đã bám sát các định hướng, chiến lược, kế hoạch của ngành, của địa phương, các nhiệm vụ KH&CN đều tập trung vào phát triển các sản phẩm chủ lực của vùng theo chuỗi giá trị. Tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN vào phát triển các ngành, hàng chủ lực như: Sản xuất gạo chất lượng cao, phát triển các vùng chuyên canh cây ăn quả giá trị cao, xây dựng thành công các vùng nuôi thâm canh, siêu thâm canh tôm thẻ chân trắng, cá tra theo chuỗi giá trị, ... tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm. Thực hiện tốt vai trò là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chất lượng cao theo hướng hiện đại phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, phát triển công nghiệp sơ chế, bảo quản, chế biến, chế biến sâu và công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững⁷¹.

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Những ưu điểm, thành tích nổi bật

Năm 2023, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt Đảng và Nhà nước; sự quan tâm sâu sát của Bộ KH&CN, Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh/thành phố; sự chủ động, sáng tạo của các Sở KH&CN; sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể công chức, viên chức, ngành KH&CN; với tinh thần chủ động, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, về cơ bản, ngành KH&CN đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; toàn ngành đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp hiệu quả, thiết thực cho các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên cả nước nói chung và từng địa phương nói riêng. KH&CN ngày càng khẳng định vai trò là động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của cả nước. Cụ thể:

⁷¹ Tiêu biểu như: (i) **Đồng Tháp** đã phê duyệt nhiều nhiệm vụ KH&CN để hỗ trợ cho phát triển chuỗi sản phẩm từ cá tra (fillet, chả giò, cá viên, cắt khúc, collagen, dầu ăn cao cấp, ...). Hiện nay, sản phẩm cá tra được xuất khẩu đến 132 nước. Đồng Tháp có diện tích nuôi và sản lượng chiếm khoảng 30% của toàn Vùng, góp phần tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người dân trong Vùng; (ii) **Cà Mau** đã tập trung hỗ trợ phát triển sản lượng tôm nuôi đạt 233.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu 1,2 tỷ USD. Hiện tôm Cà Mau được xuất khẩu sang 5 thị trường lớn nhất gồm: Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Đồng thời, năm 2023, sản xuất lúa vùng ĐBSCL ước đạt 3,816 triệu héc-ta, tăng 13.180ha; năng suất ước đạt 62,81 tấn/ha, sản lượng ước đạt 23,970 triệu tấn, tăng 416.000 tấn so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao tăng cao; giá trị xuất khẩu lúa gạo đạt gần 5 tỷ USD tăng 17,3% so với năm 2022.

1. Công tác tham gia xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và cụ thể hoá các cơ chế, chính sách về KH,CN&ĐMST để triển khai thực hiện luôn được các địa phương quan tâm, chú trọng. Các địa phương đã khẩn trương, kịp thời cụ thể hoá, ban hành chương trình/kế hoạch thực hiện một số chủ trương quan trọng về KH&CN&ĐMST: về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển hệ sinh thái KNĐMST; chính sách hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hoá; thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ... Qua đó, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN&ĐMST ở các địa phương được nâng cao, đáp ứng yêu cầu.

2. KH&CN tiếp tục có những đóng góp thiết thực vào sự phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Khoa học xã hội nhân văn đóng góp tích cực trong việc cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho chính quyền các cấp hoạch định cơ chế, chính sách, định hướng phát triển KT-XH của các địa phương. Nhiều kết quả KH&CN, tiến bộ kỹ thuật được chuyển giao, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, phát triển các ngành dịch vụ, văn hóa, du lịch... tại địa phương. Các sản phẩm chủ lực đặc trưng của địa phương được quan tâm, chú trọng đầu tư, khai thác và phát triển; nhiều sản phẩm đã phát huy giá trị kinh tế cao, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển KT-XH của địa phương, của vùng và cả nước.

3. Tổ chức, bộ máy các Sở KH&CN tiếp tục được kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở KH&CN tiếp tục có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc nâng cao năng lực tự chủ, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao và đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý KH&CN ở địa phương tiếp tục được chú trọng. Công tác đầu tư tài chính cho hoạt động KH,CN&ĐMST của các tỉnh/thành phố tiếp tục được quan tâm chú trọng; cơ sở hạ tầng kỹ thuật KH&CN tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện. Nhiều doanh nghiệp tại địa phương tích cực đầu tư cho ứng dụng KH&CN, đổi mới công nghệ trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

4. Hoạt động KNĐMST, phát triển hệ sinh thái KNĐMST được triển khai tích cực, hiệu quả tại các địa phương trên cả nước, đã hình thành thể hệ doanh nghiệp mới năng động, sáng tạo, sẵn sàng tiếp cận thị trường toàn cầu.

5. Công tác bảo hộ, khai thác, phát triển và thực thi quyền SHTT; hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tiếp tục được triển khai hiệu quả, bám sát và phục vụ đắc lực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; bảo vệ kết quả hoạt động sáng tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của từng địa phương và trong nước, phù hợp với tiêu chuẩn và cam kết quốc tế. Hoạt động quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, công nghiệp,... tiếp tục được nâng cao, phục vụ hiệu quả cho phát triển KT-XH.

6. Hoạt động liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN ngày càng

tăng cường với nhiều hình thức phong phú đã giúp các địa phương nhanh chóng tiếp cận các thành tựu KH&CN tiên tiến, hiện đại; nâng cao năng lực trong quản lý và triển khai các nhiệm vụ KH&CN.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Hệ thống pháp luật về KH,CN&ĐMST chưa đồng bộ với pháp luật về tài chính, ngân sách, đầu tư, đấu thầu, quản lý tài sản công...; chưa phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế; chưa có cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ... đã ảnh hưởng, làm hạn chế hoạt động KH,CN&ĐMST trên cả nước nói chung và tại địa phương nói riêng. Cơ chế, chính sách tự chủ về tài chính, tổ chức bộ máy, nhân lực KH&CN đối với tổ chức KH&CN công lập còn bất cập, chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động KH,CN&ĐMST, gây khó khăn cho công tác quản lý và chưa tạo động lực thúc đẩy các tổ chức KH&CN tại các địa phương nói riêng và trên cả nước nói chung phát triển.

2. Tiềm lực KH&CN của các địa phương cơ bản còn hạn chế. Kinh phí dành cho KH,CN&ĐMST từ ngân sách nhà nước mặc dù đã được quan tâm, song vẫn còn thấp so với yêu cầu thực tế của các địa phương; trong khi đó cơ chế huy động các nguồn lực ngoài xã hội cho hoạt động KH&CN còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của các tổ chức KH&CN tại địa phương dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp nhưng vẫn còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ KH&CN lớn, đòi hỏi kỹ thuật cao. Nhân lực KH&CN trình độ cao, chuyên gia KH&CN, cán bộ kỹ thuật còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ KH&CN quy mô lớn, chuyên giao, ứng dụng công nghệ cao, tiến bộ kỹ thuật mới.

3. Chưa hình thành được các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng quy mô lớn, có tính liên ngành, liên vùng để tạo ra sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng lớn, tác động mạnh đến phát triển KT-XH của địa phương và vùng.

4. Thị trường KH&CN đã hình thành và phát triển nhưng còn tồn tại nhiều rào cản, vướng mắc, điểm nghẽn; thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đẩy mạnh cung - cầu công nghệ; năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp ở địa phương còn hạn chế; số doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ không nhiều.

5. Sự liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong nội vùng và ngoại vùng để cùng giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ KH&CN quy mô lớn, có tính liên ngành, liên vùng; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực, đặc trưng của vùng hướng tới sản phẩm mang thương hiệu quốc gia còn rất hạn chế.

Các tồn tại, hạn chế nêu trên ngoài nguyên nhân khách quan, còn có những nguyên nhân chủ quan như: một số cấp ủy, chính quyền địa phương nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của KH&CN đối với sự phát triển KT-XH hoặc có tư tưởng ngại khó vì KH,CN&ĐMST là lĩnh vực rộng, đòi hỏi tính mới, sáng tạo, đầu tư vốn và thời gian lớn, không thể có kết quả nhanh, đồng thời tiềm ẩn nhiều rủi ro và không thể triển khai đồng thời trên quy mô lớn; cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ; công tác

kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ còn thiếu quyết liệt; chưa có cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, đào tạo đãi ngộ, giữ chân nhân lực chất lượng cao; lực lượng cán bộ quản lý KH&CN ở các địa phương còn mỏng; nhiều bộ phận kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý, chưa thúc đẩy KH&CN&ĐMST trên địa bàn.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2024

Nhằm triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội và Chính phủ liên quan đến lĩnh vực KH, CN&ĐMST; Nghị quyết Đại hội Đảng các tỉnh, thành phố; Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Chiến lược phát triển KH, CN&ĐMST đến năm 2030, trong năm 2024, Bộ KH&CN đề nghị các Sở KH&CN các tỉnh/thành phố tập trung cần triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội và Chính phủ liên quan đến lĩnh vực KH, CN&ĐMST, trong đó tập trung triển khai: (1) Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; (2) Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; (3) Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 về phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới; (4) Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2021 - 2025.

2. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật, chính sách về KH, CN&ĐMST, trọng tâm là góp ý để hoàn thiện hồ sơ sửa đổi, bổ sung Luật KH&CN 2013, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Năng lượng nguyên tử; rà soát sửa đổi các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế đầu tư và tài chính cho hoạt động KH&CN, xử lý tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN,... nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoạt động KH&CN&ĐMST. Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ và thương mại hoá kết quả KH&CN tại địa phương.

3. Ưu tiên bố trí kinh phí, tăng cường đầu tư nguồn lực, nâng cao tiềm lực KH&CN địa phương; tham mưu UBND tỉnh/thành phố bố trí kinh phí để triển khai bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương. Đào tạo, phát triển nguồn nhân

lực KH&CN, nhất là đội ngũ cán bộ KH&CN trình độ cao, cán bộ kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ KH&CN phục vụ cho các mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương, vùng. Huy động tối đa nguồn lực của xã hội cho phát triển KH&CN.

4. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030. Tiếp tục bám sát các nhiệm vụ, mục tiêu về phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương, của Vùng đã được xác định trong các Nghị quyết của TW Đảng; các Quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương, của vùng để xây dựng, đề xuất các chương trình, nhiệm vụ KH&CN các cấp nhằm phục vụ thiết thực, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH của từng địa phương và của vùng. Xác định rõ những công nghệ trọng điểm, công nghệ cao cần ưu tiên đầu tư phát triển, phù hợp với điều kiện và phát huy được tiềm năng, lợi thế của địa phương và của vùng.

5. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, nhất là ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong phát triển sản phẩm trọng điểm, chủ lực của địa phương và vùng; tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong các dự án đầu tư, chương trình phát triển KT-XH của địa phương; có giải pháp cụ thể khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và quần chúng nhân dân.

6. Tiếp tục phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái KNĐMST địa phương; tham gia tích cực phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học, viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Đẩy mạnh phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN; thương mại hóa kết quả KH&CN vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Tăng cường kết nối cung - cầu công nghệ; thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập. Tập trung triển khai các giải pháp hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ và đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực tại địa phương.

7. Tăng cường hợp tác, liên kết địa phương, liên kết vùng trong triển khai hoạt động KH&CN & ĐMST, nhất là liên kết các ngành, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, trường đại học giữa các địa phương trong nội vùng với nhau và với các vùng khác; liên kết địa phương, liên kết vùng để giải quyết những vấn đề KH&CN quy mô lớn, liên ngành, liên vùng, tạo sản phẩm theo chuỗi giá trị, có giá trị gia tăng lớn, đóng góp cho phát triển KT-XH của nhiều địa phương và vùng.

8. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động KH&CN & ĐMST tại địa phương; hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; thông tin, thống kê KH&CN, ... Tăng cường công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động KH&CN & ĐMST. Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế về KH&CN & ĐMST; đổi mới công tác truyền thông KH&CN & ĐMST./.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

**SỐ LƯỢNG VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG
Năm 2023**

TT	Tỉnh/Thành phố	Tổng số văn bản mỗi địa phương ban hành	Số văn bản ban hành trong năm 2023 (Ghi rõ số, ngày tháng ban hành và nội dung văn bản)			Cơ quan ban hành		
			Nghị quyết, Chỉ thị	Chương trình, Kế hoạch, Đề án	Quyết định, Quy định quản lý	Tỉnh/Thành ủy	HĐND	UBND
1	Hà Giang	2	1	1	-	-	1	1
2	Tuyên Quang	6	1	3	2	1	1	4
3	Cao Bằng	8	1	5	2	-	1	7
4	Lạng Sơn	8	1	6	1	1	1	6
5	Lào Cai	6	1	3	4	-	1	5
6	Yên Bái	2	-	1	1	-	-	2
7	Thái Nguyên	20	-	3	17	1	-	19
8	Bắc Kạn	3	-	1	2	-	-	3
9	Phú Thọ	3	-	2	1	1	-	2
10	Bắc Giang	5	-	3	2	1	-	4
11	Hòa Bình	12	-	4	8	2	-	10
12	Sơn La	17	3	6	8	2	2	13
13	Lai Châu	8	1	5	2	1	1	6
14	Điện Biên	4	-	3	1	1	1	3
15	Hà Nội	16	1	7	8	-	1	15
16	Hải Phòng	12	-	5	7	1	-	11
17	Quảng Ninh	3	1	2	-	2	-	1
18	Hải Dương	4	2	-	2	-	2	2

19	Hung Yên	2	1	-	1	-	1	1
20	Vĩnh Phúc	4	1	-	3	-	1	3
21	Bắc Ninh	6	-	3	3	-	-	6
22	Hà Nam	7	1	3	3	1	1	5
23	Nam Định	2	1	-	1	-	1	1
24	Ninh Bình	2	1	-	1	-	2	-
25	Thái Bình	2	2	-	-	-	2	-
26	Thanh Hóa	2	-	2	-	1	-	1
27	Nghệ An	2	2	-	-	-	2	-
28	Hà Tĩnh	1	1	-	-	-	1	-
29	Quảng Bình	5	1	3	1	-	1	4
30	Quảng Trị	16	-	2	14	1	-	15
31	T. T - Huế	23	1	8	14	1	1	21
32	Đà Nẵng	11	1	4	6	1	1	9
33	Quảng Nam	5	1	1	3	-	1	4
34	Quảng Ngãi	12	1	5	6	1	1	10
35	Bình Định	11	3	2	6	1	3	7
36	Phú Yên	13	3	5	5	-	3	10
37	Khánh Hòa	4	1	2	1	1	1	2
38	Ninh Thuận	22	2	12	8	1	1	20
39	Bình Thuận	12	1	4	7	1	1	10
40	Đắk Lắk	2	-	-	2	-	-	2
41	Đắk Nông	12	2	2	8	-	1	11
42	Gia Lai	4	2	2	-	1	2	1
43	Kon Tum	20	-	5	15	1	-	19
44	Lâm Đồng	1	-	-	1	-	-	1
45	TP. Hồ Chí Minh	12	8	-	4	-	8	4
46	Đồng Nai	1	-	-	1	-	-	1
47	Bình Dương	4	2	-	2	-	2	2
48	Bình Phước	6	1	4	1	1	1	4

49	Tây Ninh	15	4	9	2	4	2	9
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	3	-	-	-	3	-
51	Long An	14	2	4	8	1	2	11
52	Tiền Giang	12	2	8	2	2	2	8
53	Bến Tre	4	1	3	-	1	1	2
54	Trà Vinh	6	1	2	3	1	1	4
55	Vĩnh Long	3	-	2	1	1	-	2
56	Cần Thơ	1	-	-	1	-	-	1
57	Hậu Giang	5	-	2	3	-	-	5
58	Sóc Trăng	2	1	-	1	-	1	1
59	An Giang	7	2	1	4	-	-	7
60	Đồng Tháp	4	-	3	1	-	-	4
61	Kiên Giang	19	2	10	7	-	2	17
62	Bạc Liêu	8	2	5	1	2	1	5
63	Cà Mau	9	-	7	1	1	-	8
	TỔNG	477	73	185	219	39	64	374

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 60/2021/NĐ-CP NĂM 2023 CỦA CÁC TRUNG TÂM THỰC HIỆN CHỨC NĂNG ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THUỘC SỞ KH&CN

TT	Tỉnh/Thành phố	Mức độ tự chủ (đơn vị %)	Nghị định số 60/2021/NĐ-CP
1	Hà Giang	10%	Điểm c, khoản 3, Điều 9
2	Tuyên Quang	16,72%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
3	Cao Bằng	10%-30%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
4	Lạng Sơn	10,8%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
5	Lào Cai	0%	Khoản 4, Điều 9
6	Yên Bái	25,7%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
7	Thái Nguyên	73%	Điểm a, Khoản 3, Điều 9
8	Bắc Kạn	14,5%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
9	Phú Thọ	28%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
10	Bắc Giang	35%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
11	Hòa Bình	100%	Khoản 2, Điều 9
12	Sơn La	11%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
13	Lai Châu	8,5%	Khoản 4, Điều 9
14	Điện Biên	0%	Khoản 4, Điều 9
15	Hà Nội	11%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
16	Hải Phòng	100,5%	Khoản 2, Điều 9
17	Quảng Ninh	100%	Khoản 2, Điều 9
18	Hải Dương	100%	Khoản 2, Điều 9
19	Hưng Yên	10% -30%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
20	Vĩnh Phúc	59%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
21	Bắc Ninh	10,1%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
22	Hà Nam	52,5%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
23	Nam Định	20%	Khoản 2, Điều 9

24	Ninh Bình	30,8%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
25	Thái Bình	0%	Khoản 4, Điều 9
26	Thanh Hóa	34%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
27	Nghệ An	100%	Khoản 2, Điều 9
28	Hà Tĩnh	100%	Khoản 2, Điều 9
29	Quảng Bình	10%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
30	Quảng Trị	<10%	Khoản 4, Điều 9
31	T. T - Huế	70%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
32	Đà Nẵng	62%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
33	Quảng Nam	62,1%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
34	Quảng Ngãi	70%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
35	Bình Định	30% - 70%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
36	Phú Yên	57%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
37	Khánh Hòa	25%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
38	Ninh Thuận	100%	Khoản 2, Điều 9
39	Bình Thuận	32,4%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
40	Đắk Lắk	0%	Khoản 4, Điều 9
41	Đắk Nông	20,77%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
42	Gia Lai	100%	Khoản 2, Điều 9
43	Kon Tum	55,4%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
44	Lâm Đồng	26%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
45	TP. Hồ Chí Minh	100%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
46	Đồng Nai	135%	Khoản 2, Điều 9
47	Bình Dương	115%	Khoản 2, Điều 9
48	Bình Phước	100%	Khoản 2, Điều 9
49	Tây Ninh	57%	Điểm b, Khoản 3 Điều 9.
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	70,5%	Điểm a, Khoản 3, Điều 9
51	Long An	105%	Điểm a, Khoản 3, Điều 9
52	Tiền Giang	100%	Khoản 2, Điều 9

53	Bến Tre	10,24%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
54	Trà Vinh	100%	Khoản 2, điều 9
55	Vĩnh Long	15,68%	Điểm c, Khoản 3, Điều 9
56	Cần Thơ	56,43%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9
57	Hậu Giang	<10%	Khoản 4, Điều 9
58	Sóc Trăng	100%	Khoản 2, điều 9
59	An Giang	113%	Khoản 2, điều 9
60	Đồng Tháp	162%	Khoản 2, điều 9
61	Kiên Giang	71,5 %	Điểm a, Khoản 3, Điều 9
62	Bạc Liêu	0%	Khoản 4 của Điều 9
63	Cà Mau	48,48%	Điểm b, Khoản 3, Điều 9

**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KH&CN VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN TẠI ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2023**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Kinh phí đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp KH&CN			Kinh phí ngoài ngân sách
		<i>TW thông báo</i>	<i>UBND phê duyệt</i>	<i>Thực hiện</i>	<i>TW thông báo</i>	<i>UBND phê duyệt</i>	<i>Thực hiện</i>	
I	Trung du miền núi phía bắc							
1	Hà Giang	-	-	-	19.510	20.414	20.414	-
2	Tuyên Quang	-	-	-	17.467	17.467	17.467	-
3	Cao Bằng	-	8.119	4.903	17.448	21.500	21.500	-
4	Lạng Sơn	-	8.500	280	15.512	18.330	18.330	-
5	Lào Cai	-	-	-	22.838	37.310	33.151	-
6	Yên Bái	-	-	-	21.064	26.064	26.064	-
7	Thái Nguyên	-	-	-	29.870	34.031	33.202	-
8	Bắc Kạn	-	5.000	-	13.034	14.462	14.462	-
9	Phú Thọ	-	434	434	26.671	41.441	41.441	-
10	Bắc Giang	-	16.000	16.000	30.909	34.838	34.838	-
11	Hòa Bình	-	95.00	9.500	19.654	18.235	18.235	-
12	Sơn La	-	5.116	5.116	23.068	23.068	23.068	-
13	Lai Châu	-	-	-	11.064	14.466	14.466	-
14	Điện Biên	-	5.400	5.400	14.428	21.695	21.695	-
II	Đồng bằng sông Hồng							
15	Hà Nội	-	101	-	584.999	657.983	387.269	-
16	Hải Phòng	124.926	137.670	137.670	124.926	137.670	137.670	-
17	Quảng Ninh	-	-	-	49.043	141.659	141.659	-

18	Hải Dương	-	-	-	40.872	35.244	35.244	-
19	Hưng Yên	-	-	-	27.308	34.469	34.469	-
20	Vĩnh Phúc	-	2.200	2.200	47.348	50.863	50.863	-
21	Bắc Ninh	-	-	-	62.430	62.430	32.217	-
22	Hà Nam	-	-	-	32.571	24.747	24.474	-
23	Nam Định	-	1730	1730	28.546	28.546	29.546	-
24	Ninh Bình	-	-	-	47.614	47.614	47.614	-
25	Thái Bình	30.000	30.000	30.000	34.054	35.074	35.074	-
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ							
26	Thanh Hóa	-	-	-	57.215	116.924	37.326	-
27	Nghệ An	-	9.000	9.000	44.347	49.000	49.000	-
28	Hà Tĩnh	-	-	-	37.473	37.373	37.373	-
29	Quảng Bình	-	32.700	32.700	25.175	30.608	30.608	-
30	Quảng Trị	-	8.326	8.326	19.883	21.883	21.707	-
31	T. T - Huế	-	400	400	37.049	49.793	67.752	-
32	Đà Nẵng	-	16.797	16.752	47.381	66.765	65.996	-
33	Quảng Nam	-	177	177	31.402	45.264	45.264	-
34	Quảng Ngãi	-	160	159	28.733	15.068	11.933	-
35	Bình Định	28.200	42.700	42.700	33.148	48.246	48.246	-
36	Phú Yên	-	-	-	20.318	19.318	12.653	-
37	Khánh Hòa	-	40.000	40.000	28.110	28.594	27.768	-
38	Ninh Thuận	-	-	-	21.678	26.678	22.201	-
39	Bình Thuận	-	1.700	1.500	20.339	20.339	17.266	-
V	Tây Nguyên							
40	Đắk Lắk	-	34.631	32.119	26.360	34.631	32.119	-
41	Đắk Nông	-	3.000	3.000	13.045	14.951	14.951	-
42	Gia Lai	-	105.000	64.969	26.469	20.691	27.868	-
43	Kon Tum	-	23.444	4.933	16.929	17.629	8.576	-

44	Lâm Đồng	-	7.660	7.660	31.419	31.419	25.419	-
VI	Đông Nam Bộ							
45	TP. Hồ Chí Minh	-	582.927	582.927	613.948	960.502	645.630	-
46	Đồng Nai	-	500	500	119.481	119.481	34.962	-
47	Bình Dương	-	58.639	54.967	85.134	52.239	52.239	-
48	Bình Phước	-	-	-	25.182	25.182	25.182	-
49	Tây Ninh	-	-	-	28.607	43.270	29.090	-
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	-	120.898	227.149	177.895	-
VII	Đồng bằng sông Cửu Long							
51	Long An	-	-	-	32.715	39.651	20.583	-
52	Tiền Giang	-	21.000	20.449	37.309	37.309	35.458	-
53	Bến Tre	-	-	-	23.196	38.536	45.673	-
54	Trà Vinh	-	-	-	25.537	34.609	34.099	-
55	Vĩnh Long	-	-	-	29.932	24.566	24.566	-
56	Cần Thơ	-	11.800	9.318	35.592	38.562	38.562	-
57	Hậu Giang	-	8.510	8.336	17.892	16.058	16.058	-
58	Sóc Trăng	-	15.776	15.776	19.640	17.112	15.904	-
59	An Giang	-	27.000	27.000	35.067	40.203	40.178	-
60	Đồng Tháp	-	4.000	3.443	27.918	16.952	16.952	-
61	Kiên Giang	-	-	-	36.829	28.284	17.381	-
62	Bạc Liêu	-	-	-	18.948	13.392	13.392	-
63	Cà Mau	-	-	-	28.454	31.068	28.779	-
	TỔNG	183.126	1.283.917	1.198.844	3.291.000	4.098.919	3.211.041	-

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

TT	Tỉnh/Thành phố	Nhiệm vụ chuyên tiếp							Nhiệm vụ mở mới						
		Khoa học tự nhiên	Khoa học Kỹ thuật và công nghệ	Khoa học nông nghiệp	Khoa học giáo dục-đào tạo, y dược	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Tổng số	Khoa học tự nhiên	Khoa học Kỹ thuật và công nghệ	Khoa học nông nghiệp	Khoa học giáo dục-đào tạo, y dược	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Tổng số
I	Trung du miền núi phía bắc														
1	Hà Giang	-	12	13	1	5	-	31	-	10	1	1	-	-	12
2	Tuyên Quang	-	12	23	6	7	1	49	-	2	5	5	3	-	15
3	Cao Bằng	-	-	1	9	-	1	11	-	4	5	2	3	1	15
4	Lạng Sơn	-	2	28	4	12	-	46	-	3	6	3	8	-	20
5	Lào Cai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Yên Bái	-	4	28	-	3	-	35	-	2	6	-	1	-	9
7	Thái Nguyên	6	9	20	10	10	2	57	2	6	18	4	6	-	36
8	Bắc Kạn	-	2	26	1	2	-	31	-	-	5	2	2	-	9
9	Phú Thọ	-	13	28	4	1	3	49	-	3	16	3	1	2	25
10	Bắc Giang	2	5	35	6	4	2	54	3	2	15	4	7	6	37
11	Hòa Bình	-	5	9	1	18	-	33	-	-	-	-	-	-	-
12	Sơn La	-	4	23	2	11	1	41	-	-	-	-	-	-	-
13	Lai Châu	-	-	16	2	7	-	25	-	-	-	-	-	-	-
14	Điện Biên	-	-	5	1	3	-	9	-	-	2	-	1	-	3
II	Đồng bằng sông Hồng														

15	Hà Nội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Hải Phòng	3	6	14	10	-	2	35	6	7	10	6	-	10	39
17	Quảng Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Hải Dương	-	-	-	-	-	-	-	2	2	2	-	5	-	11
19	Hưng Yên	1	5	17	4	12	-	39	-	-	-	-	-	-	-
20	Vĩnh Phúc	-	1	15	9	25	-	50	-	6	11	7	19	-	43
21	Bắc Ninh	-	1	4	2	6	-	13	-	3	3	1	11	-	18
22	Hà Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Nam Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Ninh Bình	5	8	20	5	11	-	49	2	5	9	2	5	-	23
25	Thái Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ														
26	Thanh Hóa	2	1	33	8	20	13	77	-	-	9	3	13	4	29
27	Nghệ An	-	1	3	6	3	2	15	-	-	-	-	-	-	-
28	Hà Tĩnh	-	5	10	1	4	2	22	-	-	-	-	-	-	-
29	Quảng Bình	1	8	22	4	11	3	49	2	6	19	1	10	2	40
30	Quảng Trị	-	24	11	-	15	-	50	-	-	-	-	-	-	-
31	T. T - Huế	3	8	17	19	15	-	62	1	-	1	2	6	-	10
32	Đà Nẵng	7	23	7	6	13	-	56	2	5	-	-	4	1	12
33	Quảng Nam	12	10	22	5	9	6	64	-	-	11	1	2	1	15
34	Quảng Ngãi	-	1	-	1	2	-	4	-	-	-	-	-	-	-
35	Bình Định	-	12	16	13	10	-	51	-	-	-	-	-	-	-
36	Phú Yên	-	2	6	-	2	-	10	-	-	-	-	-	-	-
37	Khánh Hòa	2	7	18	6	3	-	36	-	-	4	-	3	1	8
38	Ninh Thuận	3	3	21	-	2	3	32	-	-	-	-	-	-	-
39	Bình Thuận	1	-	10	1	2	1	15	1	3	2	0	1	1	8
V	Tây Nguyên														
40	Đắk Lắk	-	10	11	-	4	-	25	-	-	-	-	-	-	-

41	Đắk Nông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
42	Gia Lai	-	5	9	1	4	-	19	-	-	8	-	-	-	8
43	Kon Tum	1	-	11	4	2	1	19	-	-	3	4	-	-	7
44	Lâm Đồng	10	5	20	-	2	-	37	2	1	4	-	2	-	9
VI	Đông Nam Bộ														
45	TP. Hồ Chí Minh	-	53	25	49	17	1	145	-	18	20	26	5	0	69
46	Đồng Nai	-	11	27	4	12	-	54	-	-	-	-	-	-	-
47	Bình Dương	-	-	-	1	9	2	12	-	-	-	-	-	-	-
48	Bình Phước	-	6	6	-	6	-	18	-	-	-	-	-	-	-
49	Tây Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	3	1	-	-	-	4
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	7	7	2	3	2	22	-	-	-	-	-	-	-
VII	Đồng bằng sông Cửu Long														
51	Long An	-	4	14	-	7	2	27	1	9	7	5	4	-	26
52	Tiền Giang	-	18	35	1	14	-	68	-	4	8	1	1	-	14
53	Bến Tre	5	13	28	2	7	4	59	3	11	3	-	1	-	18
54	Trà Vinh	1	5	17	1	-	1	25	-	-	4	-	-	2	6
55	Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-	-	-	8	-	-	4	0	12
56	Cần Thơ	2	5	7	11	4	1	30	3	2	3	4	2	14	28
57	Hậu Giang	-	1	15	-	7	-	23	-	-	2	-	3	-	5
58	Sóc Trăng	-	7	8	-	-	3	18	-	6	4	2	2	1	15
59	An Giang	-	13	19	4	12	-	48	-	3	10	3	7	-	23
60	Đồng Tháp	2	15	9	4	8	-	38	-	1	6	-	2	-	9
61	Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Bạc Liêu	-	3	8	-	2	-	13	-	1	4	1	3	1	10
63	Cà Mau	-	-	-	-	-	-	-	2	10	37	7	2	-	58
Tổng công (A+B)		70	375	797	231	368	59	1900	32	146	284	100	149	47	758

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG NĂM 2023

TT	Tỉnh/Thành phố	Số lượng phương tiện đo đã kiểm định			Sự đáp ứng theo Quyết định chỉ định kiểm định phương tiện đo (tích “x”)		Phương tiện đo			Phép đo			Lượng của hàng đóng gói sẵn			Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	
		Tổng	Đạt	Không đạt	Về số lượng phương tiện đo được kiểm định	Về thời gian thực hiện	Số cơ sở được kiểm tra	Kết quả số phương tiện đo được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở được kiểm tra	Kết quả số phép đo được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở được kiểm tra	Số hàng đóng gói sẵn được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được kiểm tra	Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm vi phạm
I	Trung du miền núi phía bắc																
1	Hà Giang	2.747	2.190	557	x	x	117	55.987	-	-	-	-	52	200	-	3	-
2	Tuyên Quang	1.039	947	92	x	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Cao Bằng	1.505	1.492	13	x	x	1.345	1.407	964	37	37	3	20	20	-	-	-
4	Lạng Sơn	3.006	2.806	200	x	x	50	244	-	32	136	0	14	34	-	-	-
5	Lào Cai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Yên Bái	1.565	1.467	98	x	x	56	88	8	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Thái Nguyên	-	-	-	-	-	13	176	-	-	-	-	1	10	-	-	-
8	Bắc Kạn	1.152	1.123	29	x	x	15	1.939	-	-	-	-	-	-	-	1	-
9	Phú Thọ	14.366	13.335	1.031	x	x	17	118	-	9	267	-	-	-	-	-	-
10	Bắc Giang	4.053	3.836	217	x	-	12	66	-	11	36	-	24	-	-	-	-
11	Hòa Bình	839	805	34	x	x	10	143	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Sơn La	4.600	4.600	-	x	x	57	178	-	-	-	-	49	2.275	-	-	-
13	Lai Châu	-	-	-	-	-	51	3.876	-	-	-	-	35	10	-	-	-
14	Điện Biên	1362	1312	50	x	x	40	281	-	-	-	-	-	95	-	-	-
II	Đồng bằng sông Hồng																
15	Hà Nội	3.300	3.300	-	x	x	160	5.678	16	99	7.442	12	65	293	6	11	1
16	Hải Phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Quảng Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Hải Dương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Hưng Yên	14.734	14.045	689	x	x	213	1.226	-	53	63	-	17	22	-	-	-

20	Vĩnh Phúc	-	-	-	-	-	26	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-
21	Bắc Ninh	2.740	2.485	255	x	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Hà Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Nam Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Ninh Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Thái Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ																
26	Thanh Hóa	7.670	7.670	-	x	x	235	1.162	-	210	450	1	-	-	-	4	-
27	Nghệ An	12.569	12.150	419	x	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Hà Tĩnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Quảng Bình	10.349	9.869	480	x	x	23	23	-	-	-	-	-	-	-	2	-
30	Quảng Trị	4.806	4.286	520	x	x	666	805	390	-	-	-	22	135	5	-	-
31	T. T - Huế	12.787	11.762	1.025	x	x	46	237	-	4	80	-	24	580	-	-	-
32	Đà Nẵng	-	-	-	-	-	1	20	-	37	64	-	8	16	-	-	-
33	Quảng Nam	11331	11165	166	x	x	17	86	-	17	34	-	-	-	-	-	-
34	Quảng Ngãi	7290	7270	20	x	x	11	181	2	-	-	-	3	30	-	-	-
35	Bình Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Phú Yên	-	-	-	-	-	147	197.441	-	85	372	-	7	82	-	-	-
37	Khánh Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Ninh Thuận	2.125	2.105	20	x	x	55	141	-	35	81	-	20	20	-	2	-
39	Bình Thuận	6.255	5.846	409	x	x	49	196	-	10	32	-	9	353	-	-	-
IV	Tây Nguyên																
40	Đắk Lắk	1.713	1.713	-	x	x	120	290	-	120	290	-	-	-	-	-	-
41	Đắk Nông	-	-	-	-	-	151	1.858	8	124	273	-	-	-	-	-	-
42	Gia Lai	-	-	-	-	-	107	340	-	107	951	-	4	6	-	-	-
43	Kon Tum	-	-	-	-	-	46	7.336	2	30	64	-	8	3	-	1	-
44	Lâm Đồng	12.190	11.890	300	x	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V	Đông Nam Bộ																
45	Tp. Hồ Chí Minh	49.622	49.450	172	x	x	18	220	-	-	-	-	-	-	-	29	2
46	Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Bình Dương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Bình Phước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Tây Ninh	-	-	-	-	-	14	196	-	81	150	-	3	3	-	3	-
50	Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	Đồng bằng sông Cửu Long																
51	Long An	11.482	10.615	867	x	x	86	300	3	85	299	3	9	11	1	5	-

52	Tiền Giang	10.032	9.557	475	x	x	65	257	-	65	242	1	4	4	-	-	-
53	Bến Tre	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-
54	Trà Vinh	3.493	3.446	47	x	x	37	71	-	34	71	-	23	195	-	-	-
55	Vĩnh Long	-	-	-	-	-	65	526	1	32	119	-	20	20	-	-	1
56	Cần Thơ	7.122	7.059	63	x	x	125	361	-	125	887	-	17	48	-	-	-
57	Hậu Giang	713	713	-	x	x	177	410	12	92	251	-	2	2	-	-	-
58	Sóc Trăng	10.082	10.082	-	x	x	-	-	-	10	29	-	3	3	-	-	-
59	An Giang	1.318	1.247	71	x	x	13	28	-	-	-	-	8	89	-	-	-
60	Đồng Tháp	337	12	325	x	x	76	630	-	76	630	-	21	39	-	1	-
61	Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Bạc Liêu	1.000	972	28	x	x	69	42.925	1	19	19	-	-	-	-	-	-
63	Cà Mau	39.045	21.455	17.590	x	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng	280.339	254.077	26.262			4.601	327.447	1.407	1.665	13.369	20	492	4.598	12	67	4

KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

5.1. 2. Công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN)

TT	Tỉnh/Thành phố	Nhân hiệu				Chỉ dẫn địa lý				Kiểu dáng công nghiệp				Sáng chế/giải pháp hữu ích				Các đối tượng khác			
		Xác lập quyền SHCN (Số lượt hướng dẫn)	Số lượt hướng dẫn	Bảo vệ quyền SHCN Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết	Xác lập quyền SHCN (Số lượt hướng dẫn)	Số lượt hướng dẫn	Bảo vệ quyền SHCN Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết	Xác lập quyền SHCN (Số lượt hướng dẫn)	Số lượt hướng dẫn	Bảo vệ quyền SHCN Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết	Xác lập quyền SHCN Số lượt hướng dẫn)	Số lượt hướng dẫn	Bảo vệ quyền SHCN Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết	Xác lập quyền SHCN Số lượt hướng dẫn)	Số lượt hướng dẫn	Bảo vệ quyền SHCN Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết
I	Trung du miền núi phía bắc																				
1	Hà Giang	14	25	-	-	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tuyên Quang	39	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Cao Bằng	9	9	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Lạng Sơn	60	-	-	-	3	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-
5	Lào Cai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Yên Bái	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Thái Nguyên	127	155	127	127	-	-	-	-	-	-	-	-	4	4	4	4	-	-	-	-
8	Bắc Kạn	10	0	0	0	2	-	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Phú Thọ	129	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Bắc Giang	45	45	30	30	2	2	2	2	5	5	3	3	2	2	2	2	-	-	-	-
11	Hòa Bình	40	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Sơn La	17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Lai Châu	14	14	14	7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Điện Biên	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Đồng bằng sông Hồng																				
15	Hà Nội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

16	Hải Phòng	15	24	24	15	-	-	-	-	1	2	2	2	2	4	4	4	-	-	-	-
17	Quảng Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Hải Dương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Hưng Yên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Vĩnh Phúc	115	9	-	-	2	-	-	-	5	1	-	-	1	1	1	1	5	5	5	5
21	Bắc Ninh	72	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-
22	Hà Nam	12	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Nam Định	15	-	-	-	-	-	-	-	0	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-
24	Ninh Bình	88	-	-	-	-	-	-	-	11	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-
25	Thái Bình	19	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ																				
26	Thanh Hóa	156	3	-	-	2	-	-	-	20	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-
27	Nghệ An	45	45	45	-	2	2	2	2	9	9	-	-	2	2	2	-	-	-	-	-
28	Hà Tĩnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Quảng Bình	85	85	-	-	-	-	-	-	5	5	-	-	2	2	-	-	3	3	-	-
30	Quảng Trị	50	8	8	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	T. T - Huế	50	1	-	-	2	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-
32	Đà Nẵng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Quảng Nam	20	-	-	2	1	-	-	-	1	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-
34	Quảng Ngãi	50	2	1	1	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-
35	Bình Định	80	80	-	-	1	1	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Phú Yên	120	-	-	-	1				1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-
37	Khánh Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Ninh Thuận	21	21	9	9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	Bình Thuận	20	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	2	-	-
V	Tây Nguyên																				
40	Đắk Lắk	25	1	25	25	1	2	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
41	Đắk Nông	6	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-
42	Gia Lai	400	5	-	-	5	-	-	-	10	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-
43	Kon Tum	10	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Lâm Đồng	35	35	20	15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	Đông Nam bộ																				

45	TP. Hồ Chí Minh	39	14	14	-	-	4	4	-	6	1	-	-	12	-	-	-	25	-	-	-
46	Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Bình Dương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Bình Phước	12	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Tây Ninh	21	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VII	Đồng bằng sông Cửu Long																				
51	Long An	100	100	-	96	-	-	-	-	3	3	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-
52	Tiền Giang	35	1	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	Bến Tre	27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
54	Trà Vinh	30	30	15	15	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	1	1	-	-	-	-
55	Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
56	Cần Thơ	110	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	3	-	-	-	5	-	-	-
57	Hậu Giang	12	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
58	Sóc Trăng	44	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
59	An Giang	29	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-
60	Đồng Tháp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
61	Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Bạc Liêu	50	45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-
63	Cà Mau	61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	2.598	793	361	352	38	11	9	5	107	28	5	5	74	20	14	12	39	10	5	5

5.2. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

TT	Tỉnh/Thành phố	Dự án, nhiệm vụ về hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ được phê duyệt (Dự án)	Sáng chế/Giải pháp hữu ích được hỗ trợ bảo hộ, khai thác (giải pháp)	Sản phẩm đặc thù địa phương được hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền SHTT (sản phẩm)	Tổ chức tập thể được thành lập để quản lý tài sản trí tuệ cộng đồng (hội, hiệp hội)	Lượt người được tập huấn, đào tạo về SHTT (lượt người)	Doanh nghiệp được hỗ trợ về SHTT (lượt doanh nghiệp)	Lượt phát sóng truyền hình tuyên truyền về SHTT (lượt phát sóng)	Tổng kinh phí chi cho hoạt động SHTT được phê duyệt (triệu đồng)
I	Trung du miền núi phía bắc								
1	Hà Giang	7	-	3	2	-	3	3	2.795
2	Tuyên Quang	-	-	7	-	2	30	-	424
3	Cao Bằng	4	-	1	1	80	1	4	725
4	Lạng Sơn	4	-	3	-	250	60	-	4.800
5	Lào Cai	0	-	-	-	-	-	-	0
6	Yên Bái	10	-	12	-	130	-	2	1.530
7	Thái Nguyên	0	-	2	-	2.370	-	2	3.400
8	Bắc Kạn	2	-	2	-	30	4	31	126
9	Phú Thọ	6	-	5	-	360	-	4	4.029
10	Bắc Giang	7	1	6	150	1.200	10	12	5.538,3
11	Hòa Bình	0	-	-	-	100	60	1	512,5
12	Sơn La	5	-	-	-	-	-	-	105
13	Lai Châu	12	-	-	-	32	14	-	442
14	Điện Biên	6	-	-	-	210	3	5	5.873,1
II	Đồng bằng sông Hồng								
15	Hà Nội	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Hải Phòng	7	-	7	-	90	50	-	-
17	Quảng Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Hải Dương	-	-	-	-	-	-	-	-

19	Hưng Yên	1	-	2	-	-	-	4	1080
20	Vĩnh Phúc	-	-	-	-	250	-	-	400
21	Bắc Ninh	6	-	-	1	771	72	36	72
22	Hà Nam	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Nam Định	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Ninh Bình	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Thái Bình	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ								
26	Thanh Hóa	3	-	3	2	470	5	1	500
27	Nghệ An	1	-	2	-	500	-	-	300
28	Hà Tĩnh	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Quảng Bình	3	-	5	-	-	-	-	150
30	Quảng Trị	1	-	-	-	250	-	7	-
31	T. T - Huế	1	-	5	1	500	11	1	250
32	Đà Nẵng	5	7	5	-	400	10	4	450
33	Quảng Nam	5	-	5	-	100	3	2	-
34	Quảng Ngãi	-	-	5	-	160	50	-	270
35	Bình Định	1	-	4	-	133	10	1	478
36	Phú Yên	3	-	-	-	100	-	1	550
37	Khánh Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Ninh Thuận	3	-	3	-	250	19	-	1.792
39	Bình Thuận	1	-	2	-	750	120	3	151
V	Tây Nguyên								
40	Đắk Lắk	-	-	4	-	200	-	-	68
41	Đắk Nông	-	-	-	-	41	-	-	650
42	Gia Lai	5	-	4	-	900	200	20	1.957
43	Kon Tum	1	-	-	-	-	-	1	718
44	Lâm Đồng	2	-	-	-	70	10	6	2.500
VI	Đông Nam Bộ								
45	TP. Hồ Chí Minh	-	-	-	-	-	-	-	-

46	Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Bình Dương	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Bình Phước	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Tây Ninh	-	-	1	-	-	-	12	60
50	Bà Rịa - Vũng Tàu								
VII	Đồng bằng sông Cửu Long								
51	Long An	5	2	5	-	100	2	2	4.189
52	Tiền Giang	-	-	-	-	100	-	-	-
53	Bến Tre	1	-	-	-	220	27	-	-
54	Trà Vinh	13	-	-	-	200	16	1	-
55	Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-	-	-
56	Cần Thơ	9	6	-	-	750	30	7	-
57	Hậu Giang	-	-	-	-	363	-	2	-
58	Sóc Trăng	-	-	-	-	-	-	-	-
59	An Giang	-	-	-	-	70	-	-	-
60	Đồng Tháp	2	8	28	2	380	19	-	53
61	Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Bạc Liêu	-	-	-	-	-	-	-	-
63	Cà Mau	2	-	3	-	170	4	1	-
	Tổng cộng	144	24	134	159	13.052	843	176	46.939,2

TỔNG HỢP TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

I. Cơ chế chính sách chung:

Kiến nghị 1: Nghiên cứu ban hành quy định cụ thể cho việc thực hiện dịch vụ thẩm định công nghệ, định giá công nghệ; thể chế hoá công tác thẩm định, định giá làm cơ sở để thực hiện thẩm định cho các nhiệm vụ đặc biệt là phục vụ các giao dịch trong thị trường KH&CN.

Trả lời:

- Pháp luật về chuyên giao công nghệ (CGCN) đã quy định hành lang pháp lý trong việc tổ chức thực hiện thẩm định công nghệ dự án đầu tư, thẩm định giá công nghệ (thay cho cụm từ "định giá công nghệ" trước đây tại Luật CGCN năm 2006), quy định thẩm định để công bố công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm thúc đẩy phát triển bên cung trong thị trường KH&CN.

- Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 21/2023/TT-BKHCN ngày 21/11/2023 về việc ban hành định mức KT-KT các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ CGCN.

- Hiện nay, Bộ KH&CN đang tổ chức nghiên cứu xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2018/NĐ-CP và xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho việc thực hiện dịch vụ thẩm định công nghệ, định giá công nghệ; thể chế hoá công tác thẩm định, định giá. Đề nghị Sở KH&CN các địa phương hết sức quan tâm, phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN (đầu mối là Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ) trong việc cho ý kiến về những tồn tại, vướng mắc, đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung đối với Nghị định số 76/2018/NĐ-CP (Bộ KH&CN sẽ có Công văn gửi các địa phương đề nghị cung cấp thông tin, số liệu kết quả thực hiện và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Kiến nghị 2: Cần ban hành chính sách khuyến khích việc đăng ký CGCN trong nước để khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp đăng ký về Bộ KH&CN hoặc Sở KH&CN.

Trả lời:

Luật CGCN quy định CGCN trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc diện phải đăng ký CGCN tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với trường hợp CGCN trong nước không thuộc trường hợp nêu trên, Luật CGCN quy định tổ chức, cá nhân tự nguyện đăng ký. Bộ KH&CN đề nghị Sở KH&CN các địa phương nghiên cứu, đề xuất cụ thể những nội dung chính sách khuyến khích việc đăng ký CGCN trong nước trong

quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2018/NĐ-CP như đã đề cập tại Mục 1 nêu trên.

Kiến nghị 3: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định tại luật, nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn chi tiết việc triển khai thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư. Ban hành định mức thu, chi đối với nguồn kinh phí phục vụ hoạt động thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.

Trả lời:

Bộ KH&CN nhất trí với kiến nghị nêu trên. Đề nghị Sở KH&CN các địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN (đầu mối là Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ) nghiên cứu và cho ý kiến về những tồn tại, vướng mắc, đề xuất nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung; điều khoản cụ thể cần sửa đổi, bổ sung liên quan đến thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư, định mức thu, chi đối với nguồn kinh phí phục vụ hoạt động thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

Kiến nghị 4: Hỗ trợ thành phố Đà Nẵng được áp dụng cơ chế, chính sách tại Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020. Đồng thời, trong thời gian tới, nghiên cứu xây dựng quy định pháp luật về cơ chế hỗ trợ hoạt động KNĐMST (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo) tương tự như Nghị định số 94/2020/NĐ-CP nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy hoạt động KNĐMST.

Trả lời:

Bộ KH&CN ủng hộ việc hình thành và phát triển các trung tâm hỗ trợ KNST tại các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở nghiên cứu đào tạo để từng bước hình thành mạng lưới các tổ chức hỗ trợ KNST ở phạm vi địa phương, vùng, quốc gia là thực sự quan trọng và cần thiết. Bộ KH&CN đã chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương trong việc ban hành, nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế chính sách, đặc thù vượt trội để hỗ trợ hoạt động KNST (khởi nghiệp sáng tạo) trong các lĩnh vực, địa bàn cụ thể để khai thác hiệu quả các nguồn lực tiềm năng sẵn có.

Bộ KH&CN đã nêu sự cần thiết và phù hợp trong ý kiến đóng góp xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, những nội dung này cần được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện và quy định tập trung thống nhất tại Nghị định của Chính phủ quy định một số nội dung về đổi mới sáng tạo và KNST mà Bộ KH&CN đã trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Bộ KH&CN mong muốn nhận được sự phối hợp của địa phương trong quá trình xây dựng Nghị định nói trên nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng bộ và bền vững hệ sinh thái KNST quốc gia, đồng thời tạo điều kiện hình thành, phát triển hệ thống các trung tâm ĐMST, trung tâm hỗ trợ KNST của cả nước.

Kiến nghị 5: Đề nghị Bộ KH&CN rà soát lại quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và có đề xuất điều chỉnh để đảm bảo tính khả thi

hơn, tạo điều kiện đẩy mạnh việc ứng dụng, thương mại hóa kết quả đề tài.

Trả lời:

- Việc xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN có rất nhiều khó khăn, vướng mắc (tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN và tài sản hình thành là kết quả của nhiệm vụ KH&CN) như: khó khăn trong xác định phạm vi tài sản trang bị cần xử lý, cơ chế tính hao mòn/khấu hao của tài sản trang bị, quy trình và thủ tục giao tài sản trang bị không bồi hoàn, trình tự và thủ tục thành lập Hội đồng thẩm định bán tài sản trang bị, xác định các hình thức tài sản cố định đối với tài sản là kết quả của nhiệm vụ, định giá tài sản, thương mại hóa tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN, hạn chế về đối tượng được nhận giao tài sản... Đặc biệt, trong bối cảnh việc “định giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ” và việc thương mại hóa kết quả này hiện nay còn nhiều vướng mắc và nội dung không rõ ràng có thể dẫn đến những tiềm ẩn “rủi ro” khi thương mại hóa và sẽ dẫn đến “nghịch cảnh” là sản phẩm thương mại hóa thành công thì có thể có quy kết trách nhiệm trong công tác định giá. Đây sẽ là rào cản lớn để đưa các sản phẩm là kết quả của nhiệm vụ KH&CN vào thị trường và giảm khả năng phát huy tác dụng của các công trình nghiên cứu KH&CN.

- Về bản chất, hiện nay các vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định về mua sắm, đấu thầu, thanh quyết toán, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN có nguyên nhân xuất phát từ quan điểm: NSNN tài trợ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cần được sử dụng, quản lý theo các quy định về chi tiêu NSNN thông thường vốn có nhiều quy định khắt khe, chặt chẽ không phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong trường hợp các tổ chức chủ trì nhiệm vụ không phải là tổ chức sự nghiệp công lập thì việc nắm bắt, thực hiện theo các quy định này càng đặc biệt khó khăn.

- Điều 41 của Luật KH&CN 2013 quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Việc thực hiện quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước được quy định như sau:

a) Trường hợp được giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện quyền này theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ;

b) Trường hợp được giao quyền sử dụng thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện quyền này theo quy định của pháp luật.

- Điều 36 Luật Chuyển giao công nghệ (CGCN) 2017 quy định về thương mại hóa kết quả nghiên cứu như sau:

1. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc tài sản công được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

2. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Nhà nước hỗ

trợ kinh phí thì việc giao quyền sở hữu được thực hiện như sau:

a) Trường hợp Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính, đồng thời là tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thì Nhà nước giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức đó;

b) Trường hợp Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên cơ sở hợp tác giữa tổ chức đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì Nhà nước giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận giữa các bên.

Các quy định liên quan trong pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công (Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, Thông tư số 45/2018/TT-BTC) hiện đang quy định trình tự, thủ tục xử lý đối với tài sản hình thành thông qua nhiệm vụ KH&CN đạt tiêu chuẩn là tài sản cố định. Tài sản này về nguyên lý có thể là đối tượng được mua sắm đầu vào phục vụ thực hiện nhiệm vụ, vừa có thể là sản phẩm (kết quả) của nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật về KH&CN.

Việc tồn tại hai đối tượng là *tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN* theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và *kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ* theo pháp luật về KH&CN, CGCN và việc tồn tại hai hình thức *giao quyền đối với tài sản* và *giao quyền đối với kết quả* tương ứng theo hai hệ thống quy định pháp luật trên tạo nên vướng mắc trong việc xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN và giao quyền đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Bên cạnh đó, việc thiếu hướng dẫn thống nhất, đồng bộ về “*kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*” và “*tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ*” và việc xác định kết quả nào là tài sản để xử lý theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và kết quả nào là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để giao quyền theo pháp luật về KH&CN, CGCN cũng gây ra khó khăn trong việc áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan. Do đó cần rà soát sửa đổi Luật KH&CN 2013 và Nghị định 70/2018/NĐ-CP để làm rõ vấn đề chồng chéo này.

Trên cơ sở thực trạng và những khó khăn vướng mắc, Bộ KH&CN đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại Bộ đang chủ trì sửa đổi Luật KH&CN 2013 và tích cực phối hợp với Bộ Tài chính (cơ quan chủ trì soạn thảo) để xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. Bộ KH&CN ghi nhận ý kiến đề xuất, đề nghị các địa phương tiếp tục quan tâm phối hợp và có ý kiến đóng góp kịp thời về dự thảo chính sách tới Bộ Tài chính, Bộ KH&CN trong thời gian tới.

Kiến nghị 6: Xem xét sớm sửa đổi và ban hành quy định, hướng dẫn cụ

thể việc xử lý tài sản được hình thành từ nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP. Đề nghị xem xét theo hướng mở rộng đối tượng được giao quyền sử dụng, sở hữu tài sản khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN (*Cụ thể giao cho đơn vị phối hợp cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ*) đồng thời bổ sung cơ chế chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KH&CN đối với các tỉnh miền núi, vùng còn khó khăn về kinh tế nói chung và tỉnh Sơn La nói riêng.

Trả lời:

Bộ KH&CN đang tích cực phối hợp với Bộ Tài chính - cơ quan chủ trì soạn thảo đề xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước (Dự thảo Nghị định thay thế). Bộ KH&CN đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Sở KH&CN tỉnh Sơn La tiếp tục quan tâm và kịp thời có ý kiến tham gia Dự thảo Nghị định thay thế trong thời gian tới để tháo gỡ các vướng mắc, bất cập về chính sách về sản phẩm hình thành từ việc triển khai nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

Kiến nghị 7: Có quy định về đầu tư mạo hiểm và quy định về cơ chế hỗ trợ đặc thù khi thực hiện đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST).

Trả lời:

Hiện nay, Bộ KH&CN đang tích cực phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) theo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; dự kiến sẽ trình Chính phủ vào tháng 5/2024. Trong quá trình xây dựng, nhóm soạn thảo sẽ nghiên cứu các quy định về đầu tư mạo hiểm và quy định về cơ chế hỗ trợ đặc thù khi thực hiện đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để xây dựng quy định cho phù hợp.

Kiến nghị 8: Ban hành tiêu chí đánh giá hiệu quả và sự phát huy hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN sau nghiệm thu để có sự thống nhất trong thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tối đa dữ liệu KH&CN của mạng lưới quốc gia phục vụ công tác tư vấn, phổ biến, tuyên truyền kiến thức KH&CN.

Trả lời:

Sau khi nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu, khoản 1 Điều 40 Luật KH&CN năm 2013 quy định bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm "*định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ KH&CN*". Tuy nhiên, hiện nay hiệu quả của hoạt động này vẫn còn hạn chế.

Hiện nay, Bộ KH&CN đang tích cực phối hợp với các bộ, ngành liên

quan xây dựng Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) theo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; dự kiến Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi) sẽ được trình Chính phủ vào tháng 5/2024. Trong quá trình xây dựng, nhóm soạn thảo sẽ nghiên cứu các quy định về phổ biến, tuyên truyền kiến thức KH&CN để quy định phù hợp.

II. Tài chính, quỹ phát triển KH&CN và tăng cường tiềm lực

Kiến nghị 9: Quan tâm, tăng kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tăng nguồn kinh phí đầu tư phát triển KH&CN cho các địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn.

Trả lời:

Quá trình làm việc với các tỉnh/thành phố cũng như các chương trình phối hợp với địa phương, Lãnh đạo Bộ KH&CN thường xuyên nhấn mạnh và kiến nghị với Tỉnh ủy, UBND các tỉnh dành đến 2% ngân sách của tỉnh/thành phố cho KH&CN hằng năm. Hiện tại, tùy theo tình hình và điều kiện của từng tỉnh/thành phố mà nguồn kinh phí KH&CN địa phương được phân bổ hằng năm còn hạn chế, tuy nhiên qua theo dõi, Bộ KH&CN nhận thấy đến 2023 nhiều tỉnh, thành phố đã có nhiều quan tâm hơn đối với KH&CN, đặc biệt là tăng nguồn kinh phí hoạt động KH&CN cho các sở, đề nghị các địa phương tăng cường học hỏi lẫn nhau về phương thức thực hiện để phối hợp cùng với Bộ có những kế hoạch, hành động hiệu quả hơn nữa để được tỉnh/ thành phố quan tâm hơn.

Kiến nghị 10: Sớm ban hành định mức KT-KT để các địa phương có cơ sở ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực KH&CN tại địa phương (Thái Nguyên).

Trả lời:

Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 21/2023/TT-BKH&CN ngày 21/11/2023 về việc ban hành định mức KT-KT các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ CGCN. Đây là căn cứ quan trọng để các Trung tâm có chức năng ứng dụng, CGCN và đổi mới sáng tạo tại địa phương đề xuất các nhiệm vụ để thực hiện dịch vụ sự nghiệp công tại địa phương. Năm 2024, Bộ KH&CN giao các đơn vị chức năng sẽ tiếp tục hỗ trợ các địa phương trong việc triển khai các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại địa phương về: (1) dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; (2) dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; (3) dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; (4) dịch vụ hỗ trợ CGCN.

Kiến nghị 11: Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính cho hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của địa phương phù hợp với quy định Luật KH&CN và Luật Ngân sách.

Trả lời:

Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Quỹ) được thành lập theo quy định pháp luật về KH&CN. Cụ thể là các quy định tại Điều 61 Luật KH&CN; Điều 7 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN; Quyết định số 37/2015/QĐ-TTg ngày 08/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện thành lập Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hiện nay, theo quy định tại khoản 19 Điều 4 của Luật NSNN “19. *Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật*” và tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN “11. *Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước*”, do vậy, thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ KH&CN đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, trong đó có các nội dung liên quan đến Điều 7 về Quỹ.

Kiến nghị 12: Đối với Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: đề nghị Bộ KH&CN quan tâm phối hợp các bộ xem xét điều chỉnh thời gian được ưu đãi thuế TNDN khi sử dụng Quỹ sao cho phù hợp với từng loại hình đề tài nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp (như tính chất, thời gian thực hiện đề tài...).

Trả lời:

Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp được quy định tại 2 luật là: Luật KH&CN (Điều 63) và Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Điều 17). Cụ thể Điều 17 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp quy định như sau:

“Điều 17. Trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Riêng doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc thực hiện trích Quỹ phát triển KH&CN theo quy định của Luật này còn phải bảo đảm tỷ lệ trích Quỹ phát triển KH&CN tối thiểu theo quy định của pháp luật về KH&CN.

2. Trong thời hạn năm năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển

KH&CN không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.”

Đồng thời, khoản 3 Điều 63 Luật KH&CN quy định: “3. *Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập quỹ và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp.”*

Hiện nay, Bộ KH&CN đang được Chính phủ giao chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan để xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Bộ KH&CN đã ban hành Công văn số 578/BKHCN-KHTC ngày 28/02/2024 về việc tham gia góp ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP gửi đến các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp để xin ý kiến, trong đó có nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Đề nghị các địa phương tham gia góp ý theo tiến độ yêu cầu tại văn bản.

Kiến nghị 13: Đề nghị Bộ KH&CN ban hành cơ chế, chính sách, quy định quản lý, hướng dẫn việc thành lập và phát triển Quỹ KH&CN trong doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Trả lời: Bộ KH&CN đang được Chính phủ giao chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan để xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Bộ KH&CN đã ban hành Công văn số 578/BKHCN-KHTC ngày 28/02/2024 về việc tham gia góp ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP gửi đến các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp để xin ý kiến, trong đó có nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Đề nghị các địa phương tham gia góp ý theo tiến độ yêu cầu tại văn bản.

Kiến nghị 14: Hướng dẫn lộ trình xây dựng Đề án đầu tư nâng cao năng lực cho Trung tâm kỹ thuật TĐC thành Trung tâm vùng Tây Bắc giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn giai đoạn 2030-2050.

Trả lời: Để xây dựng Đề án nâng cao năng lực cho Trung tâm kỹ thuật TĐC thành Trung tâm vùng Tây Bắc giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn giai đoạn 2030-2050 thì địa phương cần căn cứ: Quy hoạch phát triển tại địa phương, vùng; Khảo sát nhu cầu tại địa phương về cung cấp các dịch vụ TĐC; Khảo sát năng lực các địa phương lân cận (để tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí; Đánh giá hiện trạng nguồn lực hiện có của địa phương (con người, hạ tầng, cơ sở vật chất;

Xác định nhu cầu quản lý, lộ trình đầu tư của Đề án theo các giai đoạn,....

Căn cứ vào các kết quả trên, địa phương để xây dựng Đề án (kế hoạch thực hiện, định hướng mục tiêu, giải pháp thực hiện, nguồn kinh phí,....) theo từng giai đoạn. Đồng thời việc đầu tư của Đề án, địa phương cần tuân theo quy định pháp luật về Luật Đầu tư công.

Bộ KH&CN sẵn sàng góp ý đối với từng nội dung của dự thảo Đề án (khi nhận được yêu cầu) của địa phương. Hiện tại, Bộ chưa nhận được thông tin, dự thảo Đề án từ địa phương và các đơn vị liên quan. Trong quá trình xây dựng Đề án, địa phương có khó khăn, thắc mắc đề nghị liên hệ với Bộ (Tổng cục) để được hỗ trợ kịp thời.

Kiến nghị 15: Đề xuất với Chính phủ bố trí vốn triển khai thực hiện Đề án mở rộng nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển Vùng Nam Trung Bộ.

Trả lời: Nội dung này đã được Bộ KH&CN có ý kiến tại Công văn số 279/BKHCN-CNN ngày 09 tháng 02 năm 2021 về việc bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Đề án mở rộng nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Văn phòng Chính phủ thực hiện theo hình thức “*Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ thực hiện đề án từ nguồn vốn trung ương bằng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*”.

Kiến nghị 16: Hỗ trợ tỉnh Bình Thuận trong Đề án hình thành Khu CNC theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 289/TB-VPCP ngày 19/9/2022 của Văn phòng Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND.

Trả lời: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 quy định về khu CNC, trong đó có các quy định về hành lang pháp lý liên quan đến các điều kiện, quy trình thủ tục quy hoạch, thành lập khu CNC; chính sách phát triển, thu hút đầu tư, quản lý nhà nước; tiêu chí đối với dự án đầu tư... đối với khu CNC; Theo đó, đề nghị UBND tỉnh Bình Thuận chủ động rà soát và chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN đánh giá tổng hợp khả năng đáp ứng các điều kiện thành lập khu CNC và nguồn lực để triển khai (đặc biệt là nguồn nhân lực và nguồn vốn đầu tư xây dựng khu CNC), từ đó định hướng xây dựng lộ trình triển khai có tính khả thi cao và chuẩn bị các điều kiện thành lập khu CNC.

III. Tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn

Kiến nghị 17: Kiến nghị Bộ KH&CN ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện vì Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN, trong đó Tổng cục TĐC được tổ chức lại thành Ủy ban TĐC Quốc gia.

Trả lời:

Hiện nay Bộ KH&CN đang thực hiện rà soát, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Thông tư 01/2021/TT-BKH&CN để nghiên cứu, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung trong năm 2024. Vì vậy, các nội dung liên quan đến kiến nghị, đề xuất của các địa phương sẽ được Bộ KH&CN tiếp thu trong quá trình rà soát, tổng hợp.

Kiến nghị 18: Công bố Danh mục tư vấn viên trong lĩnh vực KH&CN trên cổng thông tin (tại địa chỉ business.gov.vn) để Sở KH&CN các tỉnh, thành phố có đủ căn cứ pháp lý để hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đề án hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST ở địa phương.

Trả lời:

Triển khai Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 2042/QĐ-BKH&CN ngày 17/10/2022 về việc ban hành lĩnh vực tư vấn và tiêu chí công nhận cá nhân, tổ chức thuộc mạng lưới tư vấn viên, tiêu chí đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực KH&CN và ĐMST. Trong đó quy định mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm 4 lĩnh vực sau: (1) Tư vấn về sở hữu trí tuệ; (2) Tư vấn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; (3) Tư vấn về ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ; (4) Tư vấn về thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2042/QĐ-BKH&CN ngày 17/10/2022, Cục đã ban hành Quyết định số 94/QĐ-UDCN về việc ban hành Quy chế nội bộ hướng dẫn và tổ chức triển khai hoạt động của mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ.

Năm 2023, Cục đã tiếp nhận, xử lý hồ sơ và tổng hợp được 01 tổ chức và 29 cá nhân đủ điều kiện và tiêu chí tham gia mạng lưới tư vấn viên trong lĩnh vực ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ theo quy định hiện hành; Năm 2024, Cục tiếp tục triển khai các nhiệm vụ nhằm phát triển mạng lưới tư vấn viên trong lĩnh vực ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ theo quy định hiện hành.

Kiến nghị 19: Tăng cường số lượng và chất lượng các lớp tập huấn, các khóa đào tạo cấp các chứng chỉ, chứng nhận cần thiết để thành lập các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

Trả lời:

Đề nghị địa phương liên hệ Tổng cục TĐC (Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ TĐC) để trao đổi cụ thể thông tin, tổng hợp nhu cầu và tổ chức đào tạo theo đúng

nhu cầu của các địa phương.

Kiến nghị 20: Sớm thành lập Trung tâm Hỗ trợ KNST quốc gia tại Đà Nẵng thuộc Bộ KH&CN theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 188/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 02/TB-VPCP ngày 04/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc của Thường trực Chính phủ với Lãnh đạo thành phố Đà Nẵng nhằm hỗ trợ phát triển hệ sinh thái KNĐMST của thành phố và khu vực.

Trả lời: Triển khai văn bản chỉ đạo tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ KH&CN đã giao Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng Đề án Tổ chức lại Trung tâm Hỗ trợ KNST quốc gia trực thuộc Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN thành Trung tâm Hỗ trợ KNST quốc gia (gọi tắt là Trung tâm) trực thuộc Bộ KH&CN. Theo đó, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ KH&CN, có trụ sở tại Hà Nội. Trong cơ cấu tổ chức, Trung tâm có 02 cơ sở, 01 cơ sở đặt tại Đà Nẵng và 01 cơ sở đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/02/2024, Bộ KH&CN đã có Công văn số 500/BKH&CN-TCCB gửi xin ý kiến các bộ, ngành có liên quan về danh sách đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, trong đó có việc tổ chức lại Trung tâm trực thuộc Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN thành Trung tâm Hỗ trợ KNST quốc gia trực thuộc Bộ KH&CN. Sau khi có ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, Bộ KH&CN sẽ tổng hợp, tiếp thu ý kiến và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Kiến nghị 21: Sớm ban hành Hướng dẫn về cơ cấu tổ chức bộ máy theo Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN, để Sở KH&CN tỉnh Sơn La có phương án đề xuất kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy của Chi cục TĐC thành phòng thuộc Sở.

Trả lời: Triển khai Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ KH&CN đã ban hành Quy chế/Điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Bộ. Quy chế/Điều lệ tổ chức và hoạt động của một số đơn vị trực thuộc Bộ còn lại sẽ được ban hành trong Quý II/2024 theo kế hoạch.

Kiến nghị 22: Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí chấm điểm việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cho các bộ, ngành, địa phương và chế tài xử lý khi thực hiện không đúng quy định.

Trả lời: Tổng cục TĐC đã nghiên cứu, quy định trong dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, đã trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định. Tuy nhiên, ngày 04/01/2024, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đã có chỉ đạo tại Công

văn số 90/VPCP-KSTT của Văn phòng Chính phủ, theo đó Bộ KH&CN nghiên cứu, xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ sau khi dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được thông qua.

Do đó, Tổng cục TĐC sẽ nghiên cứu, quy định cụ thể trong Quyết định thay thế Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. Sở hữu trí tuệ, phát triển tài sản trí tuệ

Kiến nghị 23: Xem xét hỗ trợ tỉnh Lâm Đồng thực hiện các dự án đăng ký ra nước ngoài đối với một số nhãn hiệu nông sản đặc trưng có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh như tơ lụa Bảo Lộc, Đà Lạt kết tinh kỳ diệu từ đất lành...

Trả lời: Thời gian qua, Cục SHTT đã triển khai, tham mưu tổ chức triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu ra nước ngoài, tiêu biểu như:

- Ngày 31/12/2021, Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT và Bộ Công Thương đã ký “Kế hoạch phối hợp hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2022-2025”. Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 1244/QĐ-BKH&CN ngày 14/6/2023 phê duyệt kế hoạch hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2022-2025; - Cục SHTT đã tổ chức, phối hợp với một số cơ quan SHTT quốc gia tổ chức Hội thảo, xuất bản các tài liệu hướng dẫn bảo hộ ra nước ngoài cho các sản phẩm đặc thù mang địa danh, bảo hộ ra nước ngoài cho các doanh nghiệp;

- Đối với vấn đề xây dựng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho việc đăng ký các chỉ dẫn thương mại của Việt Nam nước ngoài, Cục SHTT hiện đang phối hợp, thảo luận với các đối tác nước ngoài về việc xây dựng cơ chế tạo thuận lợi cho đăng ký chỉ dẫn thương mại của Việt Nam tại Nhật Bản và Trung Quốc;

- Để Cục SHTT có thể hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho các sản phẩm nói trên, đề nghị Sở KH&CN tỉnh Lâm Đồng cung cấp thêm một số thông tin như: quốc gia và hình thức bảo hộ dự kiến đăng ký; năng lực, thực trạng công tác quản lý, kiểm soát sản phẩm theo các tiêu chí và hình thức bảo hộ tại Việt Nam.

Kiến nghị 24: Tiếp tục quan tâm hỗ trợ địa phương thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ đặc biệt là tạo lập, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể mang tên địa danh địa phương; thường xuyên cập nhật dữ liệu về đăng ký Sở hữu công nghiệp trên thư viện số về Sở hữu công nghiệp hàng tháng, đáp ứng nhu cầu tra cứu của cơ quan chức năng và người dân;

Trả lời:

- Cục đã tham mưu các cơ quan xây dựng, hoàn thiện các cơ chế chính sách có liên quan đến bảo hộ, quản lý các tài sản trí tuệ cho các sản phẩm địa phương mang địa danh và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp, trong năm

2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 và Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định 65/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

- Hồ sơ đăng ký bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể mang tên địa danh luôn được Cục SHTT quan tâm, thúc đẩy thẩm định sớm, đặc biệt là việc thẩm định, cấp văn bằng bảo hộ phù hợp với các sự kiện quan trọng của địa phương. Trong khuôn khổ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, trong giai đoạn 2021-2023, Bộ KH&CN đã hỗ trợ triển khai 32 nhiệm vụ bảo hộ cho các sản phẩm đặc thù, sản phẩm chủ lực mang địa danh;

- Để đáp ứng nhu cầu của các địa phương và các chủ thể quyền, hàng tháng, Cục công bố trên trang tin điện tử của Cục số liệu thống kê hàng tháng số lượng đơn được công bố, văn bằng bảo hộ được cấp của từng địa phương, thống kê từng năm và thống kê giai đoạn nhiều năm. Trong thời gian tới, Cục SHTT sẽ tiếp tục nghiên cứu, kịp thời cung cấp các thông tin, số liệu thống kê đa dạng, kịp thời hơn để các địa phương tiện tra cứu, tham khảo.

Kiến nghị 25: Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền, giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo hiệu quả công tác thực thi quyền.

Trả lời: Ngày 11/01/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2024/NĐ-CP quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành, theo đó, Cục SHTT được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Đồng thời, ngày 26/02/2024, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ký Quyết định số 166/QĐ-BKHCN ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục SHTT, trong đó, Cục SHTT được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về sở hữu công nghiệp và thành lập Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

Với chức năng thanh tra chuyên ngành về sở hữu công nghiệp mới được giao là cơ sở pháp lý để trong thời gian tới Cục SHTT tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền, giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

V. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Kiến nghị 26: Tiếp tục cải tiến các tiêu chí của GTCLQG theo hướng đơn giản, phù hợp với trình độ quản lý và đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh, giúp doanh nghiệp dễ hiểu, dễ áp dụng.

Trả lời: Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là hình thức tôn vinh, khen thưởng ở cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Giải thưởng được thiết lập và triển khai trên cơ sở chấp nhận mô hình và 7 tiêu chí của Giải thưởng Malcolm Baldrige (MBA) Giải thưởng chất lượng quốc gia của Mỹ: đây là mô hình đã được nhiều nước trên thế giới coi là mô hình chuẩn để nghiên cứu học tập khi xây dựng giải thưởng chất lượng quốc gia của mình. Các Tiêu chí giải thưởng chất lượng là cơ sở hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp tự xem xét, đánh giá và là căn cứ xét giải thưởng cũng như đưa ra phản hồi của hội đồng xét thưởng tới các tổ chức tham dự. Trong thời gian tới, Cơ quan Thường trực Giải thưởng Chất lượng Quốc gia sẽ cập nhật Bộ Tiêu chí theo phiên bản mới nhất của Giải thưởng Malcolm Baldrige, hoàn thiện Bộ Tài liệu hướng dẫn xây dựng hồ sơ tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia cho các tổ chức/doanh nghiệp, dự kiến sẽ ban hành Bộ Tiêu chí đáp ứng tốt các đề xuất nêu trên trong năm 2024.

Kiến nghị 27: Quy định cụ thể các tiêu chí chọn lựa đơn vị tư vấn năng suất chất lượng tham gia triển khai Chương trình năng suất chất lượng tại địa phương.

Trả lời: Theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC thì nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng thực hiện theo phương thức nhiệm vụ KH&CN. Các quy định tiêu chí đánh giá để lựa chọn năng lực đơn vị tư vấn năng suất chất lượng triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Chương trình sẽ do cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định (thông qua yêu cầu cụ thể về kết quả đạt được của nhiệm vụ đặt hàng; tiêu chí đánh giá năng lực tại khâu tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ;...). Hiện nay theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BKH&CN thì quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của tỉnh. Vì vậy đề nghị địa phương nghiên cứu quy định hiện hành để triển khai thực hiện hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tại địa phương để sửa đổi, bổ sung văn bản quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình năng suất chất lượng tại địa phương cho phù hợp.

Kiến nghị 28: Ban hành cơ chế tài chính về hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trước và sau khi tham gia và đạt giải. Xem xét thời gian xét và trao giải GTCLQG có thể rút ngắn trong năm doanh nghiệp tham gia, không kéo dài sang năm tiếp theo. Nghiên cứu đơn giản hóa trình tự xét, hồ sơ tham dự, đơn giản hóa việc lập báo cáo theo 07 tiêu chí của giải thưởng.

Trả lời:

- Về ban hành cơ chế tài chính.

Hiện nay, đã có Thông tư 13/2022/TT-BKH&CN ngày 15/9/2022 của Bộ

KH&CN quy định mức kinh tế-kỹ thuật cho nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia.

Trong Thông tư này, phụ lục V kèm theo Thông tư sẽ quy định mức KT-KT cho dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia.

+ Hoạt động đào tạo và công tác phí triển khai theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

+ Đang triển khai, nghiên cứu các Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 về quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 8/5/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Căn cứ theo Quy chế quản lý nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao và nhiệm vụ đặc thù của Bộ KH&CN (Quyết định số 2471/QĐ-BKHCN ngày 26/10/2023)

- Về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trước và sau khi tham gia và đạt giải.

Tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia được hưởng các quyền lợi quy định tại Điều 30 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Cụ thể:

+ Các tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia được phép thông báo, tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức giới thiệu khác về đơn vị mình, được sử dụng biểu tượng của Giải thưởng chất lượng quốc gia trên sản phẩm, ấn phẩm của tổ chức, doanh nghiệp.

+ Tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải vàng chất lượng quốc gia được Bộ KH&CN đề cử tham dự các giải thưởng chất lượng khu vực và quốc tế.

+ Các tổ chức, doanh nghiệp đạt giải được ưu tiên vay vốn từ Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển KH&CN ở các bộ, ngành, địa phương và các quỹ khác theo quy định của pháp luật; ưu tiên tham gia các chương trình, dự án cấp quốc gia về phát triển, CGCN, nâng cao năng suất, chất lượng.

+ Các tổ chức, doanh nghiệp đạt giải được các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khen thưởng theo quy định từ nguồn quỹ khen thưởng hằng năm.

- Xem xét thời gian xét và trao giải có thể rút ngắn trong năm doanh nghiệp tham gia, không kéo dài sang năm tiếp theo:

Hằng năm, Tổng cục TĐC đều lập và gửi Kế hoạch hoạt động Giải

thường chất lượng quốc gia năm tới Cơ quan Thường trực Giải thưởng chất lượng quốc gia tại các địa phương (qua Sở KH&CN/Chi cục TĐC) trong đó có nêu rõ thời gian cụ thể đối với các hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia. Tuy nhiên, Hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia khi triển khai phụ thuộc vào nhiều bên có liên quan và các cấp có thẩm quyền. Nhiều hạng mục công việc phát sinh thêm thủ tục, quy định. Vì vậy, ảnh hưởng đến các nội dung công việc tiếp theo. Cụ thể là: Thời gian lấy ý kiến hiệp y Ủy ban nhân dân các địa phương theo quy định là 15 ngày, tuy nhiên, hầu như các địa phương trả lời chậm so với thời gian trên. Quá trình thẩm định hồ sơ tại Văn phòng Chính phủ liên quan đến nhiều đơn vị xem xét, góp ý và thẩm định (lấy ý kiến các Vụ liên quan của Văn phòng Chính phủ, lấy ý kiến Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ) nên cũng mất nhiều thời gian trước khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định.

- Nghiên cứu đơn giản hóa trình tự xét, hồ sơ tham dự, đơn giản hóa việc lập báo cáo theo 07 tiêu chí của giải thưởng

Thủ tục Hành chính về Giải thưởng chất lượng quốc gia gồm 02 cấp:

+ Cấp trung ương “Thủ tục xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia”; mã số: 1.001359.

+ Cấp tỉnh, thành phố “Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia” mã số: 2.001269.

Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng GTCLQG (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) do Cơ quan Thường trực GTCLQG các tỉnh/thành phố thực hiện. Căn cứ vào thực tế triển khai hoạt động GTCLQG và kiến nghị của các địa phương, từ năm 2018, Tổng cục đã đề xuất với Bộ KH&CN rút hoạt động GTCLQG ra khỏi thủ tục hành chính. Tuy nhiên, thủ tục này không được rút khỏi thủ tục hành chính của Bộ. Gần đây nhất, triển khai Quyết định số 233/QĐ-BKH&CN ngày 27/02/2023 của Bộ KH&CN ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá Thủ tục Hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN, Viện TCCLVN đã đề xuất được sửa đổi một số nội dung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá và các văn bản hướng dẫn có liên quan 02 Thủ tục Hành chính về hoạt động GTCLQG các cấp nêu trên.

Kiến nghị 29: Rà soát bổ sung quy định cụ thể nội dung xử lý vi phạm và hành vi vi phạm về tiêu chuẩn công bố áp dụng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc không phù hợp với quy định của cơ quan có thẩm quyền, nhất là trong khâu lưu thông.

Trả lời: Bộ KH&CN ghi nhận ý kiến của địa phương giao cho Tổng cục TĐC trong nghiên cứu đề xuất chỉnh sửa Nghị định số 119/2017/NĐ-CP và Nghị định số 126/2021/NĐ-CP.

Kiến nghị 30: Ban hành quy chuẩn, tiêu chí và có hướng dẫn cụ thể việc

xây dựng, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG để thống nhất về hình thức triển khai tại địa phương (hiện nay mỗi tỉnh/thành phố đang có cách làm khác nhau).

Trả lời: Dự thảo Thông tư quy định quản lý về TXNG sản phẩm, hàng hoá đã được Tổng cục TĐC trình Bộ trưởng Bộ KH&CN xem xét, ban hành (Tờ trình số 583/TTr-TĐC ngày 23/02/2024), trong đó đã quy định các nội dung liên quan đến việc xây dựng, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG để thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Sau khi Thông tư được ban hành, Tổng cục sẽ tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

Kiến nghị 31: Hướng dẫn cơ chế, quy định về công tác hỗ trợ (tài chính, nhân lực...) công tác đảm bảo đo lường tại các doanh nghiệp (ngoài thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ KH&CN).

Trả lời: Bộ KH&CN đã ban hành Công văn số 1095/BKH&CN-TĐC ngày 18/4/2023 gửi các Bộ ngành, địa phương về việc áp dụng định mức chi tiêu thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của Đề án 996 theo đó các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Đề án 996 nếu triển khai nhiệm vụ KH&CN thì thực hiện theo quy định hiện hành về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN; nếu triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin thì thực hiện theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; nếu triển khai nhiệm vụ khác thì thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi tiêu của nhà nước.

Kiến nghị 32: Rà soát, tham mưu sửa đổi, quy định cụ thể về xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm liên quan đến tiêu chuẩn công bố áp dụng ở khâu lưu thông; cụ thể đối tượng bị xử lý quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 119/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung khoản 31 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP.

Trả lời: Bộ KH&CN ghi nhận ý kiến của địa phương giao cho Tổng cục TĐC trong nghiên cứu đề đề xuất chỉnh sửa Nghị định số 119/2017/NĐ-CP và Nghị định số 126/2021/NĐ-CP.

Kiến nghị 33: Xem xét ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa cần phải TXNG (phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước, khai thác tiềm năng xuất khẩu...) và các tiêu chuẩn quy định về TXNG cho từng nhóm sản phẩm hàng hóa cụ thể.

Trả lời: Theo quy định tại khoản 4 Điều 19đ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được bổ sung tại Nghị định số 13/2022/NĐ-CP: “*Căn cứ nhu cầu quản lý, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xác định sản phẩm, hàng hóa phải thực hiện TXNG và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ quản lý ngành, lĩnh vực*”.

Do đó, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ nhu cầu quản lý xác định sản phẩm, hàng hóa phải thực hiện TXNG. Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN, Tổng cục TĐC sẽ nghiên cứu, đề xuất sau khi Thông tư quy định quản lý về TXNG sản phẩm, hàng hoá được ban

hành và được tuyên truyền, phổ biến để các tổ chức, cá nhân liên quan biết, nghiên cứu thực hiện. Đồng thời, hiện nay Tổng cục TĐC đã và đang tiếp tục xây dựng các tiêu chuẩn về TXNG cho các nhóm sản phẩm, hàng hóa, trình Bộ KH&CN công bố. Đến nay, trong hệ thống các TCVN, đã có 35 TCVN liên quan đến TXNG.

Kiến nghị 34: Bổ sung quy định tại Bảng 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BKH&CN về số mẫu cần lấy để kiểm tra (n), hệ số Hiệu chỉnh k, số lượng đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp cho phép,... đối với cỡ lô hàng hóa (N) nhỏ hơn 100 đơn vị.

Trả lời: Thông lệ quốc tế, không áp dụng trường hợp phá mẫu hàng đóng gói sẵn có cỡ lô (N) <100 đơn vị tại nơi nhập khẩu, lưu thông, buôn bán.

Lý do: thực tế, tại nơi nhập khẩu, buôn bán có 10 đơn vị hàng đóng gói sẵn nếu phải áp dụng phá mẫu hàng đóng gói sẵn thì hàng hóa đó không còn gì để kinh doanh được nữa. Do vậy quy định này phù hợp với thực tế và thông lệ quốc tế.

Kiến nghị 35: Hướng dẫn chi tiết về công tác thanh tra chuyên ngành đối với Chi cục TĐC để đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực TĐC trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trả lời: Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đã bãi bỏ Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành KH&CN và Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 15/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP. Do đó, hiện nay theo quy định của pháp luật về thanh tra thì Chi cục TĐC không còn chức năng thanh tra chuyên ngành.

Kiến nghị 36: Hướng dẫn nhận diện các phương tiện đo thuộc danh mục phương tiện đo nhóm 2 được quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKH&CN ngày 26/7/2019, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKH&CN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 để phục vụ trong công tác thanh tra, kiểm tra.

Trả lời: Để xác định/nhận diện phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo nhóm 2 có thể căn cứ vào tên phương tiện đo, chủng loại, đặc tính kỹ thuật đo lường chính, chức năng của phương tiện đo thể hiện trên nhãn mác, Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, tài liệu kỹ thuật kèm theo phương tiện đo.

Kiến nghị 37: Việc triển khai TXNG sản phẩm, hàng hóa tại địa phương chưa được quy định rõ ràng, đề nghị sớm ban hành Quy định quản lý về TXNG sản phẩm, hàng hóa.

Trả lời: Dự thảo Thông tư quy định quản lý về TXNG sản phẩm, hàng hoá đã được hoàn thiện đang trình xem xét, ban hành trong thời gian tới, trong đó đã quy định các nội dung liên quan đến việc xây dựng, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG để thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Sau khi Thông tư được ban hành, Bộ KH&CN sẽ tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

Kiến nghị 38: Hỗ trợ địa phương triển khai Chương trình đảm bảo đo lường và áp dụng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường.

Trả lời:

- Về triển khai Chương trình đảm bảo đo lường:

Năm 2023, Tổng cục TĐC đã hỗ trợ tổ chức 07 lớp đào tạo chuyên gia tư vấn xây dựng và triển khai Chương trình đảm bảo đo lường cho địa phương với 93 tổ chức, doanh nghiệp tham gia; phối hợp với nhiều địa phương tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo xây dựng và triển khai Chương trình đảm bảo đo lường cho tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.

Dự kiến năm 2024, Tổng cục TĐC tiếp tục triển khai hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm Chương trình đảm bảo đo lường cho 5 địa phương với tổng số 15 tổ chức, doanh nghiệp.

- Về áp dụng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường, nội dung này sẽ được lồng ghép trong việc triển khai áp dụng chương trình đảm bảo đo lường tại tổ chức, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Tuy nhiên Tổng cục TĐC ghi nhận ý kiến đề xuất và sẽ tiếp tục nghiên cứu hỗ trợ các địa phương theo các hình thức phù hợp trong khả năng cân đối của Tổng cục TĐC.

VI. Phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN và ĐMST

Kiến nghị 39: Bộ KH&CN xem xét, kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung vào điểm b, khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN vì quy định này gây khó khăn trong việc thành lập doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh (Cà Mau).

Trả lời: Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 10/2021/TT-BKH&CN ngày 17/11/2021 của Bộ KH&CN quy định biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN. Thông tư được xây dựng trên cơ sở bám sát các quy định Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN; bám sát nội dung đề xuất, kiến nghị của Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhằm tháo gỡ các vướng mắc khó khăn trong quá trình triển khai Nghị định số 13/2019/NĐ-CP, đồng thời giúp cơ quan quản lý nhà nước triển khai hiệu quả Nghị định số 13/2019/NĐ-CP. Trong đó có nội dung hướng dẫn xác định kết quả KH&CN được công nhận thông qua hình thức Giải thưởng

KH&CN; Kết quả KH&CN được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận và kết quả KH&CN nhận CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam. Trong thời gian tới, Bộ KH&CN sẽ kiến nghị Chính phủ tiếp tục sửa đổi theo hướng đơn giản hóa các thủ tục có liên quan.

Kiến nghị 40: Hướng dẫn công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa KNST theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

Trả lời: Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ, quy định các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm 2 nhóm chính: (1) hỗ trợ công nghệ, thông tin, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực; (2) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa KNST, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Năm 2023, Cục UD&PTCN đã triển khai hỗ trợ được trên 20 doanh nghiệp về công nghệ, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực tại một số địa phương: Bắc Giang, Gia Lai, Ninh Thuận, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hà Nội,...

Trong thời gian tới, Cục tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: (1) Tiếp tục tổ chức hướng dẫn các địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về công nghệ, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực; (2) Phối hợp với các Sở KH&CN địa phương tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

Kiến nghị 41: Cần có hướng dẫn chi tiết chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp KH&CN hưởng ưu đãi về đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp KH&CN hưởng ưu đãi về đất đai theo quy định.

Trả lời: Về trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. *Sở KH&CN có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ khi xác định diện tích đất được miễn, giảm cho mục đích KH&CN. Thủ tục, hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất và quản lý thuế (Điều 13 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP).*

Đồng thời, hiện nay Bộ KH&CN đang tham gia góp ý các Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai năm 2024, trong đó tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy định hướng dẫn đối tượng là doanh nghiệp KH&CN được hưởng ưu đãi về đất đai trong thời gian tới, đảm bảo kế thừa các quy định đã có và bổ sung hướng

dẫn các quy định mới nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp KH&CN tiếp cận chính sách ưu đãi về đất đai.

Kiến nghị 42: Cần có hướng dẫn chi tiết đối với hình thức CGCN; Tính hợp lệ về quyền sở hữu công nghệ của đơn vị chuyển giao; Sự phù hợp giữa thiết bị đầu tư với hợp đồng CGCN; Thời điểm đăng ký hợp đồng CGCN.

Trả lời:

Bộ KH&CN nhất trí với kiến nghị này. Đề nghị Sở KH&CN các địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN (đầu mối là Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ) nghiên cứu và cho ý kiến về những tồn tại, vướng mắc, đề xuất nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung; điều khoản cụ thể cần sửa đổi, bổ sung liên quan đến kiến nghị nêu trên trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2018/NĐ-CP (Bộ KH&CN sẽ có Công văn gửi các địa phương đề nghị cung cấp thông tin, số liệu kết quả thực hiện và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Kiến nghị 43: Có các chính sách hỗ trợ thành lập và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN như: Sàn giao dịch công nghệ, trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo... khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sử dụng quỹ phát triển KH&CN để đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Trả lời: Trong năm 2023, Bộ KH&CN đã có Báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển thị trường KH&CN” kèm theo Công văn số 2538/BKH&CN-PTTTDN ngày 02/8/2023 gửi Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội và Báo cáo hoạt động của các Sàn giao dịch công nghệ tại Việt Nam và đề xuất phương án hình thành Sàn giao dịch công nghệ trực tuyến quốc gia kèm theo Công văn số 4264/BKH&CN-PTTTDN ngày 20/11/2023 báo cáo Thủ tướng và Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang.

Năm 2024, Bộ KH&CN đã nghiên cứu, rà soát và xây dựng Luật KH&CN với các nội dung đề xuất quy định về phát triển thị trường KH&CN theo hướng làm rõ phạm vi, đối tượng, trách nhiệm thẩm quyền trong quản lý nhà nước đối với phát triển thị trường KH&CN. Kiến nghị quy định pháp lý về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường KH&CN theo hướng như sau: xây dựng khung pháp lý, cơ chế quản lý nhà nước đối với mô hình hoạt động và vận hành của sàn giao dịch công nghệ; quy định về giao dịch công nghệ và các hình thức giao dịch trên thị trường KH&CN; quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của sàn giao dịch công nghệ tại các văn bản hướng dẫn đang được sửa đổi, bổ sung, cụ thể: Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP, Thông tư số 16/2014/TT-BKH&CN.

Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 đã quy định nhiệm vụ và giải pháp thực hiện về phát triển các tổ chức trung gian

của thị trường KH&CN. Thông tư hướng dẫn Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 được ban hành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hỗ trợ thành lập và phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

Kiến nghị 44: Hướng dẫn cụ thể về hoạt động hỗ trợ KNĐMST đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở có chức năng hỗ trợ KNĐMST để các đơn vị có căn cứ triển khai thực hiện.

Trả lời: Đối với hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (KNST), đề nghị chính quyền địa phương tham khảo những quy định tại Quyết định 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, Quyết định 188/QĐ-TTg sửa đổi Quyết định 844/QĐ-TTg, Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để tổ chức, triển khai các hoạt động tại địa phương.

VII. Nhóm kiến nghị về An toàn bức xạ hạt nhân

Kiến nghị 45: Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân cho cán chuyên trách an toàn bức xạ hạt nhân và Hội nghị tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ;

Trả lời: Cục ATBXHN đã chỉ đạo Trung tâm Thông tin và Đào tạo có văn bản gửi Sở KH&CN các địa phương (đầu năm 2024) về việc sẵn sàng phối hợp tổ chức các hoạt động về thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về năng lượng nguyên tử và đào tạo hướng dẫn nghiệp vụ về an toàn bức xạ và hạt nhân. Một số địa phương đã có kết nối để triển khai các hội thảo, tập huấn. Bên cạnh đó, Cục ATBXHN trong nguồn kinh phí cho phép cũng chủ động tổ chức một số hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, dịch vụ công trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử tại các khu vực, địa phương hàng năm.

Kiến nghị 46: Hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân dùng chung.

Trả lời: Hiện nay, Bộ KH&CN triển khai hệ thống thông tin báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (Theo Thông tư số 13/2021/TT-BKH&CN ngày 30/12/2021 của Bộ KH&CN) trong đó có nội dung báo cáo công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân của Bộ KH&CN và địa phương. Cục ATBXHN đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin (Bộ KH&CN) có ý kiến cụ thể hơn về việc tích hợp, phân quyền và chia sẻ thông tin với các địa phương trên hệ thống <https://bcbkhen.most.gov.vn/>.

Ngoài ra, Cục ATBXHN đã xây dựng và tích hợp 100% các thủ tục hành chính lên cổng dịch vụ công quốc gia. Các địa phương có nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu về thủ tục hành chính của địa phương có thể liên hệ với Cục ATBXHN (qua Trung tâm Thông tin và Đào tạo) có thể hỗ trợ.

Kiến nghị 47: Tăng cường phối hợp với Sở KH&CN Phú Yên trong công tác thanh tra sau cấp phép.

Trả lời: Cục ATBXHN đã phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Phú Yên tiến hành thanh tra tại một số đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2019 và sẽ tiếp tục phối hợp trong thời gian tới. Để tăng cường công tác phối hợp với các Sở KH&CN địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra, Cục ATBXHN sẽ lồng ghép nội dung tập huấn về thanh tra chuyên ngành ATBXHN trong chương trình tập huấn chung của Cục, đồng thời đề nghị Quý sở thường xuyên trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ với Thanh tra Cục ATBXHN để được hỗ trợ hoặc đề nghị Cục cử cán bộ phối hợp, tham gia trực tiếp một số đoàn thanh tra do Sở chủ trì trong trường hợp cần thiết.

MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KH&CN NĂM 2024 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KH&CN&ĐMST NĂM 2025

Vụ Kế hoạch - Tài chính

A. Đối với việc triển khai kế hoạch KH&CN&ĐMST năm 2024

Các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch KH&CN&ĐMST năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ KH&CN tại Công văn số 4936/BKH&CN/KHTC ngày 22/12/2023. Với mục tiêu nhằm phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, Bộ KH&CN đề nghị các địa phương phối hợp cùng triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024:

- Đảm bảo duy trì và tiếp tục gia tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN&ĐMST, các địa phương giao dự toán NSNN năm 2024 cho các đơn vị không thấp hơn số kinh phí trung ương thông báo;

- Đề xuất, kiến nghị với Bộ KH&CN những vấn đề còn vướng mắc, bất cập để tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về KH&CN&ĐMST (Luật KH&CN, Nghị định 95/2014/NĐ-CP, Nghị định 70/2018/NĐ-CP...) theo hướng đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, tạo động lực phát triển KH&CN&ĐMST toàn diện trong các ngành, lĩnh vực, phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

- Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình KH&CN cấp quốc gia đến năm 2030 theo hướng phát triển các hướng nghiên cứu cơ bản, các hướng công nghệ ưu tiên, các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước. Đặc biệt đối với các địa phương, tăng cường thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại các vùng trọng điểm gắn với lợi thế của từng khu vực, trong đó:

+ Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ gắn với các khu công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao;

+ Trung du và miền núi phía Bắc gắn với các sản phẩm nông nghiệp sạch kết hợp với du lịch;

+ Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung gắn với nông nghiệp và kinh tế biển;

+ Tây Nguyên gắn với các sản phẩm nông lâm nghiệp, chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp và du lịch;

+ Đồng bằng sông Cửu Long gắn với thế mạnh là sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, trung tâm giống và chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; bảo hộ, thực thi phát triển và khai thác tài sản trí tuệ;

phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương về KH&CN&ĐMST, đặc biệt là công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ và an toàn bức xạ hạt nhân tại địa phương.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong hoạt động KH&CN, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu công nghiệp, an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Trong năm 2024, Bộ KH&CN tiếp tục tập trung sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý các nhiệm vụ KH&CN quốc gia, phê duyệt, triển khai các chương trình để thực hiện một số định hướng trong Chiến lược phát triển KH&CN&ĐMST. Ngày 11/01/2024, Bộ KH&CN đã có thông báo số 97/TB-BKHCN kêu gọi đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030. Đề nghị các địa phương căn cứ hướng dẫn quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước hướng dẫn các đơn vị trực thuộc theo yêu cầu và thời hạn trong thông báo nêu trên và các đợt tiếp theo trong năm 2024 để đề xuất nhiệm vụ hoặc các địa phương trực tiếp xây dựng đề xuất đặt hàng phù hợp với các chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 để gửi về Bộ KH&CN.

- Các địa phương lưu ý việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, Thông tư 20/2023/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước đã quy định tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nếu tổ chức chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia khác theo quy định hiện hành thì không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ.

B. Việc xây dựng kế hoạch KH&CN&ĐMST năm 2025

Đối với kế hoạch KH&CN&ĐMST năm 2025, ngày 01/3/2024 Bộ KH&CN đã có công văn số 630/BKHCN-KHTC gửi các địa phương hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN&ĐMST và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2025. Để bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch KH&CN&ĐMST và dự toán ngân sách năm 2025 theo quy định, Bộ KH&CN lưu ý các địa phương một số nội dung chính như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN&ĐMST và dự toán ngân sách năm 2024 với các yêu cầu cụ thể sau đây:

Đánh giá từng nội dung kế hoạch KH&CN&ĐMST năm 2024 theo hướng dẫn và hệ thống Biểu mẫu báo cáo kèm theo tại Công văn số 630/BK&CN-KHTC ngày 01/3/2024 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN&ĐMST và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2025. Việc đánh giá và báo cáo phải thể hiện được:

- Kết quả nổi bật của hoạt động KH&CN&ĐMST thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo;

- Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN&ĐMST, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội trong từng lĩnh vực: Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; Sở hữu trí tuệ; Năng lượng nguyên tử; Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN&ĐMST, Thông tin và thống kê KH&CN; Đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ; Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo,...

- Việc thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH&CN, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện: cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; cơ chế, chính sách và quy định quản lý tài chính liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN; cơ chế, chính sách về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, ...

- Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN&ĐMST năm 2024 giao cho địa phương thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024, ước thực hiện đến hết tháng 12 năm 2024.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu và nâng cấp trang thiết bị, công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất-kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, phòng thí nghiệm, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng... sử dụng kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN hoặc kinh phí sự nghiệp KH&CN, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần báo cáo chi tiết tình hình phân bổ dự toán, tình hình giải ngân, hiệu quả đầu tư, ... để có căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các nhiệm vụ mới năm 2025.

- Những khó khăn, tồn tại, vướng mắc cần khắc phục.

- Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH&CN&ĐMST của các địa phương trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong những năm tiếp theo.

II. Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2025

Kế hoạch KH&CN và dự toán ngân sách cho KH&CN năm 2025 cần xây dựng theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật KH&CN, Luật Đầu tư công; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn Luật, quy trình, thời gian, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31/12/2025. Theo đó, việc xây dựng kế hoạch KH&CN và dự toán ngân sách cho KH&CN năm 2025 cần gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về KH&CN trong các Luật, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ khác được Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2030 và Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN đến năm 2025.

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

1.1. Đối với các chương trình KH&CN cấp quốc gia:

Để bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch KH&CN và dự toán ngân sách KH&CN năm 2025, Bộ KH&CN đề nghị các địa phương hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia theo mục tiêu, nội dung của các chương trình đã được phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2023/TT-BKH&CN ngày 25/5/2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước gửi trực tiếp về Bộ KH&CN hoặc các địa phương trực tiếp xây dựng đề xuất đặt hàng phù hợp với chương trình KH&CN quốc gia gửi về Bộ KH&CN để tổng hợp và xử lý.

Đối với các Chương trình: Hỗ trợ ứng dụng chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025; Bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Phát triển vật lý giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1187/QĐ-TTg ngày 04/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển giai đoạn 2017 - 2025 (Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ) sẽ kết thúc giai đoạn vào năm 2025 vì vậy chỉ đảm bảo kinh phí chuyển tiếp cho các nhiệm vụ đang triển khai. Đề nghị các địa phương không đề xuất mở mới trong năm 2025.

Danh mục các chương trình KH&CN cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt trong phụ lục kèm theo.

1.2. Đối với các đề xuất nhiệm vụ không thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia, đề nghị các tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ về đầu mối quản lý KH&CN địa phương để tổng hợp, xử lý gửi Bộ KH&CN theo quy định.

1.3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2019/TT-BKH&CN ngày 29/10/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN nghệ quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư.

1.4. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia (Quỹ Nafosted) tài trợ kinh phí các địa phương cần thông báo cho các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trực thuộc hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố chuẩn bị hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo hướng dẫn và thông báo của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp.

1.5. Sau khi nhận được đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, Bộ KH&CN thông qua hội đồng khoa học để tư vấn cho việc hình thành các nhiệm vụ nghiên cứu cấp Quốc gia với mục tiêu, nội dung, sản phẩm rõ ràng và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định, phê duyệt nội dung kinh phí theo quy định hiện hành để làm căn cứ bố trí thực hiện trong kế hoạch năm 2025.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cấp tỉnh, cấp cơ sở

Cùng với việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia gửi Bộ KH&CN, các địa phương trên cơ sở tổng kết đánh giá hoạt động KH&CN năm 2023, 06 tháng đầu năm và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2024 cần chủ động và phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN để xây dựng các chương trình KH&CN trọng điểm cấp tỉnh, thành phố phù hợp với định hướng chiến lược phát triển và kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 của địa phương và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN đến năm 2025. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung và sản phẩm của các chương trình đã được xác định hoặc các nhiệm vụ KH&CN được Chính phủ giao và các quy định của Nhà nước, quy định của từng địa phương để hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, sau đó tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ KH&CN của địa phương mình và tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp, thẩm định nội dung và kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2025 theo tiến độ dưới đây.

3. Tiến độ thực hiện

- Trước ngày 30/6/2024: Các địa phương hoàn thành việc tổ chức các Hội đồng xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, thẩm định, phê duyệt kinh phí nhiệm vụ KH&CN làm căn cứ để bố trí kế hoạch thực hiện năm 2025 và tổng hợp vào kế hoạch KH&CN năm 2025 gửi Bộ KH&CN.

- Đến 30/6/2024: Các địa phương gửi kế hoạch KH&CN và dự toán ngân sách KH&CN năm 2025 về Bộ KH&CN để tổng hợp, làm việc thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự toán ngân sách năm 2025 của ngành KH&CN.

- Từ tháng 8/2024 đến tháng 12/2024: Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương hoàn thành việc bố trí kế hoạch, hướng dẫn thực hiện các nội dung kế hoạch và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN năm 2025.

- Trước ngày 31/12/2024, các địa phương quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc.

Các địa phương sử dụng hệ thống biểu mẫu báo cáo kế hoạch kèm theo Công văn số 630/BKH&CN-KHTC ngày 01/3/2024 của Bộ KH&CN.

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KH&CN QUỐC GIA
ĐẾN NĂM 2025 VÀ 2030**

TT	Tên Chương trình	Văn bản pháp lý
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT		
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới	Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/08/2022
2	Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025 (KX.04/21-25)	Quyết định số 1810/QĐ-TTg ngày 28/10/2021
3	Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia “nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030”	Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 01/10/ 2021
4	Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030	Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021
5	Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025	Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021; Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016
6	Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030	Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021
7	Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030	Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021
8	Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030	Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021
9	Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030	Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020
10	Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021 đến 2030	Quyết định số 2200/QĐ-TTg ngày 22/12/2020
11	Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030	Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020
12	Chương trình Phát triển vật lý giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 1187/QĐ-TTg ngày 04/8/2020
13	Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển giai đoạn 2017-2025	Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25/4/2017
14	Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025	Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 22/02/2017
15	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển KT-XH	Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015

	nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025	
16	Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015
BỘ TRƯỞNG BỘ KH&CN PHÊ DUYỆT		
1	Nghiên cứu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới. Mã số: KX.01/21-30	Quyết định số 1031/QĐ-BKHCN ngày 20/6/2022
2	Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn nhân lực nhân văn phục vụ phát triển đất nước. Mã số: KX.03/21-30	Quyết định số 1032/QĐ-BKHCN ngày 20/6/2022
3	Xây dựng và hoàn thiện thể chế tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới. Mã số: KX.05/21-30	Quyết định số 1030/QĐ-BKHCN ngày 20/6/2022
4	Nghiên cứu các vấn đề quốc tế và khu vực nhằm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Mã số: KX.06/21-30	Quyết định số 1029/QĐ-BKHCN ngày 20/6/2022
5	Nghiên cứu đổi mới quản lý KH,CN&ĐMST ở Việt Nam. Mã số: KX.07	Quyết định số 2454/QĐ-BKHCN ngày 5/12/2022
6	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh. Mã số: KC.01/21-30	Quyết định số 1002/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2022
7	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu. Mã số: KC.02/21-30	Quyết định số 1216/QĐ-BKHCN ngày 01/7/2022
8	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí tự động hóa. Mã số: KC.03/21-30	Quyết định số 829/QĐ-BKHCN ngày 24/5/2022
9	Chương trình trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025 về hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0. Mã số: KC.4.0/19-25	Quyết định số 2813/QĐ-BKHCN ngày 27/9/2018
10	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng. Mã số: KC.05/21-30	Quyết định số 1217/QĐ-BKHCN ngày 01/7/2022
11	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phát triển ngành công nghiệp môi trường. Mã số: KC.06/21-30	Quyết định số 1217/QĐ-BKHCN ngày 01/7/2022
12	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Mã số: KC.07/21-30	Quyết định số 1251/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022
13	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Mã số: KC.08/21-30	Quyết định số 1033/QĐ-BKHCN ngày 20/6/2022
14	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Mã số: KC.09/21-30	Quyết định số 1034/QĐ-BKHCN ngày 20/6/2022
15	Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ tiên tiến trong y tế và phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe. Mã số: KC.10/21-30	Quyết định số 1254/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022
16	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm. Mã số:	Quyết định số 1255/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2022

	KC.11/21-30	
17	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Mã số: KC.12/21-30	Quyết định số 1253/QĐ-BKHHCN ngày 14/7/2022
18	Tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030	Quyết định số 168/QĐ-BKHHCN ngày 17/2/2023
19	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ. Mã số KC.13/21-30	Quyết định số 483/QĐ-BKHHCN ngày 23/3/2023
20	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa, Mã số: KC.14/21-30	Quyết định số 2846/QĐ-BKHHCN ngày 01/12/2023
21	Khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, Mã số: KC.15/21-30	Quyết định số 3289/QĐ-BKHHCN ngày 29/12/2023
22	Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển KT-XH vùng Tây Bắc giai đoạn đến năm 2030 ⁷²	

⁷² Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị.